



BỘ TƯ PHÁP



BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

**KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ CÁC GIẢI PHÁP
NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG
LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**



Nhóm Nghiên cứu:

1. LS Nguyễn Hưng Quang (Sáng lập viên, Trưởng Văn phòng luật sư NHQuang và Cộng sự) – Trưởng nhóm;
2. GS Mirjana Drenovak-Ivanović – Chuyên gia quốc tế;
3. LS Nguyễn Thuỳ Dương – Thành viên.

Nhóm Nghiên cứu được UNDP Việt Nam tuyển chọn trong phạm vi Phi dự án “Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về các giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng liên quan đến lĩnh vực môi trường” do Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tài trợ. Nhóm Nghiên cứu xin cảm ơn các cộng sự của Văn phòng luật sư NHQuang và Cộng sự đã hỗ trợ trong quá trình xây dựng Nghiên cứu này¹.

Quan điểm trong nghiên cứu này là của Nhóm Nghiên cứu và không đại diện cho Bộ Tư pháp cũng như bất kỳ cơ quan nào thuộc Chính phủ Việt Nam hay Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP).

¹ Nhóm Nghiên cứu xin cảm ơn sự hỗ trợ của các cộng sự Lê Hải Linh, Lê Mai Phương và Đặng Huyền Thu trong quá trình thực hiện Nghiên cứu này.

MỤC LỤC

DANH MỤC HỘP, HÌNH, BẢNG.....	6
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	7
BÁO CÁO TÓM TẮT	8
BỐI CẢNH, MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	15
PHẦN I – TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ NƯỚC THEO CÁC NGUYÊN TẮC CỐT LÕI CỦA PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ LIÊN QUAN TỚI BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ MÔI TRƯỜNG	18
1.1. Trách nhiệm của nhà nước theo các nguyên tắc cốt lõi của pháp luật quốc tế liên quan tới bồi thường thiệt hại về môi trường	18
1.1.1. Nguyên tắc phòng ngừa ("Principle of Prevention")	18
1.1.2. Nguyên tắc thận trọng ("Precautionary Principle")	19
1.1.3. Nguyên tắc "Người gây ô nhiễm phải trả tiền" ("Polluter Pays" Principle), trách nhiệm của người gây ô nhiễm và người kế thừa trách nhiệm	23
1.2. Trách nhiệm của nhà nước theo các điều ước quốc tế liên quan tới bồi thường thiệt hại về môi trường	25
1.2.1. Trách nhiệm và mối quan hệ nhân quả.....	26
1.2.2. Nghĩa vụ chứng minh và cơ chế bồi thường.....	27
1.2.3. Vai trò của ý kiến chuyên gia.....	28
1.2.4. Cơ chế giải quyết tranh chấp bằng tòa án và các phương pháp giải quyết tranh chấp ngoài tòa án	28
PHẦN II – PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ KHU VỰC VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG	30
2.1. Tổng quan về trách nhiệm dân sự áp dụng cho các cá nhân và pháp nhân theo hệ thống pháp luật của các quốc gia liên quan tới bồi thường thiệt hại về môi trường	30
2.1.1. Trách nhiệm liên quan tới chất thải và bảo vệ môi trường	30
2.1.2. Trách nhiệm loại bỏ các nguồn gây thiệt hại môi trường nguy hiểm ảnh hưởng đến cộng đồng	32
2.1.3. Những thách thức chính trong việc xây dựng khung pháp luật quốc gia về trách nhiệm đối với môi trường	34
2.2. Pháp luật và thực tiễn của Liên minh Châu Âu liên quan tới bồi thường thiệt hại về môi trường	36

2.2.1. Cơ sở pháp lý của trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	36
2.2.2. Nghĩa vụ chứng minh	37
2.2.3. Phạm vi và bản chất của thiệt hại có thể được bồi thường.....	39
2.2.4. Ý kiến chuyên gia	40
2.2.5. Các cơ chế giải quyết tranh chấp về môi trường	41
2.3. Pháp luật và thực tiễn của CHLB Đức liên quan tới bồi thường thiệt hại về môi trường.....	42
2.3.1. Cơ sở pháp lý của trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	42
2.3.2. Nghĩa vụ chứng minh	43
2.3.3. Phạm vi và bản chất của thiệt hại có thể được bồi thường.....	44
2.3.4. Ý kiến chuyên gia	45
2.3.5. Các cơ chế giải quyết tranh chấp về môi trường	45
2.4. Pháp luật và thực tiễn của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ liên quan tới bồi thường thiệt hại về môi trường	47
2.4.1. Cơ sở pháp lý của trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	47
2.4.2. Nghĩa vụ chứng minh	49
2.4.3. Phạm vi và bản chất của thiệt hại có thể được bồi thường.....	50
2.4.4. Ý kiến chuyên gia	53
2.4.5. Các cơ chế giải quyết tranh chấp về môi trường	53
2.5. Pháp luật và thực tiễn của Cộng hoà Indonesia liên quan tới bồi thường thiệt hại về môi trường	54
2.5.1. Cơ sở pháp lý của trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	54
2.5.2. Nghĩa vụ chứng minh	59
2.5.3. Phạm vi và bản chất của thiệt hại có thể được bồi thường.....	60
2.5.4. Ý kiến chuyên gia	60
2.5.5. Các cơ chế giải quyết tranh chấp về môi trường	61
PHẦN III – KHUNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CỦA VIỆT NAM VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG.....	63
3.1. Cơ sở pháp lý của trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	63
3.2. Nghĩa vụ chứng minh	66
3.3. Phạm vi và bản chất của thiệt hại có thể được bồi thường.....	69

3.3.1. Hướng dẫn xác định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường và các phương án xử lý, phục hồi	69
3.3.2. Hướng dẫn xác định thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và cơ chế ủy quyền	72
3.3.3. Vấn đề mức bồi thường, lỗi, và bồi thường khi có nhiều chủ thể cùng gây thiệt hại	77
3.4. Ý kiến chuyên gia.....	81
3.4.1. Chuyên gia tham gia cùng cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong giai đoạn đánh giá ban đầu	81
3.4.2. Chuyên gia do nguyên đơn hoặc bị đơn thuê	83
3.4.3. Chuyên gia do Tòa án chỉ định	84
3.5. Các cơ chế giải quyết tranh chấp về môi trường	86
3.5.1. Giải quyết tranh chấp bằng các phương thức ngoài Tòa án.....	86
3.5.2. Giải quyết tranh chấp tại Tòa án.....	92
PHẦN IV – KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	96
PHỤ LỤC I – DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT.....	111
PHỤ LỤC II – DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	113

DANH MỤC HỢP, HÌNH, BẢNG

Hộp 1: Vụ việc Alfio Bonomo kiện Tribunale di Siracusa	38
Hộp 2: Thách thức đối với việc áp dụng ý kiến chuyên gia tại Serbia.....	41
Hộp 3: Những thách thức trong việc chứng minh mối quan hệ nhân quả - vụ Booth kiện Georgia-Pacific Corp. (2014).....	50
Hộp 4: Tính toán thiệt hại và bồi thường mang tính trừng phạt – vụ Exxon Shipping Co. kiện Baker	51
Hộp 5: Vụ Deepwater Horizon (2010) - Một ví dụ về Phân tích trách nhiệm đối với môi trường dựa trên dữ kiện thực tế.....	51
Hộp 6: Anderson kiện Pacific Gas & Electric Co. (1993) - Một vụ kiện mang tính bước ngoặt về ý kiến chuyên gia	53
Hộp 7: Vụ việc Mandalawangi (2004).....	56
Hộp 8: Vụ việc PT Bumi Mekar Hijau (2015)	58
Hộp 9: Vụ ô nhiễm vịnh Buyat (2004).....	59
Hộp 10: Vụ việc PT Bumi Mekar Hijau (2015) - Thách thức về mối quan hệ nhân quả trong trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt	59
Hộp 11: Vụ việc PT Kalista Alam (2018) – Tính toán thiệt hại	60
Hộp 12: Ví dụ về công thức tính toán chi phí bồi thường thiệt hại tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP.....	70

Hình 1: Các nội dung cơ bản của quy định về bồi thường thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường theo Luật BVMT 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP	65
Hình 2: Quy trình tiếp nhận và xử lý thông báo về ô nhiễm, suy thoái môi trường	82

Bảng 1: Tổng hợp các nội dung chính về BTTHVMT tại các quốc gia/khu vực thuộc phạm vi nghiên cứu.....	99

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ADR	Phương thức giải quyết tranh chấp thay thế
BLDS	Bộ luật Dân sự
BTTHVMT	Bồi thường thiệt hại về môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
BVQLNTD	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
CHLB	Cộng hoà liên bang
CLC 1992	Công ước về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu 1992
Công ước Basel 1989	Công ước Basel năm 1989 về Kiểm soát việc vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại và việc xử lý chất thải nguy hại
Công ước Bunker 2001	Công ước về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu năm 2001
ICJ	Tòa án Công lý Quốc tế
ITLOS	Tòa án quốc tế về luật biển
Luật BVMT	Luật Bảo vệ môi trường
NNMT	Nông nghiệp và Môi trường
Nguyên tắc PPP	Nguyên tắc "Người gây ô nhiễm phải trả tiền" ("Polluter Pays" Principle)
TNMT	Tài nguyên và Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
UNCLOS	Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982

BÁO CÁO TÓM TẮT

Để ứng phó với tình trạng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu và những thách thức môi trường mà các cá nhân và cộng đồng đang phải đối mặt, đặc biệt liên quan tới vấn đề bồi thường thiệt hại về môi trường (BTTHVMT), Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện **Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về các giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng liên quan đến lĩnh vực môi trường**. Mục tiêu của việc thực hiện Nghiên cứu này là nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp BTTHVMT tại Việt Nam trên cơ sở học hỏi từ pháp luật quốc tế và kinh nghiệm của các quốc gia khác, từ đó tăng cường tính bền vững của các nỗ lực bảo vệ quyền liên quan tới môi trường tại Việt Nam. Các kết quả phân tích tại Nghiên cứu này dẫn đến một số kết luận như sau:

Trước hết, khung pháp luật hiện hành của Việt Nam, đặc biệt là các quy định của Luật BVMT 2020, cho thấy **hiều điểm tương đồng với pháp luật quốc tế và pháp luật của các quốc gia/khu vực trong phạm vi nghiên cứu**, thể hiện qua những điểm sau:

- i. **Phân loại rõ 02 loại thiệt hại** do ô nhiễm, suy thoái môi trường gây ra, bao gồm (i) Suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; và (ii) Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra, với sự khác biệt về mặt quy trình bồi thường thiệt hại: Tương đồng với xu hướng coi việc BVMT là một giá trị pháp lý riêng, phù hợp với pháp luật của Đức khi có 02 đạo luật tồn tại song song - một văn bản quy định về phục hồi môi trường, một văn bản tập trung vào thiệt hại con người và tài sản.
- ii. **Áp dụng các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với các thiệt hại của cá nhân và tổ chức**: Tương đồng với xu hướng pháp luật của các quốc gia như Hoa Kỳ và Indonesia về lựa chọn cơ chế pháp lý để ràng buộc trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm.
- iii. **Ghi nhận nguyên tắc về bồi thường toàn bộ thiệt hại**, trong đó làm rõ phạm vi chịu trách nhiệm của người gây ô nhiễm: Tương đồng với nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền của pháp luật môi trường quốc tế – là nền tảng của pháp luật về trách nhiệm đối với môi trường của Liên minh Châu Âu và Hoa Kỳ.
- iv. **Không xác định yếu tố lỗi là điều kiện làm phát sinh trách nhiệm BTTHVMT**: Phù hợp với cách tiếp cận trách nhiệm nghiêm ngặt/không tính đến yếu tố lỗi (“Strict Liability”) của pháp luật quốc tế. Các khu vực và quốc gia trong phạm

vi nghiên cứu, bao gồm Liên minh Châu Âu, Đức, Hoa Kỳ, Indonesia, cũng đều áp dụng cách tiếp cận trách nhiệm nghiêm ngặt này. Lưu ý thêm là Liên minh Châu Âu và Đức áp dụng song song cách tiếp cận trách nhiệm nghiêm ngặt và dựa trên lỗi, theo đó cách tiếp cận nghiêm ngặt chỉ áp dụng đối với các hoạt động nguy hại với môi trường.

- v. **Chuyển nghĩa vụ chứng minh sang cho tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm (thể hiện qua quy định về trường hợp ngoại lệ không phải bồi thường thiệt hại):** Phù hợp với nguyên tắc thận trọng của pháp luật quốc tế và khá giống với cơ chế bác bỏ trách nhiệm dành cho doanh nghiệp theo pháp luật của Đức. Việc đảo ngược nghĩa vụ chứng minh sang cho bị đơn cũng được áp dụng trong pháp luật của Liên minh Châu Âu, Đức (với các vụ việc áp dụng trách nhiệm nghiêm ngặt), Hoa Kỳ (với các vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường), và Indonesia.
- vi. **Quy định cơ cấu, thành phần của Hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ bao gồm cả các chuyên gia có chuyên môn về lĩnh vực môi trường và các lĩnh vực có liên quan:** Phù hợp với xu hướng của pháp luật quốc tế và các quốc gia/khu vực trong phạm vi nghiên cứu trong việc trọng dụng ý kiến chuyên gia trong xác định thiệt hại và trách nhiệm trong các vụ việc BTTHVMT.
- vii. **Thứ tự ưu tiên các phương án xử lý, phục hồi môi trường:** Thứ tự các phương án theo quy định của pháp luật Việt Nam khá giống với quy định của Hoa Kỳ liên quan tới thẩm quyền của Cơ quan BVMT Hoa Kỳ (EPA) trong việc yêu cầu các bên gây ô nhiễm lập kế hoạch khắc phục và thực hiện dưới sự giám sát của Cơ quan này; trường hợp các bên gây ô nhiễm không nộp hoặc không thực hiện kế hoạch thì Cơ quan BVMT Hoa Kỳ sẽ tự lập kế hoạch và yêu cầu các bên gây ô nhiễm thực hiện, nếu không thì Cơ quan này sẽ sử dụng tiền từ Quỹ chất độc hại để thực hiện kế hoạch và truy đòi từ các bên gây ô nhiễm.
- viii. **Quy định cơ chế uỷ quyền xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại giữa cá nhân, tổ chức với cơ quan nhà nước:** Phù hợp với xu hướng hỗ trợ tăng khả năng tiếp cận công lý về môi trường cho người dân.
- ix. **Ghi nhận các phương thức giải quyết tranh chấp bao gồm thương lượng, hoà giải, trọng tài bên cạnh phương thức giải quyết tranh chấp tại Tòa án:** Phù hợp với xu hướng của pháp luật quốc tế và các quốc gia/khu vực trong phạm vi nghiên cứu trong việc ưu tiên các phương pháp giải quyết tranh chấp thay thế (ADR).

Bên cạnh những điểm tương đồng nêu trên, Nghiên cứu còn cho thấy **một số nội dung quy định liên quan tới BTTHVMT trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện**

hành chưa thực sự rõ ràng hoặc có sự khác biệt với pháp luật của các quốc gia/khu vực thuộc phạm vi nghiên cứu. Các điểm khác biệt này không đồng nghĩa với việc pháp luật Việt Nam còn nhiều hạn chế mà thay vào đó thể hiện sự khác nhau trong cách tiếp cận về cùng một vấn đề giữa các quốc gia, khu vực. Những điểm khác biệt này có thể là gợi ý để các nhà lập pháp Việt Nam cân nhắc và lựa chọn cách tiếp cận phù hợp nhất với bối cảnh Việt Nam trong tương lai khi sửa đổi các văn bản pháp luật liên quan.

- i. Pháp luật Việt Nam **không quy định cụ thể các phương pháp khoa học có thể áp dụng để tính toán thiệt hại** – vấn đề này là phù hợp với thực tế do tính đa dạng và sự phát triển nhanh chóng của các phương pháp khoa học. Ngoài ra, hiện nay tại Việt Nam **cũng chưa có án lệ nào liên quan tới BTTHVMT để gợi ý về những phương pháp khoa học phù hợp**. Vụ Deepwater Horizon (2010) của Hoa Kỳ cho thấy tầm quan trọng của việc áp dụng các phương pháp khoa học như Phương pháp chi phí du hành (Travel Cost Method), Phương pháp Định giá hưởng thụ (Hedonic Pricing), Phân tích nơi cư trú tương đương (HEA), mô hình thủy động lực học... Việc tính toán thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với một khu vực địa lý bao gồm thiệt hại đối với môi trường nước, môi trường đất, hệ sinh thái, và các loài động vật, thực vật của Nghị định 08/2022/NĐ-CP **chưa bao gồm thiệt hại do ô nhiễm không khí** – việc bồi thường do ô nhiễm không khí đã được pháp luật của Liên minh Châu Âu và Hoa Kỳ quy định.
- ii. Quy định cho phép người dân, tổ chức uỷ quyền cho cơ quan nhà nước là một trường hợp khá đặc thù trong hệ thống pháp luật hiện hành. Hiện nay **chưa có hướng dẫn cụ thể về việc cơ quan nhà nước thực hiện công việc theo uỷ quyền** của cá nhân, tổ chức để xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Các quy định hiện nay cũng chưa thống nhất về việc xác định cơ quan có thẩm quyền được uỷ quyền từ cá nhân, tổ chức để thực hiện việc xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại **là UBND tỉnh hay Sở NNMT**. Việc quy định người dân có thể uỷ quyền cho cơ quan nhà nước “*xác định thiệt hại và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại*” chưa rõ ràng về việc người dân có thể uỷ quyền từng công việc hay phải uỷ quyền cả 02 công việc. Cơ chế uỷ quyền giữa tổ chức, cá nhân bị thiệt hại với cá nhân, tổ chức khác hoặc với cơ quan có thẩm quyền trong việc xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại **chưa có quy định cụ thể** để xác định trách nhiệm chi trả của tổ chức, cá nhân gây thiệt hại về môi trường (ví dụ chi phí thuê luật sư). Tại Indonesia, pháp luật của nước này quy định một trong những thiệt hại có thể được bồi thường là chi phí cho các thủ tục pháp lý.

- iii. Một số quy định của BLDS 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP **có thể chưa bao quát được hết các đặc thù của phương thức xác định thiệt hại về môi trường** khi chỉ cho phép bồi thường thiệt hại thực tế và đã xảy ra. Theo đó, các cá nhân trong vùng bị ô nhiễm không được bồi thường các chi phí theo dõi sức khỏe thường xuyên trong tương lai để phát hiện kịp thời các bệnh có nguyên nhân từ hành vi gây ô nhiễm. BLDS 2015 và Luật BVMT 2020 cũng chưa có quy định về cơ chế giải quyết trường hợp kế thừa nghĩa vụ bồi thường thiệt hại khi doanh nghiệp vi phạm đã chấm dứt hoạt động (giải thể hoặc phá sản). Việt Nam hiện nay **chưa có các quy định liên quan tới áp dụng pháp luật hồi tố trong các vụ việc BTTHVMT**. Hoa Kỳ áp dụng chế định trách nhiệm đối với ô nhiễm xảy ra trước khi văn bản luật liên quan được ban hành và xác định các chủ thể liên quan trong quá khứ, ví dụ chủ sở hữu hoặc đơn vị vận hành vào thời điểm phát tán chất gây ô nhiễm bên cạnh các chủ thể hiện tại.
- iv. Luật Trọng tài thương mại 2010 và Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hoà giải thương mại đều xác định phạm vi tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài thương mại và hoà giải bao gồm tranh chấp giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; đồng thời đều cho phép các bên có thể thoả thuận lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp bằng một thoả thuận giải quyết tranh chấp độc lập – thoả thuận này có thể được lập sau khi tranh chấp đã xảy ra. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy trọng tài thương mại dường như chưa giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực môi trường. Do đó, các quy định hiện hành cần phải hoàn thiện hơn để có thể giải quyết BTTHVMT theo Luật BVMT 2020 **bằng phương thức hoà giải thương mại và phương thức trọng tài thương mại**.
- v. Theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020, các tranh chấp BTTHVMT nếu liên quan tới thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường thì **có thể không được hoà giải** nếu có thiệt hại liên quan đến tài sản của Nhà nước. Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra thì có thể được thực hiện bằng phương thức hoà giải tại Tòa án. Tuy nhiên Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 **không có quy định rõ ràng về việc tổ chức cùng một phiên hoà giải tại Tòa án hoặc gộp phiên hoà giải** nếu có cùng một bị đơn hoặc nội dung, tính chất của các đơn khởi kiện giống nhau, do đó có thể chưa phù hợp với số lượng lớn người bị thiệt hại trong các vụ kiện BTTHVMT.
- vi. Mặc dù **thời hiệu 03 năm** của các vụ việc BTTHVMT được tính từ ngày tổ chức, cá nhân biết hoặc phải biết thiệt hại do hành vi phạm pháp luật của tổ

chức, cá nhân khác, mà không phải là thời điểm hành vi vi phạm pháp luật xảy ra, và dường như đủ để người bị thiệt hại thu thập các bằng chứng liên quan và thực hiện việc khởi kiện, vẫn có quan điểm cho rằng thời hiệu 03 năm là quá ngắn. Bên cạnh đó, cũng có quan điểm lo ngại về **kiến thức, chuyên môn về môi trường** của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân chưa đồng đều dẫn đến những khó khăn trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến môi trường. Tại Đức, một số tiểu bang đã thành lập các trung tâm hòa giải môi trường chuyên biệt, cung cấp nền tảng để giải quyết các tranh chấp giữa những người gây ô nhiễm, cơ quan quản lý và cộng đồng bị ảnh hưởng. Trong Liên minh Châu Âu, một số quốc gia thành viên cũng đã thành lập các tòa án hoặc hội đồng xét xử chuyên trách về môi trường. Còn tại Việt Nam, theo Luật Tổ chức Tòa án 2024, hiện nay Việt Nam **chưa có Tòa chuyên trách về môi trường**.

Học hỏi từ pháp luật quốc tế và kinh nghiệm của các quốc gia/khu vực được phân tích trong phạm vi nghiên cứu, Nghiên cứu này đưa ra một số đề xuất như sau để hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về BTTHVMT và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp BTTHVMT:

Thứ nhất, quy định chi tiết hơn về **cơ chế ủy quyền** giữa tổ chức, cá nhân bị thiệt hại với cá nhân, tổ chức khác hoặc với cơ quan có thẩm quyền trong việc (i) xác định thiệt hại và (ii) yêu cầu bồi thường thiệt hại, bao gồm cả việc làm rõ có thể ủy quyền một trong hai công việc cho một hoặc nhiều chủ thể khác, và làm rõ quy trình thực hiện công việc theo ủy quyền trong trường hợp người được ủy quyền là cơ quan nhà nước. Cần quy định rõ vấn đề **chi phí** hợp lý để thực hiện công việc theo ủy quyền và thù lao trả cho bên được ủy quyền (ví dụ chi phí thuê luật sư) **phải do tổ chức, cá nhân gây thiệt hại về môi trường chi trả**. Thống nhất quy định về cơ quan có thẩm quyền được ủy quyền từ cá nhân, tổ chức để thực hiện việc xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại là UBND tỉnh hay Sở NNMT.

Thứ hai, nghiên cứu quy định một số **nội dung đặc thù về bồi thường thiệt hại** so với BLDS 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP để phù hợp với đặc thù của các vụ việc BTTHVMT, ví dụ như mở rộng ranh giới không chỉ bồi thường thiệt hại thực tế/đã xảy ra mà còn **bồi thường cả các chi phí hợp lý trong tương lai** như chi phí theo dõi sức khỏe thường xuyên đối với các cá nhân trong vùng bị ô nhiễm để phát hiện kịp thời các bệnh có nguyên nhân từ hành vi gây ô nhiễm. Cần nhắc khả năng bổ sung quy định về trường hợp **kế thừa nghĩa vụ bồi thường thiệt hại khi doanh nghiệp vi phạm đã chấm dứt hoạt động** (giải thể hoặc phá sản). Cần nhắc về việc áp dụng **trách nhiệm hồi tố** đối với các vụ việc BTTHVMT và **mở rộng phạm vi xác định các chủ thể có khả năng liên quan** (bao gồm chủ sở hữu và đơn vị vận hành trong quá khứ vào thời điểm xả thải, đơn vị vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải...) như quy định của Hoa Kỳ.

Thứ ba, cân nhắc khả năng **bổ sung thiệt hại do ô nhiễm không khí** bên cạnh các thiệt hại đối với môi trường đất, nước như quy định hiện hành khi tính toán thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường. Kinh nghiệm của Liên minh Châu Âu và Hoa Kỳ trong vấn đề này là những ví dụ tốt. Bên cạnh đó, có thể cân nhắc bổ sung các **tiêu chuẩn cụ thể đối với ý kiến chuyên gia** trong các vụ việc về BTTHVMT. Có thể tham khảo tiêu chuẩn Daubert của Hoa Kỳ - tiêu chuẩn này yêu cầu chứng cứ khoa học phải đáng tin cậy, phù hợp và có phương pháp luận hợp lý.

Thứ tư, nên **lựa chọn, phát triển các án lệ liên quan tới BTTHVMT** đối với cả 02 loại thiệt hại - (i) Suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; và (ii) Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra. Các án lệ này nên nêu rõ cách tiếp cận trách nhiệm nghiêm ngặt của pháp luật Việt Nam và việc chuyển nghĩa vụ chứng minh sang cho bị đơn, đặc biệt nên **làm rõ các phương pháp khoa học được áp dụng để tính toán thiệt hại và xác định trách nhiệm của bên gây ô nhiễm**, ví dụ như Phương pháp chi phí du hành (Travel Cost Method), Phương pháp Định giá hưởng thụ (Hedonic Pricing), Phân tích nơi cư trú tương đương (HEA), mô hình thủy động lực học... như trong vụ việc Deepwater Horizon (2010) của Hoa Kỳ.

Thứ năm, làm rõ **việc giải quyết tranh chấp** BTTHVMT theo Luật BVMT 2020 có thể được áp dụng các quy định về **hoà giải thương mại và trọng tài thương mại** để tận dụng đội ngũ hoà giải viên, trọng tài viên và tổ chức hoà giải, trọng tài thương mại như trường hợp của Luật BVQLNTD. Nên quy định cụ thể về thủ tục, cơ chế hoà giải tranh chấp BTTHVMT để các trung tâm hoà giải, trọng tài thương mại hoặc tổ chức hoà giải khác có thể áp dụng. Việt Nam cần nghiên cứu thành lập các **trung tâm hoà giải chuyên biệt về môi trường** như ở Đức. Tương tự như quy định về hoà giải tranh chấp đất đai, mô hình hoà giải cần có sự tham gia của cơ quan hành chính nhà nước và các chủ thể khác cùng thực hiện hoà giải tranh chấp BTTHVMT tương tự như giải quyết tranh chấp đất đai theo pháp luật đất đai. Đối với trường hợp áp dụng cơ chế hoà giải tại Tòa án, Tòa án nhân dân tối cao cần có hướng dẫn rõ ràng về trường hợp các tranh chấp BTTHVMT về thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường thì có thể không được hoà giải nếu có thiệt hại liên quan đến tài sản của Nhà nước theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020. Với trường hợp thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra, nếu hoà giải tại Tòa án thì pháp luật Việt Nam cần nghiên cứu cho phép gộp phiên hoà giải để đảm bảo tất cả những người bị thiệt hại trong các vụ kiện BTTHVMT có liên quan đều có thể tham gia cùng phiên hoà giải.

Thứ sáu, nghiên cứu về **sự phù hợp của thời hiệu** 03 năm với các vụ việc tranh chấp BTTHVMT, đặc biệt đặt trong bối cảnh Điều 155 BLDS 2015 đã có quy định về **các trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện** – trong đó cho phép các luật quy định trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện; đồng thời đảm bảo sự tương thích về cách xác định thời hiệu đối với các tranh chấp BTTHVMT giữa Dự thảo Nghị quyết Thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự công ích đang được soạn thảo với BLTTDS và Luật BVMT. Nghiên cứu bổ sung quy định của Luật BVMT về việc xác định các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra (cá nhân bị thiệt hại về tính mạng, sức khỏe; cá nhân, tổ chức bị thiệt hại về tài sản và lợi ích hợp pháp) là một nhóm dễ bị tổn thương (về môi trường) để thiết lập căn cứ pháp lý cho việc Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện bảo vệ quyền của các chủ thể này theo Dự thảo Nghị quyết Thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự công ích. Bên cạnh đó, có các biện pháp **nâng cao kiến thức, chuyên môn** về môi trường của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến môi trường. Cần nhắc thêm về **cơ chế Tòa chuyên trách hoặc hội đồng xét xử chuyên trách** về môi trường trong tương lai như một số quốc gia trong Liên minh Châu Âu đã thực hiện.

Cuối cùng, Nghiên cứu này chủ yếu mang tính gợi mở, nhiều vấn đề cần được nghiên cứu cụ thể hơn nếu dự kiến chuyển hoá thành quy định pháp luật, đặc biệt là nghiên cứu về các quy định pháp luật cụ thể điều chỉnh từng chế định tương ứng của các quốc gia/khu vực và việc thực thi các quy định đó trên thực tế, sau đó mới có thể thực hiện việc so sánh và đánh giá tác động để tìm ra hướng quy định phù hợp nhất với bối cảnh Việt Nam.

Vui lòng xem các phân tích chi tiết tại các phần tiếp theo của Báo cáo./.

BỐI CẢNH, MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Bối cảnh và mục tiêu nghiên cứu

Việt Nam là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất trước biến đổi khí hậu. Trong giai đoạn 1958-2018, nhiệt độ trung bình năm cả nước tăng khoảng 0,89°C; mực nước biển trung bình tăng 2,74 mm/năm². Việt Nam cũng chứng kiến sự gia tăng cả về tần suất và cường độ của các sự kiện khí hậu cực đoan, chẳng hạn như bão, lũ lụt và hạn hán. Biến đổi khí hậu đã và đang gây ra những thách thức ngày càng tăng đối với sinh kế và việc hưởng thụ quyền con người của các cá nhân và cộng đồng dễ bị tổn thương về môi trường.

Trên trường quốc tế, Việt Nam thể hiện quan điểm rõ ràng và lên tiếng về cam kết giải quyết những vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu. Trong Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26) năm 2021, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã công bố nỗ lực của Việt Nam nhằm đạt được mục tiêu Phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Việt Nam cũng hoạt động tích cực tại Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc trong việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Kết quả là Nghị quyết về nhân quyền và biến đổi khí hậu do Việt Nam khởi xướng đã được Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua hàng năm kể từ năm 2022. Những nỗ lực này thể hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc thúc đẩy quyền của các nhóm dễ bị tổn thương, đặc biệt là trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Những bước tiến trên cũng đã mở ra cơ hội để tăng khả năng tiếp cận công lý môi trường. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã xác định một trong các mục tiêu tổng quát là “*bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân*”. Chương trình hành động quốc gia đầu tiên của Việt Nam về Thực hành kinh doanh có trách nhiệm đã được thông qua vào năm 2023 theo Quyết định số 843/QĐ-TTg ngày 14/07/2023 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó xác định BVMT là một trong năm lĩnh vực ưu tiên.

Đáng lưu ý, Luật Bảo vệ môi trường 2020 (Luật BVMT 2020) đã được ban hành với nhiều sửa đổi, bổ sung quan trọng và có tính đột phá nhằm kiểm soát ô nhiễm môi trường, trong đó có quy định về bồi thường thiệt hại về môi trường (BTTHVMT). Mặc dù vậy, tình trạng ô nhiễm môi trường vẫn diễn biến phức tạp, kéo theo đó là làm suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Các thiệt hại là hiện

² Theo Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022). Xem thêm tại: <https://pilot.dcc.gov.vn/Ảnh-hưởng-của-biến-đổi-khí-hậu-ở-Việt-Nam>.

hữu nhưng số vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng liên quan đến môi trường còn ít là một thực tế tại Việt Nam³.

Để ứng phó với tình trạng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu và những thách thức môi trường mà các cá nhân và cộng đồng tại Việt Nam đang phải đối mặt, đặc biệt liên quan tới vấn đề BTTHVMT, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện **Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về các giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng liên quan đến lĩnh vực môi trường**. Mục tiêu của việc thực hiện Nghiên cứu này là nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp BTTHVMT tại Việt Nam trên cơ sở học hỏi từ pháp luật quốc tế và kinh nghiệm của các quốc gia khác, từ đó tăng cường tính bền vững của các nỗ lực bảo vệ quyền liên quan tới môi trường tại Việt Nam.

2. Phạm vi và phương pháp nghiên cứu

Xét về phạm vi nghiên cứu, Nghiên cứu này phân tích cả **02 trường hợp BTTHVMT** trong hệ thống pháp luật hiện hành, bao gồm: (i) Các yêu cầu bồi thường do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường (Nhà nước là bên yêu cầu); và (ii) Các yêu cầu bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản (giữa các tổ chức, cá nhân trong khu vực tư nhân).

Về mặt phương pháp nghiên cứu, Báo cáo áp dụng phương pháp **nghiên cứu tài liệu**. Theo đó, các tài liệu được nghiên cứu chủ yếu tập trung vào các nội dung sau:

- Pháp luật quốc tế liên quan tới trách nhiệm đối với thiệt hại về môi trường, tập trung vào các nguyên tắc cốt lõi trong lĩnh vực môi trường theo pháp luật quốc tế, và các nghĩa vụ cơ bản phát sinh từ các công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực môi trường mà Việt Nam đã tham gia;
- Pháp luật và thực tiễn giải quyết tranh chấp BTTHVMT tại 04 quốc gia/khu vực là Liên minh Châu Âu, Đức, Hoa Kỳ, và Indonesia, tập trung vào các yếu tố cơ bản của giải quyết tranh chấp BTTHVMT như mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, phân bổ nghĩa vụ chứng minh, tính toán thiệt hại, bao gồm cả tổn thất kinh tế và phi kinh tế, các biện pháp phục hồi môi trường và bồi thường, việc sử dụng ý kiến chuyên gia để xác định trách nhiệm và thiệt hại, cơ chế giải quyết tranh chấp tại toà án, và các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (ADR);

³ Trần Tiến Dũng, *Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, 01/12/2023. Xem thêm tại: <https://tapchitoaan.vn/phap-luat-ve-trach-nhiem-boi-thuong-thiet-hai-cua-doanh-nghiep-gay-o-nhiem-moi-truong9813.html>

- Khung pháp luật hiện hành của Việt Nam liên quan đến giải quyết tranh chấp BTTHVMT, bao gồm cả các vướng mắc trong quy định và khó khăn trong thực thi, nếu có.

Nghiên cứu này có thể có một số hạn chế nhất định do chỉ có thể nghiên cứu được kinh nghiệm từ 04 quốc gia/khu vực khác, và cũng chưa thực hiện được các phương pháp nghiên cứu khác ngoài phương pháp nghiên cứu tài liệu, ví dụ như phỏng vấn sâu các bên liên quan tại Việt Nam để cung cấp được cái nhìn tổng quan hơn về vấn đề BTTHVMT tại Việt Nam, do hạn chế về mặt thời gian. Bên cạnh đó, một trong những thách thức đáng kể khi nghiên cứu về thực tiễn giải quyết tranh chấp BTTHVMT tại Việt Nam là việc thiếu vắng các bản án liên quan từ giai đoạn Luật BVMT 2020 có hiệu lực. Nhóm Nghiên cứu đã cố gắng khắc phục hạn chế này bằng cách nghiên cứu các bản án liên quan được công khai trước thời điểm Luật BVMT 2020 có hiệu lực, dù số lượng cũng rất ít, để chọn lọc và phân tích một số nội dung về thực tiễn giải quyết tranh chấp BTTHVMT có tính điển hình, từ đó làm giàu cho các phân tích của Báo cáo.

Mặc dù có các hạn chế nhất định nêu trên, Nghiên cứu này có ý nghĩa cho công tác xây dựng pháp luật vì đây là một trong những nghiên cứu một cách có hệ thống về chế định BTTHVMT kể từ thời điểm Luật BVMT 2020 được ban hành và có hiệu lực, được thực hiện dưới góc nhìn so sánh với pháp luật quốc tế và pháp luật các quốc gia khác để có cái nhìn khách quan, đa chiều, từ đó đưa ra được những khuyến nghị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng liên quan đến lĩnh vực môi trường tại Việt Nam.

PHẦN I – TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ NƯỚC THEO CÁC NGUYÊN TẮC CỐT LÕI CỦA PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ LIÊN QUAN TỚI BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ MÔI TRƯỜNG

Phần này phân tích 02 nội dung chính: Nội dung chính thứ nhất là trách nhiệm của nhà nước theo các nguyên tắc cốt lõi của pháp luật quốc tế liên quan tới BTTHVMT, bao gồm: (i) Nguyên tắc phòng ngừa ("Principle of Prevention"), (ii) Nguyên tắc thận trọng ("Precautionary Principle"), và (iii) Nguyên tắc "Người gây ô nhiễm phải trả tiền" ("Polluter Pays" Principle); nội dung chính thứ hai là trách nhiệm của nhà nước theo các điều ước quốc tế liên quan tới BTTHVMT, tập trung vào các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

1.1. Trách nhiệm của nhà nước theo các nguyên tắc cốt lõi của pháp luật quốc tế liên quan tới bồi thường thiệt hại về môi trường

1.1.1. Nguyên tắc phòng ngừa ("Principle of Prevention")

Nguyên tắc phòng ngừa là nền tảng của pháp luật quốc tế về môi trường, yêu cầu các quốc gia áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro và ngăn ngừa thiệt hại đối với môi trường trước khi thiệt hại xảy ra. Nguyên tắc này đặt ra nghĩa vụ cẩn trọng đối với các quốc gia, yêu cầu các quốc gia phải kiểm soát các hoạt động trong phạm vi lãnh thổ của mình để ngăn ngừa thiệt hại xuyên biên giới.

Nguyên tắc này có thể bắt nguồn từ phán quyết trọng tài trong vụ tranh chấp *Trail Smelter* (1941) giữa Hoa Kỳ và Canada, trong đó hội đồng trọng tài đã thiết lập một quy tắc cơ bản: không quốc gia nào có quyền cho phép các hoạt động trong lãnh thổ của mình gây hại cho môi trường của quốc gia khác. Phán quyết trọng tài trong vụ việc *Hô Lanoux* (1957) giữa Pháp và Tây Ban Nha đã củng cố thêm nguyên tắc này, cho rằng các quốc gia phải xem xét lợi ích của các quốc gia khác bị ảnh hưởng khi phê duyệt các dự án liên quan đến tài nguyên thiên nhiên chung.

Vụ kiện *Kênh đào Corfu* (1949) trước Tòa án Công lý Quốc tế (ICJ) đã mở rộng phạm vi của nguyên tắc phòng ngừa thông qua việc khẳng định các quốc gia phải phòng ngừa trường hợp lãnh thổ của mình bị sử dụng cho các hoạt động xâm phạm quyền của các quốc gia khác. Nghĩa vụ cảnh giác và kiểm soát này sau đó đã được khẳng định lại trong vụ *Nhà máy bột giấy trên sông Uruguay* (2010), trong đó ICJ phán quyết rằng các quốc gia phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết để ngăn chặn thiệt hại đáng kể đối với môi trường phát sinh từ các hoạt động thực hiện trong phạm vi lãnh thổ của mình.

Nguyên tắc phòng ngừa được lồng ghép trong các quy định về nghĩa vụ của pháp luật quốc tế và các điều ước quốc tế liên quan. Nguyên tắc này yêu cầu các quốc gia phải ban hành các quy định, đảm bảo việc tuân thủ, và thiết lập các đánh giá tác động môi

trường nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể lường trước được đối với môi trường. Trên thực tế, việc thực thi nguyên tắc phòng ngừa có một số khó khăn nhất định như:

- Khoảng cách giữa quy định và thực thi (ví dụ như việc thiếu thống nhất trong thực thi quy định);
- Hạn chế về hiệu quả của đánh giá tác động môi trường (ví dụ đánh giá chỉ nhằm tuân thủ về mặt thủ tục thay vì hướng tới BVMT một cách thực sự);
- Sự tham gia của người dân còn hạn chế (ví dụ trong quy trình ra quyết định cấp phép cho các dự án có rủi ro về môi trường);
- Thiếu các ưu đãi để doanh nghiệp có động lực áp dụng các công nghệ tốt nhất và mang tính bền vững với môi trường nhưng chi phí cao; và
- Cơ chế hợp tác giữa các quốc gia còn yếu trong công tác giải quyết các vụ việc xuyên biên giới.

Để thúc đẩy việc áp dụng nguyên tắc phòng ngừa, các quốc gia nên:

- Chú trọng hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật tích hợp nguyên tắc này, có các biện pháp nhằm tăng trách nhiệm giải trình trong quy trình ra quyết định liên quan tới môi trường;
- Tăng tính hiệu quả của quy trình đánh giá tác động về môi trường theo hướng yêu cầu đánh giá kỹ các giải pháp thay thế và nâng cao năng lực của các cơ quan liên quan;
- Thúc đẩy sự tham gia của người dân thông qua việc đảm bảo vai trò của công tác tham vấn cộng đồng và khả năng tiếp cận thông tin về môi trường;
- Quy định ưu đãi đối với các ngành công nghiệp áp dụng công nghệ tốt nhất để thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm đối với môi trường; và
- Tăng cường các nỗ lực hợp tác khu vực để giải quyết các vấn đề môi trường xuyên biên giới.

1.1.2. Nguyên tắc thận trọng (“Precautionary Principle”)

Nguyên tắc thận trọng cũng là một khái niệm nền tảng của pháp luật môi trường quốc tế, điều chỉnh các tình huống không có căn cứ khoa học chắc chắn về thiệt hại tiềm ẩn của các hoạt động cụ thể. Không giống như nguyên tắc phòng ngừa được áp dụng khi rủi ro môi trường đã được xác định, nguyên tắc thận trọng yêu cầu can thiệp về mặt pháp lý ngay cả khi không có chứng cứ khoa học chắc chắn về thiệt hại, với điều kiện rủi ro đó là hợp lý và có khả năng gây ra các hậu quả nghiêm trọng. Nguyên tắc này đã đóng vai trò quan trọng trong các trường hợp liên quan đến sinh vật biến đổi

gen (GMO), biến đổi khí hậu, và quy định về các chất nguy hại – các trường hợp cần phải thận trọng do thiệt hại về môi trường nếu xảy ra thì sẽ không thể khắc phục được.

Việc áp dụng nguyên tắc thận trọng yêu cầu **phải có sự thay đổi cơ bản trong khái niệm về trách nhiệm, mở rộng định nghĩa về thiệt hại để bao gồm cả thiệt hại tiềm ẩn**. Sự thay đổi này đòi hỏi khung pháp luật của các quốc gia phải có các cơ chế phòng ngừa nhằm đảm bảo các hoạt động có rủi ro đáng kể về môi trường phải chịu sự giám sát và kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước trước khi thiệt hại xảy ra. Nguyên tắc thận trọng được coi là biện pháp bảo vệ chống lại sự suy thoái môi trường, nhấn mạnh vào quản trị chủ động thay vì bồi thường thụ động.

Một chức năng cốt lõi của nguyên tắc thận trọng là **thay đổi cách tiếp cận về trách nhiệm đối với môi trường từ mô hình dựa trên thiệt hại sang mô hình dựa trên rủi ro**, từ đó thừa nhận rủi ro gây thiệt hại nghiêm trọng đối với môi trường là cơ sở hợp lệ để thực hiện các hành vi can thiệp theo quy định⁴. Các khung pháp luật truyền thống về trách nhiệm dân sự thường yêu cầu phải chứng minh được thiệt hại trước khi xác định trách nhiệm, tạo ra một khoảng trống pháp lý trong việc giải quyết các rủi ro tiềm ẩn về môi trường. Để thu hẹp khoảng trống này, các hệ thống pháp luật phải áp dụng các phương pháp mang tính đột phá như:

- Mở rộng phạm vi thiệt hại về môi trường để bao gồm các rủi ro nghiêm trọng và không thể khắc phục được.
- **Xây dựng cơ chế bồi thường áp dụng với thiệt hại trong quá khứ, hiện tại và tương lai**, đảm bảo phục hồi môi trường và giảm thiểu rủi ro.
- Ghi nhận rủi ro về môi trường trong các quy định về trách nhiệm pháp lý, đảm bảo biện pháp pháp lý mang tính phòng ngừa (trước khi sự kiện xảy ra) sẽ thay thế các biện pháp khắc phục sau khi sự kiện xảy ra.

Nguyên tắc thận trọng quy định việc thiếu một cơ sở khoa học chắc chắn và đầy đủ không phải là lý do biện minh cho việc không hành động khi có rủi ro hợp lý về thiệt hại đáng kể đối với môi trường⁵. Trong những trường hợp như vậy, các cơ quan hành chính và tư pháp có thể áp dụng:

- Nghĩa vụ phòng ngừa đối với các chủ thể thực hiện các hoạt động nhạy cảm với môi trường.
- Hạn chế hoặc cấm hoàn toàn các hoạt động thương mại có rủi ro cao về mặt môi trường.

⁴ M. Drenovak-Ivanović, *Luật Môi trường [Environmental Law]*, Belgrade 2021, trang 33-37.

⁵ M. Drenovak-Ivanović, *Trách nhiệm đối với thiệt hại môi trường: Các mô hình so sánh và hướng dẫn sửa đổi luật pháp Serbia [Liability for Environmental Damage: Comparative Models and Directions for Amending Serbian Legislation]*, Legal Life 2014, trang 450-464.

- Tăng cường kiểm soát theo quy định, yêu cầu chứng minh được việc giảm thiểu rủi ro.

Một số vấn đề cần lưu ý khi thực thi nguyên tắc thận trọng do có thể gặp những vướng mắc nhất định, như:

- **Sự thiếu chắc chắn trong việc xác định phạm vi can thiệp:** Một thách thức chính trong việc thực hiện nguyên tắc thận trọng là xác định phạm vi can thiệp của cơ quan quản lý nhà nước. Vì các biện pháp can thiệp phải được thực hiện trước khi xảy ra thiệt hại đối với môi trường, hệ thống pháp luật cần có hướng dẫn rõ ràng để đánh giá các rủi ro tiềm ẩn và xác định mức độ không chắc chắn về mặt khoa học làm cơ sở cho việc áp dụng các biện pháp can thiệp. Kinh nghiệm ở nhiều quốc gia cho thấy, việc không có định nghĩa pháp lý chính xác về "rủi ro hợp lý" đã dẫn đến các quyết định hành chính và tư pháp bị thiếu nhất quán.
- **Chuyển nghĩa vụ chứng minh:** Nguyên tắc thận trọng đòi hỏi **phải đảo ngược nghĩa vụ chứng minh truyền thống trong các tranh chấp về môi trường**. Thay vì yêu cầu cộng đồng bị ảnh hưởng hoặc cơ quan quản lý nhà nước chứng minh rằng một hoạt động cụ thể sẽ gây hại cho môi trường, trách nhiệm này chuyển sang cho chủ đầu tư dự án và doanh nghiệp phải chứng minh hoạt động của mình không có khả năng gây ra thiệt hại đáng kể đối với môi trường. Trên thực tế, sự thay đổi này có thể bị phản đối từ các doanh nghiệp và ngành công nghiệp với lý do làm phát sinh chi phí thực hiện nghiên cứu bổ sung, đánh giá tác động môi trường, và các biện pháp giảm thiểu rủi ro.
- **Sự thiếu thống nhất trong quy định pháp luật:** Trong nhiều hệ thống pháp luật, nguyên tắc thận trọng được lồng ghép trong các quy định về môi trường. Tuy nhiên khung pháp luật lại thiếu thống nhất. Thực tế này đã dẫn đến việc tòa án và các cơ quan quản lý nhà nước có thể diễn giải nguyên tắc này theo những cách khác nhau.
- **Tính tương xứng và việc phân tích chi phí-lợi ích:** Mặc dù nguyên tắc thận trọng nhấn mạnh vào việc phòng ngừa, các quyết định can thiệp của cơ quan quản lý nhà nước cần tương xứng với mức độ rủi ro. Nhà nước phải cân bằng giữa mục tiêu BVMT với các mục tiêu kinh tế và xã hội để các biện pháp can thiệp không dẫn đến nghĩa vụ quá nặng nề hoặc hạn chế vô lý đối với các hoạt động kinh tế. Việc xác định thế nào là biện pháp can thiệp "hợp lý" vẫn là một thách thức, đặc biệt là trong một số lĩnh vực mà rủi ro về môi trường trong dài

hạn phải được cân nhắc kỹ so với các mục tiêu phát triển kinh tế, như năng lượng, nông nghiệp và cơ sở hạ tầng.⁶

- **Cơ chế bảo đảm hiệu lực các quyết định tư pháp và hành chính:** Việc áp dụng nguyên tắc thận trọng thường được thể hiện qua quyết định của các cơ quan hành chính và tư pháp. Tòa án đóng vai trò quan trọng trong việc giải thích và thực thi nguyên tắc, đặc biệt là trong những trường hợp rủi ro về môi trường không chắc chắn. Tuy nhiên, nếu không có các quy tắc tố tụng và cơ chế thực thi rõ ràng, các bên liên quan sẽ đặt ra câu hỏi về tính hợp pháp của các biện pháp can thiệp. Việc đảm bảo tòa án và cơ quan hành chính có đủ chuyên môn và thẩm quyền để áp dụng nguyên tắc một cách nhất quán là rất quan trọng để đảm bảo sự thành công của nguyên tắc này.
- **Sự tham gia của người dân và quyền tiếp cận công lý:** Việc thực hiện hiệu quả nguyên tắc thận trọng đòi hỏi phải có cơ chế cho phép cộng đồng bị ảnh hưởng, các tổ chức môi trường và người dân phản đối các hoạt động có rủi ro về môi trường. Những vấn đề liên quan đến bảo đảm quyền tiếp cận công lý là trở ngại đáng kể ở nhiều quốc gia do các rào cản về thủ tục trong hoạt động tư pháp như chi phí tố tụng cao, hạn chế về tư cách khởi kiện hay sử dụng chuyên gia. Việc cải thiện các cơ chế pháp lý để người dân tham gia vào quá trình ra quyết định về môi trường là cần thiết nhằm đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Từ những vấn đề trên, để tích hợp nguyên tắc thận trọng, các quốc gia nên:

- Hoàn thiện khung pháp luật để quy định rõ về phạm vi thực hiện các hoạt động can thiệp;
- Quy phạm hoá việc đảo ngược nghĩa vụ chứng minh, yêu cầu chủ dự án và doanh nghiệp phải chứng minh hoạt động của mình sẽ không gây ra thiệt hại đáng kể đến môi trường;
- Tăng cường các tiêu chuẩn đánh giá tác động môi trường, yêu cầu đánh giá kịch bản xấu nhất, tác động tích lũy đến môi trường và các rủi ro tiềm ẩn dài hạn;
- Thiết lập rõ các tiêu chí về mức độ tương xứng để tránh sự can thiệp quá mức của cơ quan quản lý, đảm bảo các biện pháp can thiệp là hợp lý và chính đáng, cân bằng giữa BVMT với các yếu tố kinh tế và xã hội; và

⁶ M. Drenovak-Ivanović, *Trách nhiệm đối với thiệt hại môi trường: Các mô hình so sánh và hướng dẫn sửa đổi luật pháp Serbia [Liability for Environmental Damage: Comparative Models and Directions for Amending Serbian Legislation]*, Legal Life 2014, trang 450-464.

- Tăng cường hiệu quả công tác tư pháp và hành chính, đảm bảo Tòa án và các cơ quan quản lý có đủ chuyên môn và công cụ cần thiết để thực thi nguyên tắc thận trọng một cách nhất quán, cân nhắc thành lập tòa án chuyên trách về môi trường.

1.1.3. Nguyên tắc "Người gây ô nhiễm phải trả tiền" ("Polluter Pays" Principle), trách nhiệm của người gây ô nhiễm và người kế thừa trách nhiệm

Nguyên tắc "Người gây ô nhiễm phải trả tiền" ("Polluter Pays" Principle/PPP) là một nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế về môi trường, đảm bảo các cá nhân và pháp nhân gây ra sự suy thoái môi trường phải gánh chịu các hậu quả tài chính và pháp lý cho hành động của mình. **Nguyên tắc này được áp dụng trong tất cả các trường hợp ô nhiễm phát sinh từ các hoạt động hợp pháp hay bất hợp pháp**, và bao gồm cả trường hợp phát thải trong giới hạn cho phép của pháp luật cũng có thể gây ra tác động xấu đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. Việc thực hiện hiệu quả nguyên tắc PPP đảm bảo nghĩa vụ tài chính của việc BVMT không chuyển sang người dân mà phải là trách nhiệm của những người gây ra thiệt hại⁷. Theo đó, khuôn khổ pháp luật điều chỉnh trách nhiệm của người gây ô nhiễm phải bao gồm:

- Trách nhiệm trực tiếp đối với các thiệt hại về môi trường do phát thải chất gây ô nhiễm hoặc chất nguy hại.
- Trách nhiệm kế thừa, mở rộng trách nhiệm cho các pháp nhân kế thừa các nghĩa vụ về môi trường do sáp nhập, mua lại hoặc tái cấu trúc doanh nghiệp.
- Trách nhiệm trong trường hợp doanh nghiệp ngừng hoạt động, trong đó đảm bảo rằng các nghĩa vụ khắc phục môi trường vẫn tiếp tục **ngay cả sau khi doanh nghiệp giải thể hoặc phá sản**.

Một cơ chế thực thi quan trọng đối với PPP là **thẩm định chi tiết về môi trường ("Environmental Due Diligence")**, một quy trình đánh giá việc tuân thủ pháp luật môi trường của doanh nghiệp trước khi chuyển nhượng quyền sở hữu. Cơ chế này đảm bảo các trách nhiệm pháp lý tiềm ẩn về môi trường được xác định, đánh giá và giải quyết trong các giao dịch kinh doanh. Ngoài ra, bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc là điều cần thiết để đảm bảo rằng những người gây ô nhiễm vẫn duy trì được khả năng tài chính để khắc phục thiệt hại về môi trường, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp có nguy cơ cao về các sự cố ô nhiễm có thể gây ra hậu quả thảm khốc.

⁷ N. De Sadeleer, *Nguyên tắc luật môi trường - Từ khẩu hiệu chính trị đến quy tắc pháp lý [Environmental Law Principles – From Political Slogans to Legal Rules]*, Nhà xuất bản Đại học Oxford 2020, trang 454–455.

Mặc dù nguyên tắc PPP có ý nghĩa rất quan trọng, việc áp dụng nguyên tắc này đặt ra những thách thức pháp lý đáng kể mà các quốc gia cần giải quyết để đảm bảo khả năng thực thi hiệu quả và thống nhất⁸:

- **Phạm vi trách nhiệm:** Trong khi nguyên tắc nêu rõ về việc những người gây ô nhiễm phải chịu chi phí thực hiện các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, việc **người gây ô nhiễm có phải chịu toàn bộ chi phí khử nhiễm, dọn dẹp và phục hồi môi trường hay không** lại là một vấn đề chưa rõ ràng. Thực tiễn quốc tế cho thấy người gây ô nhiễm không nhất thiết phải chịu mọi chi phí liên quan đến ô nhiễm, đặc biệt là trong vụ việc ô nhiễm môi trường giữa các quốc gia. Do đó, các quốc gia **cần đưa ra hướng dẫn rõ ràng xác định mức độ trách nhiệm tài chính đối với những người gây ô nhiễm**, đặc biệt là trong các trường hợp thiệt hại môi trường phức tạp.
- **Các trường hợp ngoại lệ và cân nhắc về mặt kinh tế xã hội:** Cần quy định một số trường hợp ngoại lệ cho việc áp dụng nguyên tắc PPP để dự phòng trường hợp việc thực thi nguyên tắc này có thể dẫn đến những hậu quả kinh tế xã hội nghiêm trọng hoặc làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới quan hệ thương mại và đầu tư quốc tế. Các quốc gia cần đánh giá cẩn trọng các trường hợp ngoại lệ để không làm suy yếu hiệu quả của nguyên tắc PPP.
- **Định nghĩa “Các biện pháp hợp lý”:** Nguyên tắc PPP yêu cầu những người gây ô nhiễm phải chi trả chi phí hợp lý cho việc thực hiện các biện pháp kiểm soát ô nhiễm, nhưng định nghĩa về tính “hợp lý” này phụ thuộc vào nhiều yếu tố pháp lý và thực tiễn, như tính cấp thiết của mối đe dọa đối với môi trường, sự tương xứng giữa các biện pháp với thiệt hại, hay khung pháp luật về BVMT. Các quốc gia **nên thiết lập các tiêu chí rõ ràng để xác định khi nào can thiệp từ phía nhà nước là hợp lý** và phần nào trong các chi phí khắc phục nên do người gây ô nhiễm chi trả.
- **Cơ chế thu hồi chi phí:** Mặc dù nguyên tắc PPP đề xuất những người gây ô nhiễm phải chịu chi phí khắc phục, nguyên tắc này lại không xác định cách thức và thời điểm thu hồi những chi phí đó. Các quốc gia phải làm rõ **liệu có cần thu hồi chi phí ngay lập tức hay không hoặc có nên sử dụng các cơ chế thay thế như phí, thuế môi trường hoặc quỹ bồi thường để chi trả cho các hoạt động kiểm soát ô nhiễm**. Hiệu quả của các cơ chế này phụ thuộc vào

⁸ P. Sands và cộng sự, *Nguyên tắc của Luật Môi trường Quốc tế [Principles of International Environmental Law]*, Nhà xuất bản Đại học Cambridge 2018, trang 240-243.

năng lực của nhà nước trong việc thực thi hiệu quả và ngăn chặn tình trạng trốn tránh nghĩa vụ tài chính của các chủ thể gây ô nhiễm.

- **Vấn đề hỗ trợ chi phí từ phía nhà nước:** Một vấn đề pháp lý quan trọng là mức độ can thiệp của nhà nước trong việc chi trả các chi phí liên quan đến ô nhiễm sao cho phù hợp với nguyên tắc PPP. Việc nhà nước cung cấp chi phí hỗ trợ cho những người gây ô nhiễm để thực hiện các biện pháp kiểm soát ô nhiễm có nguy cơ mâu thuẫn với nguyên tắc PPP do đã chuyển trách nhiệm tài chính từ người gây ô nhiễm sang nhà nước. Các quốc gia cũng phải đảm bảo các biện pháp can thiệp này tuân thủ pháp luật thương mại quốc tế, đặc biệt là các quy tắc của WTO về trợ cấp và cạnh tranh, để ngăn ngừa các rủi ro pháp lý.

Từ những vấn đề nêu trên, để thúc đẩy việc thực thi nguyên tắc PPP, các quốc gia nên:

- Làm rõ phạm vi trách nhiệm của bên gây ô nhiễm trong luật pháp quốc gia để đảm bảo việc chịu trách nhiệm đối với thiệt hại môi trường, bao gồm chi phí khắc phục và tác động sinh thái lâu dài.
- Tăng cường các yêu cầu thẩm định chi tiết về môi trường để ngăn chặn việc sử dụng các biện pháp tái cấu trúc doanh nghiệp nhằm trốn tránh trách nhiệm.
- Xây dựng các chương trình bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc áp dụng với các ngành công nghiệp có rủi ro cao, đảm bảo tài chính cho việc khắc phục môi trường.
- Ban hành quy định hướng dẫn thực hiện cơ chế thu hồi chi phí, đảm bảo cân bằng giữa trách nhiệm tài chính tức thời với khả năng thực thi.
- Đảm bảo sự thống nhất với các nghĩa vụ thương mại quốc tế, đặc biệt liên quan tới các chính sách hỗ trợ của nhà nước, để tránh xung đột với các quy tắc của WTO trong khi vẫn đảm bảo khả năng thực thi hiệu quả.

1.2. Trách nhiệm của nhà nước theo các điều ước quốc tế liên quan tới bồi thường thiệt hại về môi trường

Mặc dù trách nhiệm liên quan tới các sự cố ô nhiễm dầu và thiệt hại hạt nhân đã được quy định, khung pháp luật quốc tế về trách nhiệm đối với môi trường vẫn còn khá rời rạc, đặc biệt là liên quan đến trách nhiệm của nhà nước. Bên cạnh đó, trong khi nhiều văn kiện quy định về trách nhiệm dân sự quốc tế đã được thông qua, việc thực thi các văn kiện này trên thực tế lại khác nhau đáng kể. Một số chế định về trách nhiệm như trong sự cố ô nhiễm dầu đã góp phần vào sự phát triển của các nguyên tắc trách

nhiệm đối với môi trường và thúc đẩy sự tiến bộ của pháp luật về trách nhiệm đối với môi trường.

Việt Nam đã tham gia một số công ước quốc tế quan trọng về thiết lập các tiêu chuẩn trách nhiệm về môi trường, đặc biệt trong các lĩnh vực ô nhiễm dầu, quản lý chất thải nguy hại, và thiệt hại môi trường xuyên biên giới, bao gồm⁹:

- *Công ước quốc tế năm 1992 về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất do ô nhiễm dầu (CLC 1992)*: Công ước này thiết lập trách nhiệm nghiêm ngặt đối với chủ tàu liên quan tới các tổn thất do ô nhiễm dầu và yêu cầu các chủ tàu phải duy trì bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính khác.
- *Công ước quốc tế năm 2001 về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất do ô nhiễm dầu nhiên liệu (Công ước Bunker 2001)*: Công ước này mở rộng trách nhiệm liên quan tới ô nhiễm dầu nhiên liệu áp dụng với tàu không phải tàu chở dầu, có quy định về cơ chế bảo hiểm và bồi thường.
- *Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS)*: Công ước này đưa ra khuôn khổ pháp lý chung cho việc bảo vệ và gìn giữ môi trường biển, bao gồm trách nhiệm của nhà nước đối với ô nhiễm xuyên biên giới.
- *Công ước Basel năm 1989 về Kiểm soát việc vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại và việc xử lý chất thải nguy hại (Công ước Basel 1989)*: Công ước này quy định việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại nhằm ngăn ngừa thiệt hại đối với môi trường.

Các công ước này thiết lập các nghĩa vụ ràng buộc đối với Việt Nam, đòi hỏi phải thực thi hiệu quả để tăng cường cơ chế trách nhiệm, đảm bảo tuân thủ và ngăn ngừa thiệt hại về môi trường. Các quốc gia tham gia các công ước nêu trên (trong đó bao gồm Việt Nam) nên lưu ý tới một số vấn đề liên quan tới BTTHVMT xuất phát từ các công ước này như sau:

1.2.1. Trách nhiệm và mối quan hệ nhân quả

Sự phức tạp trong việc thiết lập mối quan hệ nhân quả (giữa hành vi vi phạm và thiệt hại): Trách nhiệm quy định tại Công ước Basel 1989 phát sinh khi các hoạt động quản lý chất thải không đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, dẫn đến thiệt hại đối với môi trường. Tuy nhiên, mối quan hệ nhân quả trong các vụ việc về môi trường thường phức tạp và liên quan tới nhiều yếu tố. Công ước tìm cách phân bổ trách nhiệm bằng cách yêu

⁹ Võ Trung Tín, *Đánh giá pháp luật môi trường Việt Nam và định hướng hoàn thiện [Assessing Vietnam's Environmental Law and Direction for Improvement]*, Tạp chí khoa học pháp lý Việt Nam, Tập 01, Số 01, 2019, trang 64-76.

cầu các quốc gia xuất khẩu chất thải chịu trách nhiệm đối với các lô hàng chất thải nguy hại, chuyển trách nhiệm sang các bên tạo ra chất thải.

Trách nhiệm nghiêm ngặt/không tính đến yếu tố lỗi ("Strict Liability") so với Trách nhiệm có giới hạn ("Limited Liability"): CLC 1992 và Công ước Bunker 2001 thiết lập trách nhiệm nghiêm ngặt đối với chủ tàu, nghĩa là người yêu cầu bồi thường không cần phải chứng minh lỗi vô ý của chủ tàu, chỉ cần chứng minh ô nhiễm là do hoạt động của tàu gây ra. Tuy nhiên, có những giới hạn về trách nhiệm trong khuôn khổ pháp luật quốc gia và quốc tế và có khả năng hạn chế việc bồi thường.

Phạm vi giới hạn của BTTHVMT: Công ước Bunker 2001 (Điều 1(9)(a)) áp dụng định nghĩa hẹp về thiệt hại môi trường, giới hạn việc bồi thường bởi "các biện pháp khôi phục hợp lý" và loại trừ các khiếu kiện rộng hơn về thiệt hại môi trường.

UNCLOS và trách nhiệm của nhà nước: UNCLOS thiết lập nghĩa vụ cho các quốc gia trong việc ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm, nhưng chưa có quy định rõ ràng về cơ chế chịu trách nhiệm, yêu cầu các quốc gia tự ban hành luật để đảm bảo việc tuân thủ (Điều 139 và Điều 235).¹⁰

Theo đó, pháp luật các quốc gia **nên đảm bảo quy định rõ về cơ chế chịu trách nhiệm, đặc biệt liên quan đến giả định về mối quan hệ nhân quả, giới hạn trách nhiệm và phạm vi BTTHVMT.**

1.2.2. Nghĩa vụ chứng minh và cơ chế bồi thường

Nghĩa vụ chứng minh trong các vụ kiện chất thải xuyên biên giới: Công ước Basel 1989 quy định nghĩa vụ chứng minh thuộc về quốc gia xuất khẩu hoặc bên tạo ra chất thải, yêu cầu các chủ thể này phải chứng minh việc tuân thủ các nghĩa vụ quản lý chất thải quốc tế. Tuy nhiên, việc chứng minh thiệt hại về môi trường và mối quan hệ nhân quả trong các vụ kiện ô nhiễm xuyên biên giới vẫn còn nhiều thách thức về mặt pháp lý.

Cơ chế bồi thường dựa trên quỹ: CLC 1992 và Công ước Bunker 2001 đưa ra các cơ chế bồi thường dựa trên quỹ, đảm bảo nạn nhân nhận được bồi thường ngay cả khi bên chịu trách nhiệm bồi thường không có khả năng chi trả. Theo Điều 7 của Công ước Bunker 2001, chủ tàu của các tàu được đăng ký tại các quốc gia là bên tham gia Công ước phải duy trì bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính khác.¹¹

Từ hai vấn đề nêu trên, các quốc gia **nên đánh giá liệu hệ thống pháp luật đã có cơ chế bồi thường thỏa đáng cho các nạn nhân ô nhiễm hay chưa và có cần cải**

¹⁰ P. Sands và cộng sự, *Nguyên tắc của Luật Môi trường Quốc tế [Principles of International Environmental Law]*, Nhà xuất bản Đại học Cambridge 2018, trang 771-803.

¹¹ P. Sands và cộng sự, *Nguyên tắc của Luật Môi trường Quốc tế [Principles of International Environmental Law]*, Nhà xuất bản Đại học Cambridge 2018, trang 771-803.

cách để nâng cao hiệu quả của việc thực thi trách nhiệm bồi thường và các quy định về bảo đảm tài chính hay không.

1.2.3. Vai trò của ý kiến chuyên gia

Ý kiến của chuyên gia trong các vụ việc về chất thải nguy hại: Theo Công ước Basel 1989, các đánh giá của chuyên gia giúp xác định liệu các hoạt động quản lý chất thải có tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế hay không. Các chuyên gia đánh giá việc tuân thủ nghĩa vụ về đóng gói, dán nhãn và lập tài liệu để theo dõi quá trình vận chuyển chất thải từ nơi xuất phát đến nơi xử lý.

Chứng minh thiệt hại và trách nhiệm đối với môi trường: Trong các vụ việc tràn dầu và chất thải nguy hại, chứng cứ khoa học đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá thiệt hại, xác định mối quan hệ nhân quả và trách nhiệm. Khoa học môi trường, chuyên môn về kỹ thuật, và chuyên môn về pháp luật đóng vai trò quan trọng trong việc xác định việc tuân thủ các nghĩa vụ quốc tế.¹²

Do đó, các quốc gia nên **nâng cao vai trò của giám định môi trường và đánh giá khoa học trong các vụ kiện BTTHVMT bằng cách tích hợp ý kiến chuyên gia vào khung pháp luật tố tụng.**

1.2.4. Cơ chế giải quyết tranh chấp bằng tòa án và các phương pháp giải quyết tranh chấp ngoài tòa án

Giải quyết tranh chấp theo Công ước Basel 1989: Công ước khuyến khích tự giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia trước khi giải quyết tranh chấp tại tòa án. Nếu tranh chấp phát sinh về quản lý chất thải nguy hại, các quốc gia bị ảnh hưởng có thể đàm phán ngoại giao hoặc giải quyết tranh chấp theo các cơ chế quy định tại điều ước. Công ước Basel 1989 quy định yêu cầu thông báo đối với các quốc gia xuất khẩu và quá cảnh, đảm bảo tính minh bạch trong việc vận chuyển chất thải nguy hại. Trong trường hợp không tuân thủ, các bên bị ảnh hưởng có thể khởi kiện tại tòa án, mặc dù các cơ chế thay thế như đàm phán ngoại giao hay cơ chế giải quyết tranh chấp theo quy định tại điều ước thường được ưu tiên. Các nội dung sửa đổi gần đây, đặc biệt là những sửa đổi liên quan đến chất thải nhựa (BC-14/12: Các sửa đổi đối với Phụ lục II, VIII và IX của Công ước Basel, tháng 5 năm 2019), nhấn mạnh hơn vào vấn đề quản lý hiệu quả và tuân thủ quy định, giảm khả năng tranh chấp leo thang thành các thủ tục tố tụng tại tòa án.¹³

¹² P. Sands và cộng sự, *Nguyên tắc của Luật Môi trường Quốc tế [Principles of International Environmental Law]*, Nhà xuất bản Đại học Cambridge 2018, trang 771-803.

¹³ M. Drenovak-Ivanović, *Luật Môi trường [Environmental Law]*, Belgrade 2021, trang 135-141.

Tòa án quốc tế về luật biển (ITLOS): Theo UNCLOS, các quốc gia có quyền tiếp cận các cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế, bao gồm ITLOS, cơ quan giải quyết các tranh chấp liên quan đến thiệt hại môi trường biển.

Giải quyết tranh chấp ngoài tòa án trong các vụ việc ô nhiễm dầu: Trong khi các công ước về trách nhiệm dân sự ủng hộ các cơ chế trách nhiệm dựa trên tòa án, thì trọng tài quốc tế và các biện pháp khắc phục phi tư pháp ngày càng được công nhận là các giải pháp thay thế hiệu quả.

Theo đó, các quốc gia nên **cần nhắc việc sử dụng đa dạng các biện pháp giải quyết tranh chấp và có các phương thức nhằm nâng cao hiệu quả của các biện pháp giải quyết tranh chấp.**

PHẦN II – PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ KHU VỰC VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

Phần này trước hết cung cấp một cái nhìn tổng quan về trách nhiệm dân sự áp dụng cho các cá nhân và pháp nhân liên quan tới BTTHVMT trong hệ thống pháp luật của các quốc gia. Tiếp đó, phần này tập trung phân tích khung pháp luật và thực tiễn giải quyết tranh chấp BTTHVMT tại 04 quốc gia/khu vực, bao gồm Liên minh Châu Âu, CHLB Đức, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, và Cộng hoà Indonesia:

- **Liên minh Châu Âu:** Liên minh Châu Âu là một khu vực nổi bật về thiết lập các tiêu chuẩn cao trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Chỉ thị 2004/35/EC về Trách nhiệm môi trường (“Chỉ thị 2004/35/EC”) của Liên minh Châu Âu là một văn kiện quan trọng điều chỉnh vấn đề BTTHVMT trong khu vực và có giá trị tham khảo cao.
- **Đức:** CHLB Đức là một trong những quốc gia dẫn đầu trong Liên minh Châu Âu. Pháp luật của Đức thể hiện một quan điểm của hệ thống dân luật về trách nhiệm pháp lý đối với môi trường, đồng thời là ví dụ cho việc chuyển đổi và thực hiện các chỉ thị về môi trường của Liên minh Châu Âu trong hệ thống pháp luật quốc gia.
- **Hoa Kỳ:** Hoa Kỳ đại diện cho các quốc gia theo hệ thống thông luật, có nhiều kinh nghiệm trong các vụ kiện về môi trường, bao gồm các vụ việc điển hình liên quan đến bồi thường thiệt hại do chất độc, ô nhiễm không khí và nước, và trách nhiệm của doanh nghiệp.
- **Indonesia:** Cộng hoà Indonesia là một quốc gia đang phát triển và theo hệ thống dân luật. Nghiên cứu Indonesia giúp có một góc nhìn so sánh về những thách thức trong việc thực thi các quy định pháp luật về trách nhiệm đối với môi trường trong một nền kinh tế mới nổi. Do có những điểm tương đồng về mặt địa lý và kinh tế với Việt Nam, kinh nghiệm của Indonesia trong giải quyết tranh chấp môi trường có thể phù hợp với Việt Nam.

2.1. Tổng quan về trách nhiệm dân sự áp dụng cho các cá nhân và pháp nhân theo hệ thống pháp luật của các quốc gia liên quan tới bồi thường thiệt hại về môi trường

2.1.1. Trách nhiệm liên quan tới chất thải và bảo vệ môi trường

Khung pháp luật về BVMT chủ yếu được thiết lập thông qua hệ thống giấy phép về môi trường, được quản lý bằng các thủ tục hành chính chung và đặc biệt. Các thủ tục này đảm bảo việc áp dụng các quy định về môi trường trong các tình huống cụ thể, căn cứ vào các quy định về quyền và nghĩa vụ của cá nhân và pháp nhân thực hiện

hoạt động có khả năng tác động đến môi trường. Khung pháp luật quy định nghĩa vụ áp dụng các biện pháp và công nghệ để duy trì lượng chất thải trong giới hạn quy định, cũng như quyền tiếp cận thông tin về môi trường, và tham gia vào các thủ tục hành chính quyết định các vấn đề môi trường. Thêm vào đó, khung pháp luật còn đảm bảo các cá nhân và cộng đồng bị ảnh hưởng có vai trò nhất định trong quy trình ra quyết định liên quan tới môi trường.

Nguyên tắc thận trọng, nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền, và trách nhiệm của người gây ô nhiễm cũng như những người kế thừa trách nhiệm đã mở rộng vấn đề BVMT ra ngoài phạm vi luật tư sang luật công. Vì BVMT phục vụ lợi ích công cộng rộng lớn hơn, nên phải có các cơ chế pháp lý để **bảo vệ không chỉ quyền và lợi ích của các cá nhân bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thiệt hại môi trường mà còn bảo vệ môi trường như một giá trị pháp lý độc lập**. Một số cơ chế bảo vệ dựa trên các thiệt hại trực tiếp đối với các cá nhân, trong khi những cơ chế khác nhấn mạnh vào thiệt hại của môi trường. Yếu tố đặc biệt trong những trường hợp này là tất cả các yêu cầu bồi thường đều phát sinh từ một nguồn phát thải cụ thể, do đó đòi hỏi một cách tiếp cận chính xác về mặt pháp lý.

Khi ô nhiễm hoặc thiệt hại môi trường xảy ra cục bộ, chỉ ảnh hưởng đến các khu vực lân cận, chủ thể bị thiệt hại có thể thực hiện các biện pháp bảo vệ theo pháp luật về sở hữu tài sản. Theo đó, chủ sở hữu bất động sản thường phải dừng các hành vi gây trở ngại cho các bất động sản lân cận hoặc các hành động gây ra thiệt hại đáng kể, đồng thời xử lý nguồn gốc gây ra vấn đề xuất phát từ bất động sản của mình. Các nghĩa vụ này đặt ra hạn chế đối với quyền sở hữu tài sản cá nhân vì lợi ích của khu vực lân cận và cộng đồng, đặc biệt là khi ảnh hưởng vượt quá mức thông thường, xét theo bản chất và vị trí của bất động sản.

Trong trường hợp tranh chấp về chất thải, các bên bị ảnh hưởng nên có quyền thực hiện các biện pháp pháp lý để khắc phục, bao gồm: Lệnh cấm để ngăn chặn các hoạt động cản trở việc sử dụng các bất động sản lân cận; Việc loại bỏ các nguồn gây hại cho môi trường; Bồi thường nếu thiệt hại đã xảy ra. Quyền thực hiện những biện pháp này thường thuộc về những cá nhân có mối quan hệ pháp lý với bất động sản bị ảnh hưởng, chẳng hạn như quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc quyền chiếm hữu. Tuy nhiên, vấn đề này đặt ra một số câu hỏi phức tạp về mặt pháp lý, như: Nguyên nhân dẫn đến thiệt hại là gì? Làm thế nào để Tòa án xác định chất thải vượt quá mức thông thường? Trong những trường hợp nào thì chất thải dù trong ngưỡng cho phép vẫn bị coi là nguồn gây ảnh hưởng bất hợp pháp? Một vấn đề đặc biệt gây tranh cãi là liệu trách nhiệm pháp lý có nên áp dụng khi chất thải tuân thủ ngưỡng quy định nhưng vẫn gây khó chịu hoặc giảm khả năng sử dụng của các bất động sản lân cận hay không, chẳng hạn như trong các trường hợp liên quan đến mùi dai dẳng hoặc ô nhiễm tiếng ồn. Các phân tích pháp lý cho thấy rằng ngay cả khi một cơ sở hoạt động trong

phạm vi giấy phép của mình, cơ sở đó vẫn có thể phải chịu trách nhiệm dân sự nếu chất thải của cơ sở đó gây hại.

2.1.2. Trách nhiệm loại bỏ các nguồn gây thiệt hại môi trường nguy hiểm ảnh hưởng đến cộng đồng

a. Nguồn gây ô nhiễm môi trường và các biện pháp bảo vệ theo luật

Các thiệt hại về môi trường có thể xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm ô nhiễm không khí và nước, xả thải hóa chất, tiếng ồn quá mức, bức xạ và các dạng phát thải khác. Các phát thải này, dù ở dạng khí, lỏng hay rắn, đều có khả năng gây ra thiệt hại đáng kể cho cá nhân, tài sản, và môi trường. Các biện pháp bảo vệ theo pháp luật về sở hữu tài sản truyền thống có hiệu quả trong trường hợp chỉ có các bất động sản lân cận bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, các biện pháp này là không đủ khi phát thải vượt ra ngoài phạm vi lân cận, ảnh hưởng đến cộng đồng và làm suy thoái môi trường trên quy mô rộng hơn. Trong những trường hợp như vậy, biện pháp pháp lý bảo vệ phải chuyển từ khuôn khổ quyền sở hữu cá nhân sang chế độ trách nhiệm đối với môi trường mở rộng hơn, **chủ yếu dựa trên luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng**.¹⁴

b. Biện pháp pháp lý mang tính phòng ngừa chống lại các mối nguy hiểm đối với môi trường

Nguyên tắc thận trọng đóng vai trò là cơ sở pháp lý để thực hiện hành động nhằm loại bỏ các mối nguy hiểm đối với môi trường trước khi thiệt hại thực sự xảy ra. Nguyên tắc này được phản ánh trong cơ chế pháp lý của các vụ kiện phòng ngừa (thường được gọi là *actio popularis*), cho phép các bên bị ảnh hưởng hoặc các nhóm hoạt động vì lợi ích công yêu cầu tòa án can thiệp để xử lý các hoạt động gây ra mối đe dọa nghiêm trọng đến môi trường. Một câu hỏi pháp lý quan trọng trong bối cảnh này là: Những điều kiện nào phải được đáp ứng để thực hiện biện pháp pháp lý phòng ngừa? Theo đó, các yếu tố sau đây phải được chứng minh:

- Sự tồn tại của mối đe dọa thực tế, có tính chất nghiêm trọng và có thể lường trước được về thiệt hại đáng kể đối với môi trường (không phải là rủi ro giả định hoặc trừu tượng).
- Mối liên hệ nhân quả giữa nguồn nguy hại và thiệt hại tiềm tàng. Ví dụ, việc xả nước thải liên tục có chứa các chất gây ô nhiễm cụ thể có thể dẫn đến hậu quả về môi trường và sức khỏe, ngay cả khi các ảnh hưởng tức thời vẫn chưa thể quan sát được.

¹⁴ M. Drenovak-Ivanović, *Luật Môi trường [Environmental Law]*, Belgrade 2021, trang 76-80.

- Đã thực hiện các biện pháp pháp lý khác, chẳng hạn như khiếu nại hành chính hoặc các hành động được pháp luật quy định, trước khi thực hiện các thủ tục tố tụng tư pháp.

c. Trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt đối với thiệt hại về môi trường

Pháp luật về trách nhiệm đối với môi trường thường kết hợp một khuôn khổ trách nhiệm hỗn hợp, phân biệt giữa Trách nhiệm nghiêm ngặt/không tính đến yếu tố lỗi (“Strict Liability”) và Trách nhiệm dựa trên lỗi (“Fault-based Liability”):

- **Trách nhiệm nghiêm ngặt** (trách nhiệm khách quan) áp dụng cho các hoạt động có bản chất nguy hiểm, trong đó doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về thiệt hại môi trường bất kể có lỗi hay không. Các hoạt động như vậy thường được định nghĩa theo luật và bao gồm các hoạt động công nghiệp có rủi ro cao, quản lý chất thải nguy hại và các hoạt động liên quan đến các chất độc hại.
- **Trách nhiệm dựa trên lỗi** áp dụng cho các hoạt động nghề nghiệp khác, trong đó trách nhiệm chỉ phát sinh nếu có thể chứng minh được lỗi vô ý hoặc cố ý. Trong những trường hợp như vậy, nghĩa vụ chứng minh thuộc về người yêu cầu bồi thường để chứng minh rằng doanh nghiệp đã không thực hiện đúng trách nhiệm.¹⁵

Việc áp dụng trách nhiệm nghiêm ngặt đặc biệt quan trọng trong tình huống BTTHVMT vì nó chuyển trọng tâm từ việc chứng minh lỗi sang đảm bảo những người tham gia vào các hoạt động rủi ro cao phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hậu quả của hành động của mình.

d. Các khía cạnh tố tụng của các vụ kiện về môi trường

Xuất phát từ việc bảo vệ lợi ích công, các vụ kiện về môi trường thường có những đặc thù như sau¹⁶:

- **Chủ thể có quyền khởi kiện:** Các tổ chức và hiệp hội về môi trường có thể có quyền khởi kiện nhằm ngăn ngừa thiệt hại đáng kể đến môi trường. Điều này củng cố nguyên tắc *actio popularis* (kiện phòng ngừa), đảm bảo BVMT không chỉ giới hạn ở những cá nhân bị ảnh hưởng trực tiếp mà còn mở rộng ra thành các vụ kiện vì lợi ích cộng đồng lớn hơn. Tuy nhiên, truyền thống pháp luật quốc gia có thể ảnh hưởng đến mức độ công nhận các hành động tập thể như vậy.

¹⁵ M. Drenovak-Ivanović, *Trách nhiệm đối với thiệt hại môi trường: Các mô hình so sánh và hướng dẫn sửa đổi luật pháp Serbia [Liability for Environmental Damage: Comparative Models and Directions for Amending Serbian Legislation]*, Legal Life 2014, trang 450-464.

¹⁶ M. Drenovak-Ivanović, *Luật Môi trường [Environmental Law]*, Belgrade 2021, trang 80-85.

- **Các biện pháp pháp lý có thể được áp dụng:** Tòa án có thể áp dụng nhiều biện pháp khác nhau, như: Quyết định loại bỏ các mối nguy hại đến môi trường (ví dụ như loại bỏ chất thải nguy hại); Các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu thiệt hại (ví dụ như yêu cầu cơ sở sản xuất trong một số ngành công nghiệp nhất định phải lắp đặt hệ thống kiểm soát ô nhiễm); Cấm các hoạt động gây ra rủi ro nghiêm trọng về môi trường (ví dụ như hạn chế các hoạt động phát thải cao ở các khu vực nhạy cảm).
- **Thách thức về chứng cứ:** Việc chứng minh thiệt hại môi trường trong phiên tòa thường liên quan đến chứng cứ khoa học và kỹ thuật phức tạp. Việc xác lập mối quan hệ nhân quả giữa các hoạt động của doanh nghiệp và thiệt hại môi trường có thể rất khó khăn vì nhiều yếu tố có thể cùng gây ra ô nhiễm và suy thoái. **Tòa án thường dựa vào ý kiến của chuyên gia. Điều này có thể dẫn đến trường hợp các ý kiến đánh giá của các chuyên gia mâu thuẫn với nhau và các cuộc tranh luận pháp lý kéo dài về tính hợp lệ của các kết quả đánh giá khoa học.**
- **Mối quan hệ nhân quả trong các vụ việc môi trường:** Các vụ việc về môi trường có những thách thức đặc thù trong việc chứng minh mối quan hệ nhân quả. Việc xác định mối quan hệ nhân quả phải cân bằng giữa sự không chắc chắn về mặt khoa học với yêu cầu buộc những người gây ô nhiễm phải chịu trách nhiệm. Tòa án có thể áp dụng **lý thuyết xác suất dựa trên ý kiến chuyên gia** để xác định xem một hoạt động công nghiệp cụ thể có nhiều khả năng gây ra thiệt hại hay không.

Nếu thiệt hại về môi trường đã xảy ra, bên chịu trách nhiệm có thể phải chịu trách nhiệm đối với: (i) Chi phí phục hồi, bao gồm phục hồi môi trường sống và xử lý ô nhiễm; (ii) Bồi thường cho những cá nhân bị ảnh hưởng, bao gồm cả thiệt hại vật chất (ví dụ như mất giá trị tài sản hoặc tổn thất kinh tế do suy thoái môi trường) và phi vật chất (ví dụ như bệnh tâm lý hoặc giảm chất lượng cuộc sống do thiệt hại về môi trường).

2.1.3. Những thách thức chính trong việc xây dựng khung pháp luật quốc gia về trách nhiệm đối với môi trường

Việc xây dựng một khung pháp luật quốc gia hiệu quả về trách nhiệm đối với môi trường đòi hỏi phải giải quyết một số thách thức quan trọng cả về pháp luật nội dung và hình thức. Những thách thức này phát sinh từ sự khác biệt về truyền thống pháp lý, quy định về tố tụng, và điều khoản luật nội dung giữa các quốc gia, thường bao gồm:

Thách thức 1: Phân biệt giữa các thủ tục pháp lý dựa trên quyền sở hữu tài sản và các thủ tục về trách nhiệm đối với môi trường

Một trong những thách thức cơ bản là phân biệt các thủ tục pháp lý về quyền sở hữu tài sản với các thủ tục về trách nhiệm loại bỏ các mối nguy hại đối với môi trường có khả năng gây ra rủi ro cho cộng đồng và môi trường. Trong khi pháp luật sở hữu tài sản chủ yếu điều chỉnh tranh chấp giữa các chủ sở hữu là các cá nhân liên quan đến việc sử dụng bất động sản bị ảnh hưởng, khuôn khổ trách nhiệm pháp lý về môi trường mở rộng ra ngoài các quyền cá nhân này để hướng tới các giá trị lợi ích công. Khung pháp luật phải làm rõ các điểm khác biệt về thủ tục giữa các trường hợp này và xác định các cơ chế pháp lý phù hợp để giải quyết thiệt hại về môi trường ảnh hưởng đến lợi ích chung mà không chỉ riêng quyền sở hữu cá nhân.

Thách thức 2: Tư cách pháp lý và khả năng tài chính

Một trong những thách thức cơ bản trong các vụ kiện môi trường là xác định tư cách pháp lý trong tố tụng dân sự. Tư cách pháp lý xác định chủ thể có quyền khởi kiện tại tòa án và phạm vi của tư cách này khác nhau tùy theo quốc gia. Một vấn đề quan trọng là liệu cách tiếp cận *actio popularis* (kiện phòng ngừa) - cho phép bất kỳ thành viên nào của cộng đồng, bao gồm cá nhân, nhóm và tổ chức phi chính phủ, khởi kiện vì lợi ích công cộng - có được công nhận trong khuôn khổ pháp luật quốc gia hay không. Vấn đề này đòi hỏi phải xem xét các tiêu chí mà tòa án áp dụng để đánh giá mối liên hệ giữa người khởi kiện và vấn đề môi trường đang bị đe dọa.

Ngoài tư cách pháp lý, một câu hỏi quan trọng khác là liệu các cá nhân, tổ chức phi chính phủ hay các chủ thể khác có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường hay không, thay vì chỉ có quyền yêu cầu bồi thường đối với thiệt hại đối với cá nhân hoặc tài sản. Điều này đòi hỏi phải đánh giá cách áp dụng nguyên tắc “Người gây ô nhiễm phải trả tiền” để đảm bảo rằng những người chịu trách nhiệm về thiệt hại đối với môi trường phải chịu các chi phí khắc phục. Một khía cạnh quan trọng của phân tích này là xác định xem nên trả tiền bồi thường cho chủ thể nào - cho cá nhân bị ảnh hưởng, cơ quan nhà nước, quỹ phục hồi môi trường hay các chủ thể được chỉ định khác chịu trách nhiệm phục hồi sinh thái.

Rào cản tài chính gây ra trở ngại đáng kể cho việc tiếp cận công lý trong các vụ việc về môi trường. Chi phí liên quan các vụ kiện về môi trường, bao gồm án phí, chi phí thuê chuyên gia và người đại diện có thể rất cao. Cần thiết phải xác định cá nhân thu nhập thấp, tổ chức phi chính phủ hoặc các vụ việc liên quan đến BVMT vì lợi ích công cộng... có được miễn trừ hoặc hỗ trợ tài chính theo pháp luật quốc gia hay theo quyết định của tòa án hay không.

Thách thức 3: Thiết lập các biện pháp khắc phục rõ ràng và phương pháp tương xứng

Một khung pháp luật vững chắc phải có các biện pháp khắc phục được xác định rõ ràng để giải quyết thiệt hại về môi trường. Thách thức này liên quan đến việc xác định

các cơ chế pháp lý để phục hồi môi trường và đánh giá việc áp dụng các phương pháp tương xứng để xác định các hành động bồi thường phù hợp. Khung pháp luật phải đảm bảo rằng thiệt hại về môi trường được giải quyết thỏa đáng thông qua việc phục hồi, giảm thiểu hoặc bồi thường tài chính, với các hướng dẫn rõ ràng về cách định lượng thiệt hại trong những trường hợp không thể phục hồi trực tiếp.

Thách thức 4: Thiết lập các nguyên tắc, tiêu chuẩn về chứng cứ và mối quan hệ nhân quả trong các vụ việc môi trường

Việc chứng minh mối quan hệ nhân quả và thu thập chứng cứ trong các vụ việc về môi trường có những khó khăn đặc biệt do tính phức tạp của thiệt hại môi trường, sự góp phần của nhiều yếu tố và sự phụ thuộc vào dữ liệu khoa học. Thách thức này đòi hỏi phải xác định các thông lệ tốt nhất cho các tiêu chuẩn chứng cứ, bao gồm:

- Vai trò của ý kiến chuyên gia trong việc xác lập mối quan hệ nhân quả và thiệt hại đối với môi trường.
- Nghĩa vụ chứng minh trong các vụ kiện về môi trường và nghĩa vụ này có nên được chuyển đổi hay điều chỉnh theo hướng có lợi cho người yêu cầu bồi thường hay không.
- Tính khả thi và mức độ tin cậy của dữ liệu khoa học, đánh giá tác động môi trường và lý luận xác suất trong các phiên tòa.

2.2. Pháp luật và thực tiễn của Liên minh Châu Âu liên quan tới bồi thường thiệt hại về môi trường

2.2.1. Cơ sở pháp lý của trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường

Khung pháp luật quy định trách nhiệm về môi trường tại Liên minh Châu Âu chủ yếu dựa trên **nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền**, được ghi nhận trong Điều 191 của Hiệp ước về hoạt động của Liên minh Châu Âu (TFEU). Nguyên tắc này đóng vai trò là nền tảng cho **Chỉ thị 2004/35/EC về Trách nhiệm môi trường** (“**Chỉ thị 2004/35/EC**”), thiết lập phương pháp tiếp cận phòng ngừa và khắc phục thiệt hại về môi trường¹⁷. Không giống như hệ thống dân luật truyền thống chủ yếu tập trung vào vấn đề bồi thường, Chỉ thị 2004/35/EC nhằm mục đích **đảm bảo thiệt hại về môi trường được phục hồi thay vì chỉ bồi thường về mặt tài chính**.

Chỉ thị 2004/35/EC **phân biệt giữa hai hình thức trách nhiệm chính: trách nhiệm nghiêm ngặt và trách nhiệm dựa trên lỗi**¹⁸. Trách nhiệm nghiêm ngặt áp dụng cho các doanh nghiệp liên quan tới các hoạt động có tính nguy hại được nêu trong Phụ

¹⁷ Chỉ thị 2004/35/CE của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 21/4/2004 về trách nhiệm môi trường liên quan đến việc phòng ngừa và khắc phục thiệt hại về môi trường, OJ L 143, ngày 30/4/2004, 56–75.

¹⁸ M. Drenovak-Ivanović, *Luật Môi trường EU [EU Environmental Law]*, Belgrade 2017, trang 102-107.

lục III của Chỉ thị, chẳng hạn như khí thải công nghiệp, quản lý chất thải, và xử lý các chất nguy hại. Trong những trường hợp này, doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đối với môi trường bất kể có lỗi hay không, miễn là có mối quan hệ nhân quả giữa hoạt động và thiệt hại. Mặt khác, trách nhiệm dựa trên lỗi áp dụng cho các hoạt động vốn không có tính nguy hại nhưng vẫn gây tổn hại cho các loài được bảo vệ và môi trường sống tự nhiên. Trong những trường hợp như vậy, trách nhiệm phát sinh phụ thuộc vào việc chứng minh lỗi vô ý hoặc cố ý.

Khái niệm về **mối quan hệ nhân quả** đóng vai trò quan trọng trong việc xác định trách nhiệm. Chỉ thị 2004/35/EC **yêu cầu phải chứng minh được mối quan hệ nhân quả** giữa hoạt động của doanh nghiệp và thiệt hại đối với môi trường. Tuy nhiên, do bản chất phức tạp và tính chất khuếch tán của các thiệt hại về môi trường, việc chứng minh mối quan hệ nhân quả có thể là một thách thức. Ví dụ trong trường hợp ô nhiễm nước, chất gây ô nhiễm có thể đến từ **hiều nguồn** công nghiệp hoặc nông nghiệp, khiến việc xác định một bên chịu trách nhiệm trở nên khó khăn; trong các tranh chấp về ô nhiễm không khí, khí thải từ các nguồn khác nhau có thể cùng làm giảm chất lượng không khí nói chung, đòi hỏi phải có các **mô hình khoa học** phức tạp để xác định trách nhiệm của từng doanh nghiệp; còn trong các trường hợp phơi nhiễm chất độc, **tác động của chất ô nhiễm đến sức khỏe con người hoặc hệ sinh thái có thể mất nhiều năm hoặc nhiều thập kỷ mới biểu hiện rõ**, làm phức tạp quá trình thu thập chứng cứ. Do đó, Tòa án và các cơ quan quản lý thường dựa vào ý kiến chuyên gia và mô hình mang tính khoa học để xác định mối quan hệ nhân quả, trong đó nguyên tắc thận trọng đóng vai trò là một tiêu chuẩn pháp lý mang tính hướng dẫn trong những tình huống thiếu sự chắc chắn về mặt khoa học.

2.2.2. Nghĩa vụ chứng minh

Nghĩa vụ chứng minh trong các vụ kiện BTTHVMT không được quy định rõ trong Chỉ thị 2004/35/EC mà thay vào đó được quy định bởi các quy tắc tố tụng quốc gia. Nhìn chung, **nghĩa vụ thuộc về người yêu cầu bồi thường** - thường là cơ quan quản lý, bên bị ảnh hưởng hoặc tổ chức hoạt động vì môi trường - để chứng minh hoạt động của doanh nghiệp đã gây ra thiệt hại về môi trường. Tuy nhiên, một số học thuyết pháp lý đã giúp chuyển hoặc giảm bớt nghĩa vụ này (như giả định về mối quan hệ nhân quả, nguyên tắc thận trọng, trách nhiệm nghiêm ngặt).

Trong các trường hợp liên quan đến **trách nhiệm nghiêm ngặt**, sau khi người yêu cầu bồi thường chứng minh doanh nghiệp có thực hiện hoạt động nguy hại được liệt kê trong Phụ lục III của Chỉ thị, doanh nghiệp có thể được yêu cầu chứng minh thiệt hại là do một yếu tố bên ngoài nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp. Điều này đồng nghĩa với việc **chuyển nghĩa vụ chứng minh sự không hợp lý về mặt nhân quả sang bị đơn**. Ngoài ra, **nguyên tắc thận trọng** đóng vai trò quan trọng trong các

vấn đề về chứng cứ, cho phép tòa án áp dụng các biện pháp can thiệp hoặc nghĩa vụ khắc phục ngay cả khi không có chứng cứ khoa học đầy đủ về mối quan hệ nhân quả.¹⁹ Xem thêm ví dụ vụ việc *Alfio Bonomo kiện Tribunale di Siracusa* tại **Hộp 1** dưới đây để hiểu hơn về cách tòa án Ý áp dụng nghĩa vụ chứng minh theo nguyên tắc thận trọng và phù hợp với Chỉ thị 2004/35/EC.

Hộp 1: Vụ việc Alfio Bonomo kiện Tribunale di Siracusa

Trong vụ **Alfio Bonomo**, Tòa án Tối cao Ý đã giải quyết một tranh chấp liên quan tới chất thải công nghiệp và các tác động tiềm tàng của chất thải đối với môi trường và sức khỏe. Vụ việc liên quan đến một nhà máy hoạt động mà không có giấy phép chất thải theo luật định tại tỉnh Siracusa, một khu vực chuyên về công nghiệp hóa dầu. Nguyên đơn, Alfio Bonomo, đã khởi kiện một nhà máy hóa dầu với lý do chất thải của nhà máy này đã gây ô nhiễm không khí và đất, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xung quanh và sức khỏe cộng đồng. Doanh nghiệp lập luận rằng chất thải của họ tuân thủ các ngưỡng quy định chung và không có chứng cứ thuyết phục nào cho thấy mối liên hệ giữa chất thải với thiệt hại cụ thể đến môi trường ở khu vực bị ảnh hưởng.

Tòa án tối cao Ý đã phán quyết rằng việc nhà máy không xin giấy phép phát thải theo yêu cầu đã cấu thành hành vi vi phạm trách nhiệm nghiêm ngặt. Tòa án bác bỏ lập luận cho rằng chất thải được coi là hợp pháp chỉ vì nằm trong ngưỡng quy định, đồng thời nhấn mạnh rằng **việc tuân thủ các tiêu chuẩn chất thải không miễn trừ trách nhiệm pháp lý** cho doanh nghiệp khi có cáo buộc gây ra thiệt hại về môi trường. Tòa án **chuyển nghĩa vụ chứng minh sang doanh nghiệp**, yêu cầu doanh nghiệp cung cấp chứng cứ khoa học chứng minh rằng hoạt động của doanh nghiệp không gây suy thoái môi trường. Điều quan trọng là phán quyết **không yêu cầu người khởi kiện phải chứng minh mối quan hệ nhân quả trực tiếp** giữa chất thải của nhà máy và thiệt hại cụ thể về môi trường mà thay vào đó cho phép **lập luận theo xác suất và sự thận trọng** để xác định trách nhiệm.²⁰

Những thách thức trong việc đáp ứng nghĩa vụ chứng minh thường phát sinh trong các trường hợp **ô nhiễm khuếch tán**, khi nhiều tác nhân có thể cùng gây hại cho môi trường. Trong những tình huống như vậy, tòa án quốc gia có thể **áp dụng nghĩa vụ liên đới**, cho phép người bị thiệt hại có thể yêu cầu bất kỳ bên gây ô nhiễm nào phải bồi thường thiệt hại và các bên gây ô nhiễm phải tự phân chia trách nhiệm giữa họ.

¹⁹ M. Drenovak-Ivanović, *Trách nhiệm đối với thiệt hại môi trường: Các mô hình so sánh và hướng dẫn sửa đổi luật pháp Serbia [Liability for Environmental Damage: Comparative Models and Directions for Amending Serbian Legislation]*, Legal Life 2014, trang 450-464.

²⁰ Viện Luật quốc tế và so sánh Anh, *Nghiên cứu so sánh về việc thực hiện nghĩa vụ chứng minh được điều chỉnh trong bối cảnh Chỉ thị phát thải công nghiệp theo luật pháp quốc gia của một số quốc gia thành viên EU [Comparative study on the implementation into the national legislation of certain EU Member States of an adapted burden of proof in the context of the Industrial Emissions Directive]*, Báo cáo so sánh, tháng 2 năm 2023, trang 44.

2.2.3. Phạm vi và bản chất của thiệt hại có thể được bồi thường

Khác với các quy định về trách nhiệm dân sự truyền thống, Chỉ thị 2004/35/EC chủ yếu **tập trung vào bồi thường phục hồi**, ưu tiên việc đưa môi trường trở lại trạng thái ban đầu thay vì trả tiền bồi thường cho những cá nhân bị ảnh hưởng.

Chỉ thị này **định nghĩa thiệt hại về môi trường rất rộng**, bao gồm:

- **Thiệt hại đối với các loài và môi trường sống được bảo vệ:** Bất kỳ tác động tiêu cực đáng kể nào đến đa dạng sinh học, ảnh hưởng đến các loài hoặc môi trường sống được quy định bởi các chỉ thị về các loài chim và môi trường sống.
- **Thiệt hại về nước:** Bất kỳ thiệt hại nào ảnh hưởng đáng kể đến tình trạng sinh thái hoặc hóa học của các vùng nước theo chỉ thị khung về nước.
- **Thiệt hại về đất:** Bất kỳ ô nhiễm đất nào tạo ra rủi ro đáng kể đối với sức khỏe con người do tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với chất ô nhiễm.

Đáng chú ý là **thiệt hại do ô nhiễm không khí không được Chỉ thị 2004/35/EC quy định rõ ràng** trừ khi gây hại cho một trong những thành phần môi trường được bảo vệ. Hạn chế này đã bị chỉ trích vì ô nhiễm không khí vẫn là mối quan tâm lớn về môi trường tại Liên minh Châu Âu²¹. Tuy nhiên, **Chỉ thị về chất lượng không khí xung quanh (AAQD)** đã được sửa đổi, có hiệu lực vào tháng 12 năm 2024, **đưa ra cơ chế bồi thường mang tính bước ngoặt cho những cá nhân bị tổn hại sức khỏe do hành vi gây ô nhiễm không khí**²². Theo Điều 28 của Chỉ thị này, những người bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu bồi thường nếu ô nhiễm xảy ra do hành vi cố ý hoặc vô ý của các cơ quan có thẩm quyền hoặc doanh nghiệp. Một đột phá quan trọng là việc điều chỉnh nghĩa vụ chứng minh nhằm đảm bảo rằng người bị thiệt hại không còn phải chịu toàn bộ trách nhiệm chứng minh mối quan hệ nhân quả - một rào cản thường không thể vượt qua. Thay vào đó, **nghĩa vụ chuyển sang bên bị cáo buộc gây ô nhiễm hoặc cơ quan có trách nhiệm để chứng minh việc tuân thủ luật về chất lượng không khí**.

Về mặt **tính toán thiệt hại**, Chỉ thị 2004/35/EC quy định một khuôn khổ khắc phục ba cấp độ:

- **Khắc phục cơ bản:** Khôi phục môi trường về tình trạng cơ bản trước khi thiệt hại xảy ra.

²¹ M. Drenovak-Ivanović, *Trách nhiệm đối với thiệt hại môi trường: Các mô hình so sánh và hướng dẫn sửa đổi luật pháp Serbia [Liability for Environmental Damage: Comparative Models and Directions for Amending Serbian Legislation]*, Legal Life 2014, trang 450-464.

²² Chỉ thị (EU) 2024/2881 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 23/10/2024 về chất lượng không khí xung quanh và không khí sạch hơn cho Châu Âu (sửa đổi), PE/88/2024/REV/1, OJ L, 2024/2881, 20.11.2024

- ii. **Khắc phục bổ sung:** Nếu không thể khôi phục hoàn toàn, phải thực hiện các biện pháp bổ sung để cải thiện tương đương ở nơi khác.
- iii. **Khắc phục bù đắp:** Bồi thường cho các tổn thất môi trường tạm thời cho đến khi khôi phục hoàn toàn. Điều này khác với bồi thường tài chính cho các cá nhân, vì trọng tâm vẫn là phục hồi môi trường.

Chi phí khắc phục do doanh nghiệp chịu trách nhiệm về thiệt hại chịu. Nếu doanh nghiệp không tuân thủ, các cơ quan công quyền có thể tiến hành khắc phục và yêu cầu hoàn trả, và có các cơ chế đảm bảo tài chính khác nhau giữa các quốc gia thành viên.

2.2.4. Ý kiến chuyên gia

Do tính chất phức tạp về mặt kỹ thuật của các vụ việc BTTHVMT, ý kiến chuyên gia đóng vai trò quan trọng trong nhiều giai đoạn giải quyết vụ việc. Các chuyên gia **đóng vai trò chính trong việc đánh giá thiệt hại đối với môi trường, xác định mối quan hệ nhân quả và xác định các biện pháp khắc phục phù hợp.**

Sự tham gia của chuyên gia thường diễn ra dưới các hình thức sau:

- **Đánh giá theo quy định:** Các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tiến hành đánh giá ban đầu về thiệt hại và xác định các biện pháp khắc phục cần thiết.
- **Ý kiến chuyên gia độc lập:** Bên nguyên đơn và bên bị đơn có thể sử dụng chuyên gia để hỗ trợ các lập luận pháp lý của mình, từ đó dẫn đến khả năng xung đột giữa các kết quả đánh giá khoa học.
- **Các chuyên gia do tòa án chỉ định:** Trong các trường hợp có bất đồng quan điểm về khoa học đáng kể, tòa án có thể chỉ định các chuyên gia trung lập để cung cấp các đánh giá độc lập về thiệt hại đối với môi trường và mối quan hệ nhân quả.

Một trong những thách thức chính liên quan đến ý kiến chuyên gia là **sự không chắc chắn về mặt khoa học**. Thiệt hại về môi trường thường xảy ra trong thời gian dài, với nhiều yếu tố gây hại, khiến việc quy kết thiệt hại cho một nguồn duy nhất trở nên khó khăn. Nguyên tắc thận trọng thường được viện dẫn để giải quyết sự không chắc chắn này, cho phép tòa án thực hiện hành động can thiệp ngay cả khi chứng cứ khoa học không thuyết phục. Để đảm bảo độ tin cậy của ý kiến chuyên gia, tòa án và các cơ quan quản lý phải **áp dụng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt để lựa chọn và đánh giá chứng cứ khoa học**. Tính minh bạch trong các đánh giá của chuyên gia và việc tuân thủ các phương pháp được quốc tế công nhận (như đánh giá rủi ro môi trường và mô hình sinh thái) là điều cần thiết để duy trì sự liêm chính của quá trình ra quyết định.

Xem thêm ví dụ tại Serbia tại **Hộp 2** dưới đây để hiểu thêm về một số thách thức khi các quốc gia áp dụng ý kiến chuyên gia.

Hộp 2: Thách thức đối với việc áp dụng ý kiến chuyên gia tại Serbia

Serbia, một quốc gia ứng cử viên cho tư cách thành viên Liên minh Châu Âu, đang trong quá trình hài hoà hoá pháp luật với pháp luật của Liên minh Châu Âu. Tại Serbia, ý kiến chuyên gia đóng vai trò quan trọng trong các vụ việc BTTHVMT, đặc biệt là trong việc xác định mối quan hệ nhân quả, đánh giá mức độ thiệt hại, và xác định chi phí khắc phục. Tòa án thường dựa vào các đánh giá giám định môi trường, các mô hình khoa học và các báo cáo độc lập về môi trường. Tuy nhiên, vẫn còn một số thách thức về thủ tục, bao gồm việc thiếu cơ chế đăng ký quốc gia đối với các chuyên gia môi trường được tòa án chấp thuận, dẫn đến các ý kiến chuyên gia không nhất quán; chi phí chuyên gia cao, gây khó khăn cho các cộng đồng bị ảnh hưởng; và sự chậm trễ trong các phiên tòa do sự phức tạp của chứng cứ khoa học và sự phụ thuộc vào chuyên gia nước ngoài.

2.2.5. Các cơ chế giải quyết tranh chấp về môi trường

Các tranh chấp về môi trường theo luật pháp của Liên minh Châu Âu có thể được giải quyết thông qua sự kết hợp của các **cơ chế hành chính, tư pháp, và giải quyết tranh chấp thay thế (ADR)**. **Cơ chế thực thi chính theo Chỉ thị 2004/35/EC là cơ chế hành chính**, theo đó các cơ quan quản lý của các quốc gia chịu trách nhiệm xác định thiệt hại về môi trường, áp dụng các nghĩa vụ khắc phục, và giám sát việc tuân thủ.

Các doanh nghiệp có quyền khiếu nại các quyết định hành chính, trong khi các bên thứ ba - bao gồm các tổ chức phi chính phủ - có thể khởi kiện cơ quan quản lý do đã không hành động đúng quy định theo thủ tục tố tụng áp dụng với các vụ việc vì lợi ích công. **Công ước Aarhus** đảm bảo quyền tiếp cận công lý trong các vấn đề về môi trường, trao cho các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng bị ảnh hưởng quyền đưa vụ việc ra tòa án quốc gia.

Tổ tụng tư pháp vẫn là một lựa chọn trong các trường hợp:

- Doanh nghiệp khiếu nại các quyết định hành chính liên quan tới trách nhiệm BTTHVMT của doanh nghiệp.
- Pháp luật quốc gia quy định các quyền bồi thường rộng hơn so với Chỉ thị 2004/35/EC.
- Các bên thuộc khu vực tư nhân yêu cầu bồi thường theo quy định về trách nhiệm dân sự.

Ngoài các cơ chế dựa vào tòa án, **các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế** như hòa giải và trọng tài ngày càng được thúc đẩy để tạo điều kiện giải quyết tranh

chấp nhanh hơn và tiết kiệm chi phí hơn. Một số quốc gia thành viên đã thành lập các **tòa án hoặc hội đồng xét xử chuyên trách về môi trường** để giải quyết các vụ việc BTTHVMT hiệu quả hơn.

Ở cấp độ Liên minh Châu Âu, Ủy ban Châu Âu đóng **vai trò giám sát**, theo dõi việc các quốc gia thành viên thực hiện Chỉ thị 2004/35/EC và áp dụng quy trình xử lý trong trường hợp các quốc gia thành viên có vi phạm. Tuy nhiên, việc thực thi vẫn không đồng đều giữa các quốc gia, với sự khác biệt đáng kể về cách các quốc gia thành viên áp dụng các quy tắc về trách nhiệm đối với môi trường và yêu cầu về đảm bảo tài chính. Phân tích dưới đây sẽ mô tả thêm cách các quốc gia thành viên của Liên minh Châu Âu chuyển hoá các tiêu chuẩn cơ bản của Chỉ thị 2004/35/EC vào luật pháp quốc gia thông qua ví dụ về Đức.

2.3. Pháp luật và thực tiễn của CHLB Đức liên quan tới bồi thường thiệt hại về môi trường

Cách tiếp cận của CHLB Đức liên quan tới trách nhiệm đối với môi trường được định hình bởi việc chuyển đổi Chỉ thị 2004/35/EC thành luật quốc gia, tạo ra một khuôn khổ pháp luật nhiều lớp tích hợp cả các quy định cấp liên bang và cấp tiểu bang.

2.3.1. Cơ sở pháp lý của trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường

Đạo luật về thiệt hại môi trường (Umweltschadengesetz – USG), được ban hành vào ngày 10/5/2007, là văn bản pháp lý chính nội luật hoá Chỉ thị 2004/35/EC vào pháp luật của Đức. Tuy nhiên, trách nhiệm đối với môi trường ở Đức trước đó do các luật chuyên ngành điều chỉnh, bao gồm:

- Đạo luật về nước liên bang (Wasserhaushaltsgesetz - WHG) (2002)
- Đạo luật bảo tồn thiên nhiên liên bang (Bundesnaturschutzgesetz - BNatSchG) (2002)
- Đạo luật bảo vệ đất liên bang (Bundesbodenschutzgesetz - BBodSchG) (1998)

Đạo luật trách nhiệm môi trường (Umwelthaftungsgesetz - UmweltHG), được ban hành vào năm 1990 và được sửa đổi lần gần nhất vào năm 2017, quy định về trách nhiệm dân sự đối với các thiệt hại do tác động môi trường phát sinh từ các cơ sở được liệt kê trong Phụ lục 1 của Đạo luật. Đạo luật này **tồn tại song song** với **Đạo luật về thiệt hại môi trường** nhưng **tập trung vào thiệt hại con người và tài sản**, thay vì tập trung vào vấn đề phục hồi môi trường (như Đạo luật về thiệt hại môi trường).²³

²³ Viện Luật quốc tế và so sánh Anh, *Nghiên cứu so sánh về việc thực hiện nghĩa vụ chứng minh được điều chỉnh trong bối cảnh Chỉ thị phát thải công nghiệp theo luật pháp quốc gia của một số quốc gia*

Theo **Đạo luật về thiệt hại môi trường**, trách nhiệm đối với môi trường **thể hiện tính nghiêm ngặt và dựa trên lỗi**. Trách nhiệm nghiêm ngặt áp dụng cho các hoạt động nguy hại được liệt kê trong Phụ lục III của Chỉ thị 2004/35/EC, bao gồm các hoạt động công nghiệp, quản lý chất thải và các hoạt động liên quan đến các chất nguy hiểm. Trong những trường hợp này, trách nhiệm được thiết lập mà không cần chứng minh lỗi vô ý, miễn là có mối liên hệ nhân quả có thể chứng minh được giữa hoạt động và thiệt hại về môi trường. Đối với các hoạt động không được nêu trong Phụ lục III này, trách nhiệm dựa trên lỗi được áp dụng, yêu cầu phải chứng minh được lỗi vô ý hoặc cố ý gây hại cho các loài được bảo vệ, môi trường sống tự nhiên hoặc tài nguyên nước.²⁴

Đạo luật về thiệt hại môi trường chỉ áp dụng khi không có luật liên bang hoặc tiểu bang nào khác quy định rõ ràng hơn về việc ngăn ngừa hoặc khắc phục thiệt hại về môi trường. Trong trường hợp có xung đột giữa Đạo luật về thiệt hại môi trường và luật chuyên ngành, Đạo luật về thiệt hại môi trường sẽ được ưu tiên áp dụng trừ khi luật tiểu bang có quy định chặt chẽ hơn.

2.3.2. Nghĩa vụ chứng minh

Nghĩa vụ chứng minh trong vụ việc BTTHVMT tuân theo các nguyên tắc chung của tố tụng hành chính và dân sự. Tuy nhiên, luật pháp Đức đưa ra các giả định cụ thể để giải quyết những thách thức cố hữu trong việc chứng minh mối quan hệ nhân quả.

a. Giả định về mối quan hệ nhân quả trong các vụ việc áp dụng phương pháp xác định trách nhiệm nghiêm ngặt

Theo § 6(1) của Đạo luật trách nhiệm môi trường, nếu một cơ sở có khả năng gây ra thiệt hại, luật pháp sẽ **giả định có mối liên hệ nhân quả giữa hoạt động của cơ sở đó và thiệt hại về môi trường**. Giả định này giúp khắc phục những khó khăn về mặt khoa học và chứng cứ trong việc chứng minh mối quan hệ nhân quả, đặc biệt là khi nhiều tác nhân gây ô nhiễm cùng gây ra thiệt hại.

b. Cơ chế chứng minh dành cho doanh nghiệp

Giả định về mối quan hệ nhân quả không phải là tuyệt đối. **Doanh nghiệp có thể bác bỏ trách nhiệm nếu họ chứng minh được những nội dung dưới đây:**

thành viên EU [Comparative study on the implementation into the national legislation of certain EU Member States of an adapted burden of proof in the context of the Industrial Emissions Directive], Báo cáo so sánh, tháng 2 năm 2023, trang 14.

²⁴ Viện Luật quốc tế và so sánh Anh, *Nghiên cứu so sánh về việc thực hiện nghĩa vụ chứng minh được điều chỉnh trong bối cảnh Chỉ thị phát thải công nghiệp theo luật pháp quốc gia của một số quốc gia thành viên EU* [Comparative study on the implementation into the national legislation of certain EU Member States of an adapted burden of proof in the context of the Industrial Emissions Directive], Báo cáo so sánh, tháng 2 năm 2023, trang 14.

- Cơ sở được vận hành theo đúng mục đích sử dụng đã định, tuân thủ đầy đủ các giấy phép về môi trường và các quy định pháp luật.
- Thiệt hại về môi trường là kết quả của các yếu tố bên ngoài nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp, chẳng hạn như thiên tai hoặc sự can thiệp của bên thứ ba.²⁵

c. Nghĩa vụ chứng minh trong các vụ việc xác định trách nhiệm dựa trên lỗi

Trong các vụ việc yêu cầu chứng minh hành vi bất cẩn, người đưa ra yêu cầu bồi thường, thường là cơ quan nhà nước hoặc bên bị ảnh hưởng, có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ về hành vi vi phạm. Tuy nhiên, tòa án Đức **áp dụng nguyên tắc thận trọng, cho phép can thiệp theo quy định ngay cả khi không có chứng cứ khoa học thuyết phục**. Điều này đặc biệt phù hợp trong các vụ việc ô nhiễm khuếch tán, trong đó nhiều nguồn gây hại cho môi trường.

d. Quyền thu thập thông tin và chứng cứ

Theo §§ 8-10 của Đạo luật trách nhiệm môi trường, người khiếu nại có **quyền tiếp cận thông tin từ cả doanh nghiệp và cơ quan nhà nước** để hỗ trợ cho việc yêu cầu bồi thường. Quy định này giúp nâng cao khả năng tiếp cận dữ liệu môi trường và hồ sơ doanh nghiệp, giúp việc xác định trách nhiệm dễ dàng hơn.

2.3.3. Phạm vi và bản chất của thiệt hại có thể được bồi thường

Phạm vi thiệt hại có thể được bồi thường theo pháp luật Đức rộng hơn so với khuôn khổ trách nhiệm dân sự truyền thống khi tập trung chủ yếu vào các **biện pháp phục hồi và phòng ngừa** hơn là việc bồi thường bằng tiền cho các tổn thất tư nhân. Thiệt hại về môi trường được định nghĩa theo những thiệt hại đối với:

- **Các nguồn nước** (bao gồm nước mặt, nước ngầm và vùng nước ven biển).
- **Các loài được bảo vệ và môi trường sống tự nhiên** (theo định nghĩa của Đạo luật bảo tồn thiên nhiên liên bang).
- **Đất đai** (khi ô nhiễm gây ra rủi ro đáng kể cho sức khỏe con người).

Đạo luật bảo vệ đất liên bang (Bundesbodenschutzgesetz - BBodSchG) năm 1998 vẫn là văn bản pháp lý chính điều chỉnh vấn đề ô nhiễm đất. Mặc dù có trước Đạo luật về thiệt hại môi trường, Đạo luật bảo vệ đất liên bang vẫn được xác định là phù hợp với Chỉ thị 2004/35/EC khi thiết lập khuôn khổ trách nhiệm đối với ô nhiễm đất. Đạo

²⁵ Viện Luật quốc tế và so sánh Anh, *Nghiên cứu so sánh về việc thực hiện nghĩa vụ chứng minh được điều chỉnh trong bối cảnh Chỉ thị phát thải công nghiệp theo luật pháp quốc gia của một số quốc gia thành viên EU [Comparative study on the implementation into the national legislation of certain EU Member States of an adapted burden of proof in the context of the Industrial Emissions Directive]*, Báo cáo so sánh, tháng 2 năm 2023, trang 15.

luật về thiệt hại môi trường áp dụng cho thiệt hại đối với môi trường do các hoạt động được liệt kê trong Phụ lục III của Chỉ thị 2004/35/EC gây ra, trong khi **Đạo luật bảo vệ đất liên bang** quy định trách nhiệm đối với nhiều đối tượng gây ô nhiễm hơn, và bao gồm cả chủ đất cũ và người kế nhiệm.

Các biện pháp khắc phục theo luật pháp Đức tuân theo khuôn khổ khắc phục ba cấp độ tương tự như Chỉ thị 2004/35/EC. Trong trường hợp việc khắc phục là không khả thi hoặc quá tốn kém, có thể cần phải bồi thường tài chính. **Các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm BVMT có thể thực hiện các biện pháp khắc phục và yêu cầu hoàn trả từ bên gây ô nhiễm có trách nhiệm.**

2.3.4. Ý kiến chuyên gia

Ý kiến chuyên gia đóng vai trò quan trọng trong các vụ việc BTTHVMT ở Đức, đặc biệt là trong việc chứng minh mối quan hệ nhân quả và xác định các biện pháp khắc phục phù hợp. Các chuyên gia tham gia vào nhiều giai đoạn đánh giá thiệt hại về môi trường, bao gồm:

- **Đánh giá theo quy định** do các cơ quan môi trường ở cấp tiểu bang (Länder) thực hiện.
- **Báo cáo chuyên gia độc lập** do người yêu cầu bồi thường hoặc bị đơn thuê để hỗ trợ cho lập luận pháp lý của mình.
- **Đánh giá của chuyên gia do tòa án chỉ định** trong các trường hợp có bất đồng quan điểm khoa học đáng kể.

Sự không chắc chắn về mặt khoa học vẫn là vấn đề chính trong các vụ việc về môi trường và tòa án Đức **dựa vào các đánh giá dựa trên rủi ro để xác định trách nhiệm pháp lý**. Khi ý kiến chuyên gia chỉ ra khả năng gây hại cho môi trường cao, tòa án và cơ quan quản lý có thể áp dụng các nghĩa vụ phòng ngừa hoặc khắc phục ngay cả khi không có chứng cứ xác đáng.

Trong các trường hợp liên quan đến ô nhiễm đất, đánh giá của chuyên gia **phải tuân thủ các tiêu chuẩn do Đạo luật bảo vệ đất liên bang và các sắc lệnh liên quan đặt ra**, đảm bảo mức độ ô nhiễm được đánh giá chính xác và các biện pháp khắc phục phù hợp được thực hiện.

2.3.5. Các cơ chế giải quyết tranh chấp về môi trường

Đức áp dụng kết hợp các cơ chế hành chính, tư pháp và giải quyết tranh chấp thay thế (ADR) để xử lý các vụ việc BTTHVMT:

- **Khởi kiện tại tòa án:** Đức công nhận các vụ kiện vì lợi ích công cộng, cho phép các tổ chức phi chính phủ về môi trường và cộng đồng bị ảnh hưởng khởi kiện các quyết định của cơ quan quản lý. **Đạo luật thực hiện Công**

ước Aarhus, được thông qua vào năm 2006, quy định các tổ chức môi trường có quyền khởi kiện các cơ quan chức năng vì không thực thi đúng pháp luật môi trường.

- ii. **Áp dụng biện pháp hành chính:** Đây là **cơ chế thực thi chính**. Các cơ quan môi trường ở cấp liên bang và cấp tiểu bang chịu trách nhiệm xác định thiệt hại về môi trường, đưa ra các biện pháp khắc phục, và giám sát việc tuân thủ các quy định về môi trường. Theo **Đạo luật thủ tục hành chính liên bang** (Verwaltungsverfahrensgesetz - VwVfG), doanh nghiệp có quyền khiếu nại các quyết định hành chính. Nếu doanh nghiệp từ chối thực hiện các biện pháp khắc phục, cơ quan nhà nước có thể tự mình thực hiện các biện pháp khắc phục và thu hồi chi phí thông qua các cơ chế thực thi tài chính.
- iii. **Áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế (ADR):** Luật pháp Đức **khuyến khích các cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế** như hòa giải và giải quyết thông qua thương lượng để giải quyết các tranh chấp về môi trường hiệu quả hơn. Một số tiểu bang đã thành lập **các trung tâm hòa giải môi trường chuyên biệt**, cung cấp nền tảng để giải quyết các tranh chấp giữa những người gây ô nhiễm, cơ quan quản lý và cộng đồng bị ảnh hưởng.

Một số bài học kinh nghiệm rút ra từ quy định pháp luật của Đức:

- i. **Áp dụng phương pháp tiếp cận trách nhiệm kép:** Triển khai hệ thống trách nhiệm kép, phân biệt giữa trách nhiệm nghiêm ngặt đối với các hoạt động rủi ro cao (giúp giảm rào cản pháp lý cho người yêu cầu bồi thường trong các trường hợp thiệt hại về môi trường) và trách nhiệm dựa trên lỗi đối với các trường hợp khác.
- ii. **Tăng cường nghĩa vụ của cơ chế chứng minh:** Đảo ngược nghĩa vụ chứng minh trong một số trường hợp, yêu cầu doanh nghiệp chứng minh hoạt động của họ không gây ra thiệt hại.
- iii. **Đảm bảo bồi thường và khắc phục thiệt hại toàn diện:** Mở rộng định nghĩa về thiệt hại môi trường ngoài tổn thất kinh tế để bao gồm phục hồi sinh thái và khắc phục bồi thường (theo khuôn khổ khắc phục ba cấp độ của Đức).
- iv. **Tăng cường tiêu chuẩn ý kiến chuyên gia:** Thiết lập các hướng dẫn giám định môi trường để tăng độ tin cậy của chứng cứ khoa học trong các thủ tục tố tụng. Khuyến khích ý kiến của chuyên gia độc lập và do tòa án chỉ định, đảm bảo sự không chắc chắn về mặt khoa học không ngăn cản việc xác định trách nhiệm.
- v. **Phân cấp thực thi với cơ chế phối hợp rõ ràng:** Tăng cường cơ chế hợp tác giữa cơ quan nhà nước trung ương và địa phương để đảm bảo áp dụng nhất quán pháp luật. Hệ

thống của Đức phân cấp thực thi cho chính quyền tiểu bang trong khi vẫn duy trì giám sát liên bang.

vi. **Khuyến khích các cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế (ADR):** Mở rộng các lựa chọn hòa giải và trọng tài để đơn giản hóa việc giải quyết tranh chấp về môi trường, tăng hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

vii. **Đảm bảo tài chính cho hoạt động khắc phục:** Đưa ra các yêu cầu về đảm bảo tài chính đối với các ngành công nghiệp có rủi ro cao, đảm bảo những người gây ô nhiễm phải chịu nghĩa vụ tài chính cho hoạt động khắc phục môi trường. Các cơ chế đảm bảo tài chính của Đức, bao gồm bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc và các chương trình thu hồi chi phí, đảm bảo có đủ tiền để khắc phục, ngay cả khi người gây ô nhiễm mất khả năng thanh toán.

viii. **Mở rộng sự tham gia của người dân và tiếp cận công lý:** Việc Đức thực hiện Công ước Aarhus đảm bảo người dân được tiếp cận công lý về môi trường, cho phép các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng bị ảnh hưởng khởi kiện các quyết định của cơ quan quản lý.

2.4. Pháp luật và thực tiễn của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ liên quan tới bồi thường thiệt hại về môi trường

2.4.1. Cơ sở pháp lý của trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường

Trong luật pháp Hoa Kỳ, **nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền** không được ghi nhận như một chính sách hay nguyên tắc pháp lý riêng biệt trong pháp luật BVMT. Tuy nhiên, một số phân tích về sự phát triển của chính sách và pháp luật môi trường Hoa Kỳ cho thấy nguyên tắc này **đã được đưa vào nhiều đạo luật**. **Đạo luật không khí sạch (CAA)** và **Đạo luật nước sạch (CWA)** thiết lập nghĩa vụ cho những người gây ô nhiễm phải thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường bằng chi phí của mình.

Một sự thay đổi đáng kể về trách nhiệm đối với môi trường là việc ban hành **Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường (CERCLA)** vào năm 1980. Theo Đạo luật này, **Cơ quan BVMT Hoa Kỳ (EPA)** được phép xác định trách nhiệm đối với các thiệt hại đã xảy ra hoặc có thể xảy ra do việc xả các chất độc hại có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe con người và môi trường. Luật này trao cho Cơ quan BVMT Hoa Kỳ thẩm quyền **xác định các bên chịu trách nhiệm**, thông báo cho các bên này về thiệt hại và yêu cầu phải lập **kế hoạch khắc phục** để khôi phục môi trường về tình trạng trước đó.²⁶

Bên chịu trách nhiệm phải nộp kế hoạch khắc phục trong thời hạn do Cơ quan BVMT Hoa Kỳ đặt ra và thực hiện các biện pháp cần thiết. Cơ quan BVMT Hoa Kỳ **giám sát việc tuân thủ** các biện pháp này và có thể tạm dừng việc thực hiện kế hoạch cho đến

²⁶ García-Castrillón, CO (2011). Xu hướng tranh tụng quốc tế về trách nhiệm môi trường: góc nhìn so sánh Liên minh Châu Âu–Hoa Kỳ (*International litigation trends in environmental liability: a European Union–United States comparative perspective*), *Journal of Private International Law*, 7 (3), 551-581.

khi xác nhận được hiệu quả của kế hoạch trong việc loại bỏ thiệt hại đối với môi trường. Nếu bên chịu trách nhiệm không nộp hoặc không thực hiện kế hoạch khắc phục, Cơ quan BVMT Hoa Kỳ **có thể trực tiếp hành động**, tự lập kế hoạch và yêu cầu bên chịu trách nhiệm thực hiện. Nếu bên đó vẫn không tuân thủ, Cơ quan BVMT Hoa Kỳ sẽ **sử dụng tiền từ Quỹ chất độc hại** để khắc phục thiệt hại và sau đó yêu cầu bên gây ô nhiễm hoàn trả tất cả các chi phí liên quan.

Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường đưa ra định nghĩa khái quát về trách nhiệm đối với thiệt hại về môi trường. Đạo luật xác định **những người có khả năng gây ô nhiễm** là:

- i. **Chủ sở hữu hoặc đơn vị vận hành hiện tại** của cơ sở nơi xảy ra ô nhiễm.
- ii. **Chủ sở hữu hoặc đơn vị vận hành** tại thời điểm phát tán chất nguy hại.
- iii. Các bên được thuê **tiêu huỷ, vận chuyển hoặc xử lý** các chất nguy hại tại thời điểm xảy ra ô nhiễm.
- iv. Các bên **tiếp nhận các chất nguy hại** để vận chuyển, tiêu huỷ hoặc xử lý.

Một trong những diễn giải pháp lý quan trọng nhất về trách nhiệm đối với môi trường của Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường thể hiện qua **vụ việc Hoa Kỳ kiện Chem-Dyne Corp. (1983)**,²⁷ trong đó tòa án phán quyết rằng các chủ thể được liệt kê trong Mục 107(a) của Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường - bao gồm chủ sở hữu và đơn vị vận hành trong quá khứ và hiện tại - có thể phải **chịu trách nhiệm ngay cả khi ô nhiễm xảy ra trước khi Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường được ban hành**. Phán quyết này thiết lập **trách nhiệm pháp lý hồi tố**, nghĩa là những người gây ô nhiễm trong quá khứ vẫn phải chịu trách nhiệm pháp lý về thiệt hại môi trường.

Ngoài ra, tòa án trong *vụ Chem-Dyne* đã phán quyết rằng trách nhiệm theo Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường là **trách nhiệm liên đới**, nghĩa là mỗi bên gây ô nhiễm có thể phải chi trả toàn bộ chi phí xử lý làm sạch, bất kể mức độ gây ra thiệt hại của bên đó là như thế nào. Quyết định này đảm bảo thiệt hại về môi trường được khắc phục ngay cả khi một số bên gây ô nhiễm không có khả năng thanh toán hoặc không thể xác định được.

Trên thực tế, mô hình này cung cấp cho Cơ quan BVMT Hoa Kỳ sự linh hoạt để **kiện người gây ô nhiễm có khả năng chi trả nhất hoặc dễ tiếp cận nhất**, tăng tính hiệu quả của việc khắc phục. Trong khi cách tiếp cận này đảm bảo việc chịu trách nhiệm,

²⁷ Schnapf, L. (2021). Trách nhiệm chung của Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường có còn phù hợp trong Kỷ nguyên của lần sửa đổi thứ ba không? (*Is CERCLA Joint Liability Still Appropriate in the Era of the Third Restatement?*). Nat. Resources & Env't, 36, 26.

những người chỉ trích cho rằng cách tiếp cận này trao cho Cơ quan BVMT Hoa Kỳ **quyền quyết định quá cao**, có khả năng dẫn đến việc thực thi tùy tiện. Tuy nhiên, **mô hình này đảm bảo hiệu quả rằng ít nhất một bên gây ô nhiễm phải chịu trách nhiệm về thiệt hại môi trường.**

Tóm lại, trách nhiệm pháp lý về môi trường tại Hoa Kỳ được hình thành từ sự kết hợp giữa các luật cấp liên bang, việc thực thi quy định, và các nguyên tắc về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của hệ thống thông luật. **Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền** dù không được quy định rõ ràng như một học thuyết độc lập nhưng vẫn là nền tảng cho phần lớn khuôn khổ pháp lý về môi trường của Hoa Kỳ. Một số đạo luật chính thiết lập trách nhiệm pháp lý đối với môi trường bao gồm:

- Đạo luật toàn diện về ứng phó, bồi thường và trách nhiệm môi trường, áp dụng trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt đối với ô nhiễm chất thải nguy hại.
- Đạo luật nước sạch (CWA) và Đạo luật không khí sạch (CAA), thiết lập trách nhiệm pháp lý đối với các vi phạm liên quan đến ô nhiễm nước và không khí.
- Đạo luật bảo tồn và phục hồi tài nguyên (RCRA), quy định về quản lý chất thải nguy hại và áp dụng trách nhiệm đối với việc xử lý không đúng cách.

Một khía cạnh cơ bản của trách nhiệm pháp lý theo Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường là **trách nhiệm nghiêm ngặt và trách nhiệm liên đới**, nghĩa là các bên gây ô nhiễm có thể phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí khắc phục bất kể có lỗi hay không, và một bên gây ô nhiễm có thể phải chịu trách nhiệm về toàn bộ chi phí xử lý làm sạch, ngay cả khi nhiều bên cùng gây ô nhiễm.

Một phán quyết quan trọng – Chính phủ Hoa Kỳ kiện công ty Chem-Dyne Corp., đã làm rõ vấn đề trách nhiệm pháp lý của Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường có hiệu lực hồi tố, đảm bảo những người gây ô nhiễm trước đây vẫn phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại môi trường ngay cả khi ô nhiễm xảy ra trước khi luật được ban hành.

2.4.2. Nghĩa vụ chứng minh

Tại Hoa Kỳ, nghĩa vụ chứng minh trong tố tụng môi trường khác nhau tùy theo quy định áp dụng. Theo Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường, nguyên đơn (thường là chính phủ) **chỉ cần chứng minh ô nhiễm đã xảy ra và bị đơn phải chịu trách nhiệm**. Ngược lại, việc đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo hệ thống thông luật như gây phiền toái (“nuisance”), xâm phạm (“trespass”) hoặc sơ suất (“negligence”) yêu cầu **nguyên đơn phải chứng minh**:

- i. Hành động của bị đơn đã gây hại cho môi trường.
- ii. Có một mối quan hệ nhân quả trực tiếp tồn tại giữa hành vi và thiệt hại.

iii. Thiệt hại có thể định lượng được và có thể bồi thường được.

Tương tự như ở Đức, một trong những khía cạnh khó khăn nhất của tố tụng về môi trường tại Hoa Kỳ là **chứng minh mối quan hệ nhân quả**, đặc biệt là trong các vụ việc hành vi gây ô nhiễm do chất độc hại gây ra, trong đó có thể có nhiều nguồn gây ô nhiễm. Trong vụ việc **Booth kiện Georgia-Pacific Corp.**, nguyên đơn khởi kiện với lý do bệnh lý của họ là do tiếp xúc với chất ô nhiễm do nhà máy của bị đơn thải ra. Vụ kiện đã minh họa những thách thức mà nguyên đơn phải đối mặt trong việc xác định mối quan hệ giữa các mối nguy hại môi trường nhất định với tình trạng sức khỏe cụ thể.²⁸

Hộp 3: Những thách thức trong việc chứng minh mối quan hệ nhân quả - vụ Booth kiện Georgia-Pacific Corp. (2014)

Tòa án cuối cùng đã phán quyết bác yêu cầu của nguyên đơn, nêu ra ba điểm yếu lớn trong lập luận khởi kiện:

- **Không xác định được mức độ tiếp xúc cụ thể:** Nguyên đơn không thể chứng minh được lượng chất ô nhiễm chính xác mà họ đã tiếp xúc, khiến việc chứng minh lượng chất thải của bị đơn ở mức độ có hại trở nên khó khăn.
- **Thiếu chứng cứ khoa học xác đáng:** Nguyên đơn dựa vào các nghiên cứu cho thấy **mối liên hệ có khả năng xảy ra** giữa một số chất ô nhiễm nhất định và tác động đến sức khỏe, nhưng chứng cứ không đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt cần thiết để hình thành mối quan hệ nhân quả.
- **Nhiều nguồn ô nhiễm tiềm ẩn:** Các nguyên đơn sống trong một khu vực có nhiều hoạt động công nghiệp khác nhau, khiến việc chứng minh chất thải của Georgia-Pacific (mà không phải một nguồn khác) là nguyên nhân gây ra bệnh tật của họ trở nên khó khăn.

Vụ kiện này nhấn mạnh **các yêu cầu nghiêm ngặt về chứng cứ** mà nguyên đơn phải đối mặt trong các vụ kiện về môi trường, đặc biệt là khi có nhiều nguồn ô nhiễm tồn tại và khi thiếu sự đồng thuận khoa học về tác động đến sức khỏe.

2.4.3. Phạm vi và bản chất của thiệt hại có thể được bồi thường

Trong luật môi trường của Hoa Kỳ, **thiệt hại có thể được bồi thường bao gồm:**

- i. **Chi phí khắc phục:** Chi phí phát sinh để khôi phục môi trường về trạng thái trước khi bị thiệt hại.
- ii. **Tổn thất kinh tế:** Bao gồm tổn thất giá trị tài sản và tổn thất về lợi nhuận.

²⁸ Bostic v. Georgia-Pacific Corp. – *Chứng cứ về mối quan hệ nhân quả phải đầy đủ trong phiên tòa liên quan tới bệnh u trung biểu mô* [Evidence of Causation Must be Sufficient in Mesothelioma Trial], <https://ferrarolaw.com/blog/2014/july/bostic-v-georgia-pacific-corp-8211-evidence-of-c/>.

- iii. **Thiệt hại về tài nguyên thiên nhiên:** Bồi thường thiệt hại cho các nguồn tài nguyên công cộng như không khí, nước và động vật hoang dã.
- iv. **Thiệt hại về sức khỏe con người:** Bồi thường cho các bệnh tật và thương tích liên quan đến ô nhiễm môi trường.

Hộp 4: Tính toán thiệt hại và bồi thường mang tính trừng phạt – vụ Exxon Shipping Co. kiện Baker

Vụ **tràn dầu Exxon Valdez, Exxon Shipping Co. kiện Baker (2008)**, vẫn là một trong những vụ kiện về thiệt hại môi trường đáng chú ý nhất trong lịch sử tố tụng Hoa Kỳ cho đến nay. Vụ kiện tập trung vào vụ tràn dầu thảm khốc năm 1989 ở Alaska, gây ra thiệt hại lớn cho hệ sinh thái biển, nghề cá và cộng đồng địa phương. Phán quyết của Tòa án Tối cao trong vụ việc này tập trung vào **bồi thường mang tính trừng phạt**, cuối cùng giới hạn ở **tỷ lệ 1:1** so với thiệt hại phải bồi thường. Tòa án đã xem xét hai phương pháp chính để tính toán thiệt hại²⁹:

- i. **Phương pháp nhân:** Phương pháp này tính toán thiệt hại phải bồi thường mang tính trừng phạt bằng cách **nhân thiệt hại được bồi thường thực tế với một hệ số** (thường nằm trong khoảng từ 1,5 đến 5), tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của thiệt hại. Những người ủng hộ phương pháp này cho rằng nó **đảm bảo việc chịu trách nhiệm** và đóng vai trò **răn đe** đối với hành vi sai trái trong tương lai.
- ii. **Phương pháp tính theo ngày (Per Diem):** Phương pháp này tính toán thiệt hại dựa trên **tỷ lệ mỗi ngày** của các ảnh hưởng hay tác động đối với môi trường. Phương pháp này thường được sử dụng trong các vụ việc liên quan tới thương tích cá nhân nhưng cũng được áp dụng trong các **vụ kiện về môi trường** để ước tính chi phí thiệt hại **dài hạn**. Trong vụ *Exxon Shipping Co. kiện Baker*, phương pháp này được xem xét để ước tính **thiệt hại đang diễn ra** đối với các cộng đồng bị ảnh hưởng.

Tòa án cuối cùng đã quyết định việc bồi thường trừng phạt nên được giới hạn ở **tỷ lệ 1:1** so với thiệt hại bồi thường, với lập luận rằng **các khoản tiền phạt quá cao có thể dẫn đến những vấn đề không đoán định được về mặt pháp lý và tác động xấu về mặt kinh tế**.

Hộp 5: Vụ Deepwater Horizon (2010) - Một ví dụ về Phân tích trách nhiệm đối với môi trường dựa trên dữ kiện thực tế

Sự cố tràn dầu Deepwater Horizon vào tháng 4 năm 2010 là thảm họa môi trường ngoài khơi lớn nhất trong lịch sử Hoa Kỳ cho tới nay với 3,19 triệu thùng dầu tràn ra Vịnh Mexico trong 87 ngày. Sự cố tràn dầu đã làm ô nhiễm 2.100 km bờ biển, ảnh hưởng nghiêm trọng

²⁹ Kerr, J. (2009). *Exxon Shipping Co. kiện Baker: những nguy cơ của cải cách bồi thường thiệt hại mang tính trừng phạt tư pháp [Exxon Shipping Co. v. Baker: the perils of judicial punitive damages reform]*. Emory LJ, 59, 727.

đến hệ sinh thái biển và nền kinh tế ven biển. Năm 2016, BP đã đồng ý giải quyết với mức bồi thường 20 tỷ đô la Mỹ, bao gồm 5,5 tỷ đô la tiền phạt theo Đạo luật nước sạch, 8,1 tỷ đô la cho thiệt hại về tài nguyên thiên nhiên, và 700 triệu đô la cho chi phí phục hồi trong tương lai. Đánh giá thiệt hại bao gồm các so sánh cơ bản, nghiên cứu về tỷ lệ tử vong của các loài và đánh giá sức khỏe hệ sinh thái, xác định thiệt hại thảm khốc ở các loài chim, rùa biển và cá heo mũi chai. Vụ kiện **dựa trên mô hình khoa học, các kỹ thuật định giá kinh tế như Phương pháp chi phí du hành (Travel Cost Method) và Phương pháp Định giá hưởng thụ (Hedonic Pricing), và mô hình thủy động lực học để định lượng thiệt hại** đối với môi trường. Vụ kiện này đã thiết lập tiền lệ cho phân tích trách nhiệm pháp lý về môi trường dựa trên thực tế, chứng minh vai trò của các phương pháp tiên tiến trong việc xác định mức chịu trách nhiệm của doanh nghiệp và hướng dẫn các nỗ lực phục hồi sinh thái.³⁰

Vụ tràn dầu Deepwater Horizon năm 2010 là một trong những trường hợp ứng dụng rộng nhất của phân tích trách nhiệm môi trường dựa trên thực tế trong lịch sử. Vụ việc liên quan đến việc đánh giá nghiêm ngặt các thiệt hại về sinh thái và kinh tế thông qua các phương pháp khoa học tiên tiến. Kế hoạch của Hội đồng quản lý quỹ về khôi phục thiệt hại tài nguyên thiên nhiên do vụ tràn dầu Deepwater Horizon đã phác thảo một **đánh giá thiệt hại toàn diện**, kết hợp nhiều mô hình và kỹ thuật định giá khác nhau để định lượng thiệt hại. Những điều này bao gồm **phân tích nơi cư trú tương đương (HEA)** để phục hồi hệ sinh thái, **phương pháp chi phí du hành** để đánh giá tổn thất tái tạo, **kỹ thuật định giá dự phòng** cho thiệt hại công cộng, và **đánh giá độc tính** đối với sự suy thoái môi trường sống và sinh vật biển.³¹

Ngoài ra, mô hình thủy động lực học và dự đoán (hydrodynamic and fate-and-transport modeling) đã được sử dụng để dự đoán chuyển động và sự phân hủy của dầu tràn, trong khi giám sát sinh học theo chiều dọc cung cấp dữ liệu về quỹ đạo phục hồi của các loài. Năm 2016, BP đã ký một văn bản chấp thuận trị giá 20 tỷ đô la để giải quyết các khiếu kiện dân sự theo Đạo luật nước sạch và Đạo luật ô nhiễm dầu, bao gồm cả khoản tài trợ đáng kể cho việc phục hồi môi trường, phục hồi hệ sinh thái và bồi thường kinh tế. Trường hợp này làm nổi bật **tầm quan trọng của phân tích khoa học và kinh tế đa diện** trong việc xác định trách nhiệm pháp lý và hướng dẫn các khuôn khổ bồi thường môi trường.³²

³⁰ Mohan, M. P. (2021). *Bồi thường thiệt hại về môi trường: Dần dần mở rộng phạm vi, nhưng kết quả là gì?* [Compensation for Environmental Damage: Progressively Casting a Wider Net, but What's the Catch?], Vand. J. Transnat'l L., 54, 611.

³¹ Mohan, M. P. (2021). *Bồi thường thiệt hại về môi trường: Dần dần mở rộng phạm vi, nhưng kết quả là gì?* [Compensation for Environmental Damage: Progressively Casting a Wider Net, but What's the Catch?], Vand. J. Transnat'l L., 54, 611.

³² Mohan, M. P. (2021). *Bồi thường thiệt hại về môi trường: Dần dần mở rộng phạm vi, nhưng kết quả là gì?* [Compensation for Environmental Damage: Progressively Casting a Wider Net, but What's the Catch?], Vand. J. Transnat'l L., 54, 611.

2.4.4. Ý kiến chuyên gia

Tổ tụng môi trường phụ thuộc rất nhiều vào ý kiến chuyên gia để xác định mối quan hệ nhân quả, định lượng thiệt hại và đánh giá tác động sinh thái và kinh tế lâu dài. Tòa án xem xét kỹ ý kiến của chuyên gia theo **tiêu chuẩn Daubert** - tiêu chuẩn này yêu cầu chứng cứ khoa học phải **đáng tin cậy, phù hợp và có phương pháp luận hợp lý**.³³

Hộp 6: Anderson kiện Pacific Gas & Electric Co. (1993) - Một vụ kiện mang tính bước ngoặt về ý kiến chuyên gia

Một trong những vụ kiện môi trường nổi tiếng nhất liên quan đến ý kiến chuyên gia là vụ Anderson kiện Pacific Gas & Electric Co. Vụ việc liên quan đến ô nhiễm nước ngầm do crom hóa trị sáu từ một cơ sở của PG&E.

Các khía cạnh chính của ý kiến chuyên gia trong vụ việc này bao gồm:

- **Nghiên cứu môi trường cơ bản:** Các chuyên gia đã cung cấp dữ liệu về tình trạng nước ngầm trước đó để chứng minh mức độ ô nhiễm đã thay đổi như thế nào.
- **Báo cáo về độc chất học:** Các nhà khoa học trình bày các nghiên cứu về mối liên hệ giữa crom hóa trị sáu với bệnh ung thư và các tình trạng sức khỏe khác.
- **Chứng cứ dịch tễ học:** Các chuyên gia đã kiểm tra tỷ lệ bệnh tật trong cộng đồng bị ảnh hưởng so với nhóm người nhất định khác.

Việc sử dụng các nghiên cứu khoa học toàn diện đã giúp xác định mối liên hệ trực tiếp giữa tình trạng gây ô nhiễm của PG&E và các vấn đề sức khỏe của nguyên đơn. Vụ kiện đã dẫn đến một thỏa thuận giải quyết trị giá 333 triệu đô la, một trong những khoản bồi thường lớn nhất trong lịch sử các vụ kiện về môi trường, nhấn mạnh tầm quan trọng của ý kiến chuyên gia trong việc chứng minh mối quan hệ nhân quả và thiệt hại.

2.4.5. Các cơ chế giải quyết tranh chấp về môi trường

Tại Hoa Kỳ, tranh chấp về môi trường có **nhều cơ chế** để giải quyết:

- Khởi kiện tại tòa án:** Tòa án liên bang và tiểu bang giải quyết các vụ kiện theo các luật như Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường và Đạo luật bảo tồn và phục hồi tài nguyên.
- Áp dụng biện pháp hành chính:** Các cơ quan hành pháp như Cơ quan BVMT Hoa Kỳ ban hành quyết định hành chính áp dụng các khoản tiền phạt và lệnh bắt buộc khắc phục.

³³ Line, Emily N. và cộng sự, “Ý kiến chuyên gia” [“Expert witness testimony”], PsyArXiv. September 20 (2022).

- iii. **Áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế (ADR):** Phương thức hòa giải và trọng tài ngày càng được sử dụng nhiều để giải quyết các vụ việc phức tạp về môi trường mà không cần phải trải qua quá trình kiện tụng kéo dài.

Một ví dụ nổi bật về giải quyết tranh chấp thay thế trong luật môi trường là Thỏa thuận giải quyết khí thải động cơ diesel của Volkswagen, trong đó Volkswagen đã đồng ý giải quyết với số tiền 14,7 tỷ đô la vì vi phạm các quy định về khí thải của Hoa Kỳ.

Một số bài học kinh nghiệm rút ra từ quy định pháp luật của Hoa Kỳ:

- i. **Tăng cường tiêu chuẩn trách nhiệm:** Việc áp dụng các mô hình trách nhiệm nghiêm ngặt như Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường sẽ đảm bảo những người gây ô nhiễm phải chịu toàn bộ chi phí gây hại cho môi trường.
- ii. **Nâng cao tiêu chuẩn ý kiến chuyên gia:** Việc thiết lập các hướng dẫn quốc gia về giám định môi trường sẽ cải thiện độ tin cậy của chứng cứ khoa học trong các thủ tục tố tụng.
- iii. **Phát triển khung tính toán thiệt hại rõ ràng:** Sử dụng các phương pháp như phương pháp nhân hoặc phương pháp tính theo ngày có thể giúp đánh giá thiệt hại một cách minh bạch.
- iv. **Khuyến khích các cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế:** Mở rộng việc lựa chọn hòa giải và trọng tài có thể tăng hiệu quả của việc giải quyết tranh chấp về môi trường.
- v. **Tăng cường thực thi quy định:** Trao thẩm quyền cho Cơ quan BVMT Hoa Kỳ giúp cải thiện các nỗ lực tuân thủ quy định và khắc phục thiệt hại.

2.5. Pháp luật và thực tiễn của Cộng hòa Indonesia liên quan tới bồi thường thiệt hại về môi trường

2.5.1. Cơ sở pháp lý của trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường

Trách nhiệm pháp lý về môi trường ở Indonesia chủ yếu được điều chỉnh tại **Luật số 32 năm 2009 về Bảo vệ và quản lý môi trường (UUPPLH)**. Luật này đặt ra nền tảng về trách nhiệm pháp lý liên quan đến thiệt hại và ô nhiễm môi trường. Trách nhiệm pháp lý chủ yếu được thiết lập thông qua khuôn khổ pháp lý **dân sự, hành chính và hình sự**, tùy thuộc vào bản chất và mức độ nghiêm trọng của thiệt hại môi trường.

a. Trách nhiệm chung và luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Trách nhiệm pháp lý về môi trường ở Indonesia được quy định trong cả luật dân sự và các quy định về môi trường, đặc biệt là theo Luật số 32 năm 2009 về Bảo vệ và quản lý môi trường. Khung pháp lý này thiết lập các cơ chế bồi thường, phân chia trách nhiệm, và nghĩa vụ phục hồi cho các bên chịu trách nhiệm về thiệt hại môi trường. Một trong những khía cạnh quan trọng nhất của trách nhiệm pháp lý về môi trường là tính toán giá trị tổn thất, xác định mức độ trách nhiệm pháp lý tài chính của người gây ô nhiễm.

Cơ sở cho trách nhiệm pháp lý trong luật dân sự Indonesia là **Điều 1365 của Bộ luật Dân sự (KUHPerdata)**, quy định bất kỳ hành vi trái pháp luật nào gây ra thiệt hại đều buộc người gây thiệt hại phải bồi thường thiệt hại. Điều này tạo thành cơ sở cho **trách nhiệm pháp lý dựa trên lỗi** trong các vụ việc về môi trường. Tuy nhiên, luật môi trường đã được ban hành để quy định về **trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt**, thể hiện sự thay đổi so với các khái niệm dựa trên lỗi truyền thống. Điều 88 của Luật số 32/2009 quy định về trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt đối với các hoạt động nguy hại, loại bỏ yêu cầu nguyên đơn phải chứng minh sự bất cẩn hoặc cố ý.³⁴

b. Phạm vi và các loại thiệt hại

Trong khi **Điều 1365** của Bộ luật Dân sự Indonesia đưa ra quy tắc chung về bồi thường, quy định này **không định nghĩa rõ ràng các loại tổn thất có thể phục hồi được**³⁵. Các diễn giải tư pháp và học thuyết pháp lý phân loại thiệt hại như sau:

- **Bồi thường danh nghĩa:** Được áp dụng khi hành vi vi phạm pháp luật được xác lập, nhưng thiệt hại thực tế khó có thể định lượng được. Cách tiếp cận này được sử dụng trong các trường hợp tòa án muốn kết luận có hành vi sai trái mà không có hình phạt tài chính lớn.
- **Bồi thường thực tế (thiệt hại vật chất):** Bao gồm các tổn thất kinh tế trực tiếp mà nạn nhân phải chịu, chẳng hạn như thiệt hại tài sản hoặc thiệt hại thu nhập kinh doanh.
- **Bồi thường xử phạt (thiệt hại trừng phạt):** Trong một số trường hợp, bồi thường có thể vượt quá thiệt hại thực tế phải chịu như một hình thức răn đe. Điều này hiếm khi được áp dụng ở Indonesia, nơi các vụ việc về môi trường tập trung nhiều hơn vào các biện pháp khắc phục.

c. Cơ sở pháp lý để tính toán tổn thất

Việc tính toán **giá trị tổn thất do thiệt hại về môi trường, bao gồm cả cháy rừng**, được quy định tại **Điều 87 của Luật số 32/2009**, trong đó nêu rõ: "*Mọi doanh nghiệp*

³⁴ Warlia, M., Munaf, Y., Susilo, E. I., & Huda, N. M. (2023). *Thực hiện nguyên tắc trách nhiệm nghiêm ngặt trong thi hành luật dân sự về môi trường và giải quyết việc thi hành luật tại Indonesia [Implementation of the Strictliability Principle in Enforcement of Environmental Civil Case Laws and Settlement of Their Execution in Indonesia]*. Tạp chí Luật và Nhân văn Quý (Law and Humanities Quarterly Reviews), 2(3).

³⁵ Sadino, S. H., Hotman Sitorus, S. H., & SH, M. Z. A. (2020). *Phân tích pháp lý về tính toán giá trị tổn thất trong trường hợp cháy rừng công nghiệp (Phán quyết nghiên cứu trường hợp số 24/Pdt. G/2015/PN. Plgjo Số 51/PDT/2016/PT. PLG) [Legal analysis on the calculation of loss value for the case of industrial forest fire (Case study verdict No. 24/Pdt. G/2015/PN. PlgjoNo. 51/PDT/2016/PT. PLG)]*. Trong Chuỗi Hội nghị IOP: Khoa học Trái đất và Môi trường [IOP Conference Series: Earth and Environmental Science] (Tập 504, số. 1, trang. 012012), Nhà xuất bản IOP.

hoặc hoạt động gây thiệt hại, tổn thất về môi trường phải bồi thường thiệt hại và thực hiện các hành động khắc phục cần thiết".

Ngoài ra, **Điều 76 của Luật số 41/1999 về Lâm nghiệp** quy định các tranh chấp về môi trường có thể được giải quyết tại tòa án để xác định: việc khôi phục quyền; các khoản bồi thường và các hành động khắc phục cụ thể được yêu cầu đối với bên chịu trách nhiệm. Hơn nữa, **Quy định của Bộ Môi trường và Lâm nghiệp số 7 năm 2014** cung cấp các phương pháp chi tiết để **tính toán thiệt hại về môi trường**, xác định thiệt hại có thể được bồi thường bao gồm:

- Tổn thất vượt quá tiêu chuẩn chất lượng môi trường;
- **Bồi thường cho các thủ tục pháp lý;**
- Chi phí cho các biện pháp phòng ngừa và phục hồi;
- Tổn thất hệ sinh thái.

Bộ Môi trường và Lâm nghiệp sử dụng **Phụ lục II của Quy định số 7/2014** để định lượng tổn thất môi trường. Mô hình tính toán này khái quát hóa định giá tổn thất dựa trên diện tích đất bị ảnh hưởng, ước tính ở mức **400 triệu IDR** (*chú thích: khoảng 620 triệu VND*) cho mỗi ha.³⁶ Tuy nhiên, cách tiếp cận này **đã bị chỉ trích** vì:

- **Thiếu sự phân biệt** giữa rừng công nghiệp, khu bảo tồn và rừng quốc gia.
- **Không tính đến sự thay đổi trong khả năng phục hồi của hệ sinh thái** và mức độ thiệt hại thực tế.
- **Áp dụng máy móc các công thức cố định**, bỏ qua các đánh giá sinh thái cụ thể tại địa điểm.

Hộp 7: Vụ việc Mandalawangi (2004)

Vụ lở đất rừng Mandalawangi (năm 2004) là một trong những trường hợp đầu tiên áp dụng **nguyên tắc thận trọng** để buộc các tập đoàn phải chịu trách nhiệm về tình trạng phá rừng dẫn đến lở đất.³⁷

³⁶ Sadino, S. H., Hotman Sitorus, S. H., & SH, M. Z. A. (2020). *Phân tích pháp lý về tính toán giá trị tổn thất trong trường hợp cháy rừng công nghiệp (Phán quyết nghiên cứu trường hợp số 24/Pdt. G/2015/PN. Plgjo Số 51/PDT/2016/PT. PLG)* [Legal analysis on the calculation of loss value for the case of industrial forest fire (Case study verdict No. 24/Pdt. G/2015/PN. PlgjoNo. 51/PDT/2016/PT. PLG)]. Trong Chuỗi Hội nghị IOP: Khoa học Trái đất và Môi trường [IOP Conference Series: Earth and Environmental Science] (Tập 504, số. 1, trang. 012012), Nhà xuất bản IOP.

³⁷ Kharlie, A. T. (2020). *Áp dụng nguyên tắc trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt trong luật bồi thường cho sinh kế ở Indonesia: Phân tích quyết định của tòa án tối cao số 1794K/PDT/G/2004* [The Application of the strict liability principle in the indemnity laws for livelihoods in Indonesia: Analysis of the supreme court's decision Number 1794K/PDT/G/2004].

Vụ việc Mandalawangi (Quyết định của Tòa án Tối cao số 1794 K/Pdt/2004) đã chỉ ra những lỗ hổng đáng chú ý trong khuôn khổ pháp lý của Indonesia về trách nhiệm pháp lý đối với môi trường, đặc biệt liên quan đến việc định lượng tổn thất, việc áp dụng nguyên tắc thận trọng và vai trò của sự chắc chắn về mặt khoa học trong tố tụng. Những lỗ hổng này xuất phát từ việc thiếu các phương pháp luận rõ ràng mang tính chuẩn hóa để tính toán thiệt hại về môi trường và chứng minh quan hệ nhân quả, dẫn đến những vấn đề không lường trước được về mặt pháp lý và các diễn giải tư pháp không nhất quán.³⁸

Các phương pháp không nhất quán để tính toán tổn thất môi trường

Một vấn đề cơ bản trong vụ việc là **thiếu một tiêu chuẩn pháp lý thống nhất** để tính toán giá trị tổn thất trong các khiếu kiện về thiệt hại môi trường. Trong khi Quy định của Bộ Môi trường và Lâm nghiệp số 7 năm 2014 đưa ra các hướng dẫn về định giá tổn thất môi trường, các phương pháp này thường mang tính **máy móc và theo công thức, không tính đến các điều kiện sinh thái và kinh tế cụ thể của từng địa điểm**.

Nguyên đơn yêu cầu bồi thường cho các tổn thất vật chất và phi vật chất, bao gồm thiệt hại về tính mạng con người, thiệt hại do di dời, và phá hủy sinh kế. Tuy nhiên, luật dân sự Indonesia (Điều 1365 của Bộ luật Dân sự Indonesia) **không định nghĩa rõ ràng cách định lượng các tổn thất môi trường phi vật chất**. Tòa án đã ra phán quyết bồi thường cho thiệt hại về môi trường và chi phí phục hồi, nhưng **không thiết lập phương pháp rõ ràng về cách xác định** các con số này, dẫn đến sự mơ hồ về mặt pháp lý trong các vụ kiện sau này.

Sự thiếu nhất quán này dẫn đến những phán quyết không chắc chắn và có khả năng không công bằng, khi tòa án áp dụng các tính toán theo từng vụ việc thay vì một khuôn khổ chuẩn mực, minh bạch.

Thách thức của việc áp dụng nguyên tắc thận trọng mà không có hướng dẫn pháp lý rõ ràng

Nguyên tắc thận trọng - trọng tâm trong phán quyết của Tòa án Tối cao, quy định các biện pháp phòng ngừa phải được thực hiện ngay cả khi thiếu sự chắc chắn về mặt khoa học. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp lý của Indonesia **không đưa ra các tiêu chí rõ ràng về thời điểm và cách thức áp dụng nguyên tắc** này trong các vụ việc về môi trường.

Trong vụ việc Mandalawangi, Perum Perhutani và các viên chức chính phủ đã biết trước về rủi ro lở đất nhưng không hành động. Tòa án đã buộc họ phải chịu trách nhiệm nghiêm ngặt, lập luận sự không chắc chắn về mặt khoa học không miễn trừ trách nhiệm cho họ. Tuy nhiên, nếu không có khuôn khổ pháp lý nêu rõ cần bao nhiêu chứng cứ khoa học để kích hoạt trách nhiệm, bị đơn sẽ phải đối mặt với sự không chắc chắn về nghĩa vụ pháp lý

³⁸ Al Fikri, M. A. (2022). *Thực hiện trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt của các công ty trong trường hợp gây thiệt hại môi trường ở Indonesia: Tổng quan về luật hành chính nhà nước ở Indonesia [Implementation of strict liability by companies in cases of environmental damage in Indonesia: An overview of state administrative law in Indonesia]*. Tạp chí Luật Nhà nước Indonesia [Indonesian State Law Review] (ISLRev)), 5(2), 41-52.

của mình và nguyên đơn phải rất khó khăn để xác định khi nào nguyên tắc thận trọng được áp dụng.³⁹

Thiếu một cách tiếp cận chuẩn hóa đối với sự chắc chắn về mặt khoa học liên quan tới mối quan hệ nhân quả

Một thách thức pháp lý lớn trong tố tụng môi trường là thiết lập mối liên hệ nhân quả giữa hành động (phá rừng) và thiệt hại môi trường (lở đất, lũ lụt, mất đa dạng sinh học). Không giống như luật hình sự hoặc luật hợp đồng, trong đó mối quan hệ nhân quả thường có thể được thiết lập chứng cứ trực tiếp, thiệt hại môi trường khá phức tạp và thường liên quan đến nhiều yếu tố gây ra.

Trong vụ việc Mandalawangi, **Tòa án Tối cao đã chấp nhận ý kiến chuyên gia liên kết nạn phá rừng với lở đất**, nhưng **hệ thống pháp luật của Indonesia lại không có định nghĩa về tiêu chuẩn chứng cứ cho sự chắc chắn về mặt khoa học trong các vụ việc về môi trường**. Điều này tạo ra sự không chắc chắn cho cả nguyên đơn và bị đơn, vì tòa án không có nghĩa vụ chứng minh mang tính chuẩn hóa đối với thiệt hại về môi trường. Một số tòa án có thể yêu cầu mức độ chắc chắn khoa học cao, trong khi những tòa án khác có thể chấp nhận mối quan hệ nhân quả mang tính xác suất dựa trên mô hình sinh thái.

Việc thiếu khuôn khổ pháp lý để giải quyết tình trạng khoa học không chắc chắn có nghĩa là bị đơn có thể phải chịu trách nhiệm ngay cả khi mối quan hệ nhân quả không rõ ràng hoặc nguyên đơn có thể không nhận được bồi thường do yêu cầu về chứng cứ hà khắc.

Hộp 8: Vụ việc PT Bumi Mekar Hijau (2015)

Trong một bước thụt lùi đáng kể đối với việc thực thi trách nhiệm pháp lý về môi trường, Tòa án quận Palembang đã bác đơn kiện chống lại PT Bumi Mekar Hijau (BMH) về các vụ cháy rừng trên diện rộng. Tòa án nhận thấy chính phủ đã **không chứng minh được thiệt hại sinh thái bằng phương pháp định lượng**, làm nổi bật những **thách thức trong việc xác định mối quan hệ nhân quả mang tính khoa học và định lượng tổn thất môi trường**.

Trong vụ việc **PT. Bumi Mekar Hijau**, yêu cầu của Chính phủ bao gồm:

- **Tổn thất sinh thái (1,47 nghìn tỷ IDR, tương đương khoảng 89 triệu USD):** Chi phí phục hồi đất, xây dựng hồ chứa, phục hồi chất dinh dưỡng và phục hồi đa dạng sinh học.
- **Tổn thất kinh tế (1,21 nghìn tỷ IDR, tương đương khoảng 73 triệu USD):** Mất tiềm năng doanh thu do năng suất đất giảm.

³⁹ Kharlie, A. T. (2020). *Áp dụng nguyên tắc trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt trong luật bồi thường cho sinh kế ở Indonesia: Phân tích quyết định của tòa án tối cao số 1794K/PDT/G/2004* [The Application of the strict liability principle in the indemnity laws for livelihoods in Indonesia: Analysis of the supreme court's decision Number 1794K/PDT/G/2004].

- **Chi phí phục hồi (5,3 nghìn tỷ IDR, tương đương khoảng 320 triệu USD):** Chi phí phục hồi sinh thái và quản lý môi trường dài hạn.

2.5.2. Nghĩa vụ chứng minh

Theo Điều 88 của Luật số 32/2009, **trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt đã chuyển nghĩa vụ chứng minh từ nguyên đơn** (thường là cộng đồng bị ảnh hưởng hoặc cơ quan môi trường) **sang bị đơn**. Điều này có nghĩa là doanh nghiệp phải chứng minh các hoạt động của mình không gây hại, thay vì nguyên đơn phải chứng minh mối quan hệ nhân quả. Khi nguyên đơn chứng minh được mối nguy hại về môi trường xảy ra do hoạt động của bị đơn, bị đơn có trách nhiệm chứng minh là họ đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa đầy đủ hoặc các yếu tố bên ngoài gây ra thiệt hại.

Hộp 9: Vụ ô nhiễm Vịnh Buyat (2004)

Trong Vụ ô nhiễm Vịnh Buyat, việc chứng minh mối quan hệ nhân quả là một thách thức chính. Vụ việc này liên quan đến cáo buộc PT Newmont Minahasa Raya gây ô nhiễm thủy ngân. Các nguyên đơn (dân làng địa phương) đã rất vất vả để chứng minh mối quan hệ nhân quả do công ty đã đưa ra ý kiến của các chuyên gia phản biện phủ nhận ô nhiễm. Vụ việc minh họa **sự không chắc chắn về mặt khoa học có thể làm suy yếu các yêu cầu khởi kiện liên quan tới trách nhiệm bồi thường**, dù đã có điều khoản **trách nhiệm nghiêm ngặt**.⁴⁰

Hộp 10: Vụ việc PT Bumi Mekar Hijau (2015) - Thách thức về mối quan hệ nhân quả trong trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt

Tòa án ở Indonesia đã **áp dụng không nhất quán các giả định về mối quan hệ nhân quả** trong các vụ việc trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt. Trong khi **CLC 1992** ảnh hưởng đến học thuyết pháp lý của Indonesia, việc chứng minh thiệt hại cụ thể đối với môi trường vẫn là một thách thức lớn. Vụ việc PT Bumi Mekar Hijau (2015) đã thất bại vì nguyên đơn không thể thiết lập được tổn thất sinh thái với các tính toán chính xác.⁴¹

⁴⁰ Al Fikri, M. A. (2022). *Thực hiện trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt của các công ty trong trường hợp gây thiệt hại môi trường ở Indonesia: Tổng quan về luật hành chính nhà nước ở Indonesia [Implementation of strict liability by companies in cases of environmental damage in Indonesia: An overview of state administrative law in Indonesia]*. Tạp chí Luật Nhà nước Indonesia [Indonesian State Law Review] (ISLRev)), 5(2), 41-52.

⁴¹ Rezkina, M., & Bintang, S. (2021). *The application of strict liability principle in Aceh province's forest fire cases [Việc áp dụng nguyên tắc trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt trong các vụ cháy rừng ở tỉnh Aceh]*. Tạp chí sinh viên Luật quốc tế [Student Journal of International Law], 1(2), 100-115.

2.5.3. Phạm vi và bản chất của thiệt hại có thể được bồi thường

Các vụ việc về môi trường ở Indonesia công nhận **ba loại thiệt hại chính có thể được bồi thường**:

- i. **Tổn thất kinh tế trực tiếp**: bao gồm **thiệt hại về tài sản, mất kế sinh nhai và chi phí y tế** do tiếp xúc với ô nhiễm.
- ii. **Chi phí phục hồi môi trường**: Tòa án đã yêu cầu các bên gây ô nhiễm phải chi trả chi phí tái trồng rừng và **chi phí phục hồi hệ sinh thái**, đặc biệt là trong các vụ việc lớn như PT Kalista Alam (2018).
- iii. **Thiệt hại phi vật chất**: Việc bồi thường cho **thiệt hại về đa dạng sinh học, thiệt hại sinh thái và thiệt hại về văn hóa** đã được áp dụng trong một số trường hợp, mặc dù phương pháp định lượng vẫn chưa nhất quán.

Hộp 11: Vụ việc PT Kalista Alam (2018) – Tính toán thiệt hại

Tòa án cấp cao Banda Aceh đã giữ nguyên phán quyết thua kiện đối với PT Kalista Alam vì đã đốt 1.000 ha đất than bùn tại Rawa Tripa. Khoản bồi thường bao gồm:

- **Chi phí tái trồng rừng trên một ha** dựa trên các tiêu chuẩn sinh thái của chính phủ.
- **Chi phí phục hồi đất**, bù đắp cho việc mất đi độ phì nhiêu của đất than bùn.
- **Việc phục hồi hệ sinh thái dài hạn**, yêu cầu phải đầu tư vào quản lý đất bền vững.

Phương pháp tính toán thiệt hại dựa trên **ước tính chi phí do chính phủ quy định để phục hồi hệ sinh thái**, nhưng vẫn còn nhiều thách thức trong việc thực thi việc chi trả.⁴²

2.5.4. Ý kiến chuyên gia

Ý kiến chuyên gia rất quan trọng trong việc chứng minh mối quan hệ nhân quả, mức độ ô nhiễm và chi phí khắc phục trong các vụ việc về môi trường ở Indonesia. Tuy nhiên, ý kiến chuyên gia tại Indonesia cần chú ý một số vấn đề sau:

- *Thách thức về mức độ tin cậy*:
 - Trong **Vụ việc Vịnh Buyat (2004)**, các nhà khoa học được chính phủ Indonesia hậu thuẫn đã phát hiện ra tình trạng ô nhiễm thủy ngân, trong khi các chuyên gia của doanh nghiệp lại phản đối các yêu cầu đòi bồi thường. **Sự mâu thuẫn giữa các báo cáo chuyên gia** này đã dẫn tới việc tòa án bác đơn khởi kiện.

⁴² Teguh, P. P., & Rumadan, I. (2022). *Thi hành các quyết định của tòa án dân sự về môi trường ở Indonesia [Execution of environmental civil court decisions in Indonesia]*. Tạp chí Phát triển Nam Florida [South Florida Journal of Development], 3(3), 3286-3301.

Điều này thể hiện **nhu cầu có các chuyên gia độc lập do tòa án chỉ định** trong các tranh chấp môi trường phức tạp.⁴³

- Trong **Vụ việc PT Merbau Pelalawan Lestari (2016)**, ý kiến chuyên gia đã được sử dụng để xác định thiệt hại do khai thác gỗ trái phép, dẫn đến khoản tiền phạt 16,2 nghìn tỷ IDR (tương đương khoảng 980 triệu USD).

- *Vai trò của chứng cứ khoa học:*

Tòa án yêu cầu **giám định môi trường chi tiết**, nhưng **các cơ quan chính phủ thường không có đủ năng lực** để cung cấp các phân tích khoa học chặt chẽ.

2.5.5. Các cơ chế giải quyết tranh chấp về môi trường

Tranh chấp môi trường ở Indonesia có thể được giải quyết thông qua các cơ chế sau:

- Khởi kiện tại tòa án:** Cơ chế giải quyết tranh chấp môi trường tại tòa án theo cơ chế về vụ kiện dân sự theo Luật số 32 năm 2009 về Bảo vệ và quản lý môi trường.
- Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính:** Cơ quan hành pháp được áp dụng các biện pháp phạt tiền và thu hồi giấy phép.
- Áp dụng phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (ADR):** Phương thức giải quyết tranh chấp môi trường bao gồm thương lượng, hòa giải và trọng tài.

Vụ việc **PT Merbau Pelalawan Lestari (2016)** là một ví dụ về vai trò của các biện pháp khắc phục tư pháp. Tòa án Tối cao đã giữ nguyên mức phạt 16,2 nghìn tỷ IDR đối với doanh nghiệp khai thác gỗ trái phép, nhấn mạnh trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo vệ tài nguyên môi trường. Tuy nhiên, vẫn còn những khó khăn trong việc thực thi, vì trên thực tế việc nộp các khoản tiền phạt và thực hiện nghĩa vụ phục hồi thường hay bị trì hoãn.⁴⁴

Một số bài học kinh nghiệm rút ra từ quy định pháp luật của Indonesia:

- Mở rộng việc áp dụng trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt** để bao gồm các ngành công nghiệp có rủi ro cao như khai thác mỏ, lâm nghiệp và xử lý chất thải nguy hại. Như đã thấy trong Luật Môi trường số 32/2009 của Indonesia (Điều 88), trách nhiệm pháp lý nghiêm

⁴³ Sarmilah, M., Mustafidah, L., & George, H. (2022). *Trách nhiệm dân sự đối với các công ty khai thác mỏ về ô nhiễm môi trường dựa trên luật pháp Indonesia [Civil Liability for Mining Companies for Environmental Pollution Based on Indonesian Laws]*. Tạp chí Luật môi trường và phát triển bền vững Indonesia [Indonesian Journal of Environmental Law and Sustainable Development], 1(2), 165-188.

⁴⁴ Sarmilah, M., Mustafidah, L., & George, H. (2022). *Trách nhiệm dân sự đối với các công ty khai thác mỏ về ô nhiễm môi trường dựa trên luật pháp Indonesia [Civil Liability for Mining Companies for Environmental Pollution Based on Indonesian Laws]*. Tạp chí Luật môi trường và phát triển bền vững Indonesia [Indonesian Journal of Environmental Law and Sustainable Development], 1(2), 165-188.

ngặt đảm bảo những người gây ô nhiễm phải chịu trách nhiệm bất kể có lỗi hay không, chuyển trách nhiệm tài chính và pháp lý sang các ngành công nghiệp có rủi ro môi trường đáng kể.

ii. **Chuyển nghĩa vụ chứng minh:** Việc áp dụng cơ chế chuyển nghĩa vụ theo khuôn khổ pháp lý về trách nhiệm nghiêm ngặt của Indonesia sẽ giúp các cộng đồng bị ảnh hưởng dễ dàng yêu cầu bồi thường hơn. Như đã thấy trong vụ PT Bumi Mekar Hijau (2015) và Buyat Bay (2004), các nguyên đơn về môi trường thường gặp khó khăn trong việc chứng minh mối quan hệ nhân quả. Việc pháp luật thay đổi theo hướng chuyển nghĩa vụ sang doanh nghiệp để chứng minh sự tuân thủ sẽ tăng tính chịu trách nhiệm của bên gây ô nhiễm.

iii. **Chuẩn hoá các quy định về tính toán thiệt hại:** Quy định số 7 năm 2014 của Indonesia, mặc dù là một bước tiến, đã bị chỉ trích vì các công thức cơ học không phân biệt khả năng phục hồi của hệ sinh thái. Bài học từ vụ việc PT Kalista Alam (2018) và PT Bumi Mekar Hijau (2015) cho thấy tòa án gặp khó khăn trong việc định lượng tổn thất khi các công thức chuẩn hoá của chính phủ không có hoặc không rõ ràng.

iv. **Nâng cao tiêu chuẩn đối với ý kiến chuyên gia:** Các vụ việc Buyat Bay và PT Merbau Pelalawan Lestari (2016) của Indonesia đã nêu bật những rủi ro trong trường hợp ý kiến chuyên gia mâu thuẫn, làm suy yếu độ tin cậy của các khiếu kiện về môi trường. Một đơn vị cố vấn khoa học độc lập do tòa án chỉ định sẽ giúp ngăn chặn sự thiên vị và nâng cao khả năng đánh giá về môi trường của tòa án.

v. **Tăng cường cơ chế bảo đảm thực thi và giải quyết tranh chấp:** Đảm bảo thực thi hiệu quả các hình phạt về môi trường là điều cần thiết, vì kinh nghiệm của Indonesia cho thấy các khoản tiền phạt theo lệnh của tòa án thường không được nộp (ví dụ: PT Bumi Mekar Hijau (2015) và PT Kalista Alam (2018)).

PHẦN III – KHUNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CỦA VIỆT NAM VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

*Phần này sẽ phân tích khung pháp luật hiện hành của Việt Nam về giải quyết tranh chấp BTTHVMT, được cấu trúc theo 05 nội dung tương ứng đã được phân tích đối với 04 quốc gia/khu vực tại **Phần II**, bao gồm: (i) Cơ sở pháp lý của trách nhiệm BTTHVMT; (ii) Nghĩa vụ chứng minh; (iii) Phạm vi và bản chất của thiệt hại có thể được bồi thường; (iv) Ý kiến chuyên gia; và (v) Các cơ chế giải quyết tranh chấp về môi trường.*

3.1. Cơ sở pháp lý của trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường

Hiến pháp 2013 quy định “*Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại*”⁴⁵. Trong hệ thống pháp luật hiện hành, chế định BTTHVMT được quy định chủ yếu trong pháp luật chuyên ngành về BVMT, cụ thể là **Luật BVMT 2020** và **Nghị định 08/2022/NĐ-CP** hướng dẫn Luật BVMT. Bên cạnh đó, **BLDS 2015** ghi nhận bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường là trường hợp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng⁴⁶. Trong năm 2022, Hội đồng Thẩm phán đã ban hành **Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP** hướng dẫn áp dụng quy định của BLDS 2015 về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Nghiên cứu này sẽ tập trung phân tích các quy định về BTTHVMT theo Luật BVMT 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP, BLDS 2015, và Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP.

Luật BVMT 2020 xác định 02 loại thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường gây ra, bao gồm: (i) Suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường (**Loại thiệt hại về môi trường**); và (ii) Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân *do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra* (**Loại thiệt hại đối với con người**)⁴⁷. Theo đó, có thể hiểu rằng Loại thiệt hại về môi trường chính là nguyên nhân dẫn tới Loại thiệt hại đối với con người. Về bản chất, Loại thiệt hại về môi trường là thiệt hại đối với môi trường và xã hội nói chung (lợi ích công), còn Loại thiệt hại đối với con người là thiệt hại đối với một nhóm tổ chức, cá nhân cụ thể. **Việc phân loại rõ 02 loại thiệt hại này là phù hợp với xu hướng của pháp luật quốc tế** đã được phân tích ở **Phần II** của Báo cáo này. **Pháp luật của Đức cũng có 02 đạo luật tồn tại song song**: Đạo luật về thiệt hại môi trường (nội luật hoá Chỉ thị 2004/35/EC của Liên minh Châu Âu) - tập trung

⁴⁵ Hiến pháp năm 2013, Điều 63.

⁴⁶ BLDS 2015, Điều 172; Điều 602.

⁴⁷ Luật BVMT 2020, Điều 130, khoản 1.

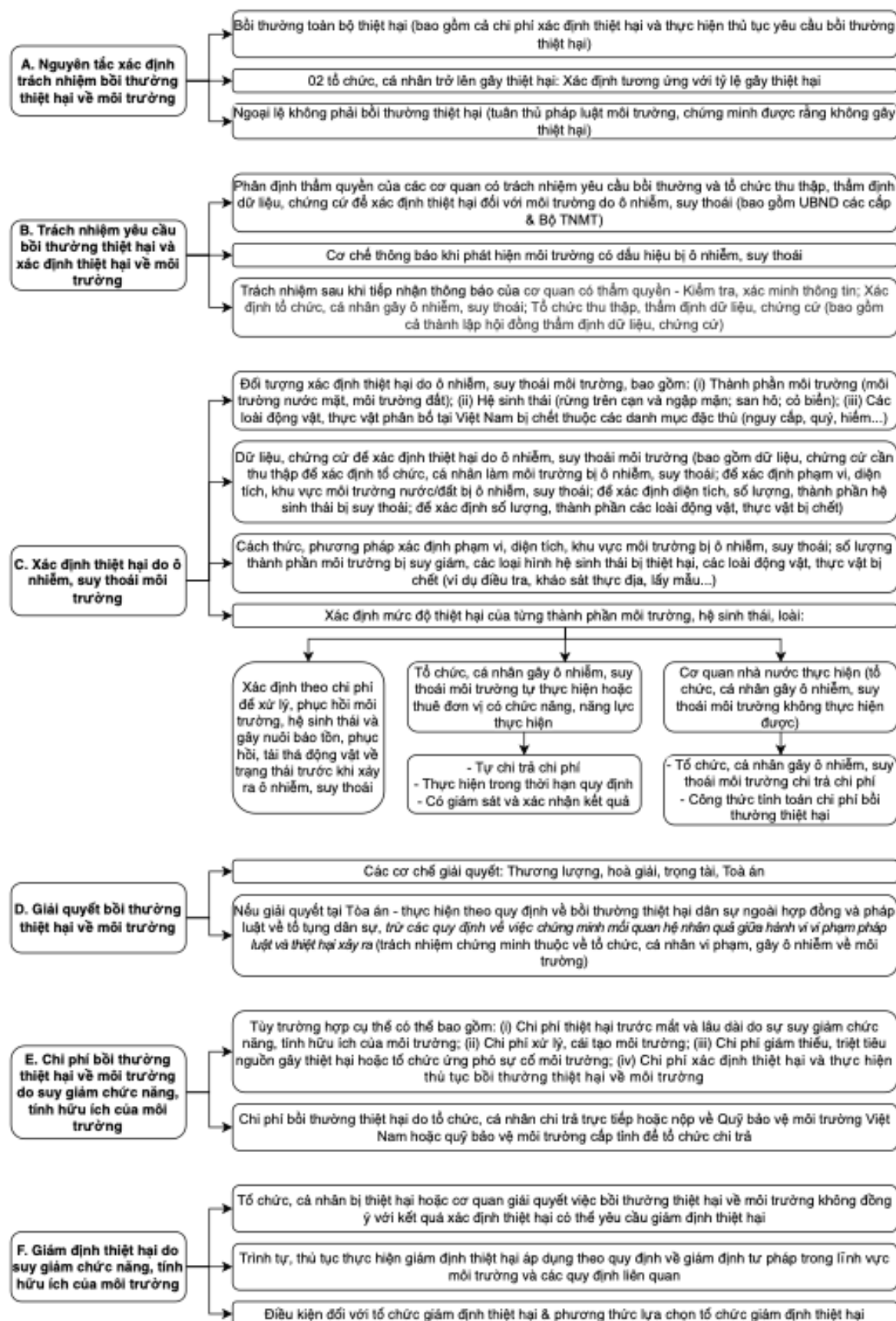
vào vấn đề phục hồi môi trường; và Đạo luật trách nhiệm môi trường - tập trung vào thiệt hại con người và tài sản.

Xuất phát từ bản chất khác nhau của 02 loại thiệt hại nêu trên, việc yêu cầu bồi thường đối với 02 loại thiệt hại này cũng được quy định theo các hướng khác nhau. Xét một cách tổng quan, việc yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với Loại thiệt hại về môi trường được xác định là **trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (và thực hiện theo cơ chế hành chính)**; còn việc yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với Loại thiệt hại đối với con người được xác định là **quyền của các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại**. Luật BVMT 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP **tập trung hướng dẫn các quy định liên quan tới bồi thường thiệt hại đối với Loại thiệt hại về môi trường**. Hình 1 dưới đây tổng hợp 06 nhóm quy định chính về bồi thường thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường theo Luật BVMT 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP⁴⁸, bao gồm:

- (i) Nguyên tắc xác định trách nhiệm BTTHVMT;
- (ii) Trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại và xác định thiệt hại về môi trường;
- (iii) Xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường;
- (iv) Giải quyết BTTHVMT;
- (v) Chi phí BTTHVMT do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; và
- (vi) Giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường.

⁴⁸ Luật BVMT 2020, Điều 130 – Điều 135; Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 112 – Điều 120.

Hình 1: Các nội dung cơ bản của quy định về bồi thường thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường theo Luật BVMT 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP



Với Loại thiệt hại đối với con người, Luật BVMT 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP chỉ quy định một số vấn đề, bao gồm:

- **Nguyên tắc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại:** Tương tự như các nguyên tắc đối với bồi thường thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường – tương ứng với mục A của **Hình 1**.
- **Việc xác định thiệt hại:** Luật BVMT 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP **tham chiếu tới quy định của pháp luật dân sự**⁴⁹ - tức là thực hiện theo quy định chung về xác định thiệt hại trong bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tại BLDS 2015 và Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP. Việc áp dụng các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với các thiệt hại của cá nhân và tổ chức là **phù hợp với xu hướng chung của pháp luật quốc tế cũng như pháp luật của Hoa Kỳ và Indonesia** như đã phân tích ở các phần trên.
- **Cơ chế giải quyết bồi thường thiệt hại:** Các cơ chế giải quyết tương tự như đối với bồi thường thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường (bao gồm thương lượng, hoà giải, trọng tài, Tòa án) – tương ứng với mục D của **Hình 1**.
- **Cơ chế uỷ quyền cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại:** Là điểm đặc thù trong các quy định về bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân – sẽ được phân tích chi tiết trong các mục tiếp theo của Phần này.

3.2. Nghĩa vụ chứng minh

Liên quan tới chứng minh mối quan hệ nhân quả - một yếu tố quan trọng của BTTHVMT như đã nêu ở các phần trên của Nghiên cứu này, Luật BVMT 2020 quy định “*Việc giải quyết tại Tòa án được thực hiện theo quy định về bồi thường thiệt hại dân sự ngoài hợp đồng và pháp luật về tố tụng dân sự, trừ các quy định về việc chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm pháp luật và thiệt hại xảy ra. Việc chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm pháp luật về môi trường và thiệt hại xảy ra thuộc trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vi phạm, gây ô nhiễm về môi trường*”⁵⁰. Quy định này áp dụng chung cho cả 02 loại thiệt hại đã được phân tích tại mục 3.1 phía trên. Quy định này **phù hợp với xu hướng đảo ngược nghĩa vụ chứng minh theo nguyên tắc thận trọng** của pháp luật quốc tế cũng như pháp luật của Liên minh Châu Âu, Đức (với các vụ việc áp dụng trách nhiệm nghiêm ngặt), Hoa Kỳ (với

⁴⁹ Luật BVMT 2020, Điều 132, khoản 3; Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 115, khoản 2.

⁵⁰ Luật BVMT 2020, Điều 133, khoản 2.

các vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường), và Indonesia.

Lưu ý rằng với Châu Âu và Đức, với các vụ việc áp dụng trách nhiệm pháp lý dựa trên lỗi, nghĩa vụ chứng minh vẫn thuộc về nguyên đơn. Tương tự, với Hoa Kỳ, các vụ việc đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo hệ thống thông luật cũng yêu cầu nguyên đơn chứng minh mối quan hệ nhân quả. Thực tế này cho thấy có **xu hướng phân tách các trường hợp áp dụng trách nhiệm nghiêm ngặt** (thường liên quan tới các hành vi có rủi ro cao về môi trường) **và áp dụng trách nhiệm dựa trên lỗi** (các hành vi khác), **từ đó xác định chủ thể có nghĩa vụ chứng minh khác nhau**. Cụ thể, với các vụ việc áp dụng trách nhiệm nghiêm ngặt, luôn giả định có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại, trừ khi bị đơn chứng minh mối quan hệ nhân quả này không tồn tại (nói cách khác, nghĩa vụ chứng minh thuộc về bị đơn); còn với các vụ việc áp dụng trách nhiệm dựa trên lỗi thì nguyên đơn vẫn phải chứng minh được mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại. **Pháp luật Việt Nam hiện nay không áp dụng cách tiếp cận phân tách này** mà quy định theo hướng trách nhiệm nghiêm ngặt áp dụng chung, nghĩa vụ chứng minh mối quan hệ nhân quả thuộc về bị đơn. Hướng tiếp cận này có lợi hơn cho người bị thiệt hại.

Việc Luật BVMT 2020 đề cập tới nghĩa vụ chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm pháp luật và thiệt hại xảy ra là phù hợp với các quy định về **căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng** tại BLDS 2015 và Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP⁵¹. Cụ thể, BLDS 2015 và Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP quy định trách nhiệm bồi thường thiệt ngoài hợp đồng phát sinh khi có đầy đủ 03 yếu tố sau⁵²:

- **Thứ nhất, có hành vi xâm phạm** tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác⁵³ - hành vi trái pháp luật của chủ thể gây thiệt hại⁵⁴. Luật BVMT 2020 đặt ra trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trong việc BVMT⁵⁵, đồng thời quy định cụ thể về các hoạt động cần thực hiện để BVMT⁵⁶.

⁵¹ BLDS 2015, Điều 584, khoản 1.

⁵² BLDS 2015, Điều 584, khoản 1; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP, Điều 2, khoản 1.

⁵³ Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP, Điều 2, khoản 1, điểm a.

⁵⁴ Hồ Quân - Đinh Thắng, *Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo BLDS năm 2015*, Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp, ngày 05/04/2018. Xem thêm tại: <https://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2291>.

⁵⁵ Luật BVMT 2020, Điều 4, khoản 1.

⁵⁶ Ví dụ, Chương II - Bảo vệ các thành phần môi trường, di sản thiên nhiên quy định các hoạt động bảo vệ môi trường nước, không khí (Điều 8, Điều 12)...; Chương V - Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; đô thị và nông thôn; trong một số lĩnh vực quy định một số trách nhiệm nhằm bảo vệ môi trường trong các khu kinh tế, khu sản xuất kinh doanh (Điều 50, Điều 51)...

Luật BVMT 2020 cũng liệt kê những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động BVMT như vận chuyển, chôn, lấp chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật; xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường⁵⁷... Như vậy, để xác định được trách nhiệm BTTHVMT, trước hết cần xác định được hành vi gây ô nhiễm, suy thoái môi trường.

- **Thứ hai, có thiệt hại xảy ra**⁵⁸. Theo pháp luật về dân sự, các thiệt hại là những tổn thất về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, tổ chức⁵⁹. Như đã nêu ở mục 3.1 phía trên, Luật BVMT 2020 xác định 02 loại thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường gây ra, bao gồm: (i) Suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; và (ii) Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân (là hậu quả của Loại thiệt hại về môi trường)⁶⁰. Luật BVMT 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP có **hướng dẫn chi tiết về cách xác định thiệt hại đối với Loại thiệt hại về môi trường**. Còn Loại thiệt hại đối với con người được xác định theo các quy định của BLDS 2015 và Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP. Những nội dung về xác định thiệt hại đối với cả 02 loại thiệt hại này sẽ được phân tích cụ thể tại mục 3.3 phía dưới.
- **Thứ ba, có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi xâm phạm** – có nghĩa là thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi xâm phạm và ngược lại hành vi xâm phạm là nguyên nhân gây ra thiệt hại⁶¹. Về nguyên tắc, trong tố tụng dân sự, nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình⁶². Nói cách khác, nếu không có quy định khác, bên bị thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm, suy thoái môi trường có nghĩa vụ chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra đối với mình và hành vi gây ô nhiễm, suy thoái môi trường.

⁵⁷ Luật BVMT 2020, Điều 6.

⁵⁸ Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP, Điều 2, khoản 1, điểm b.

⁵⁹ BLDS 2015, Điều 584, khoản 1.

⁶⁰ Luật BVMT 2020, Điều 130, khoản 1.

⁶¹ Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP, Điều 2, khoản 1, điểm c.

⁶² BLTTDS 2015, Điều 91, khoản 1.

Tuy nhiên, tương tự như kinh nghiệm quốc tế đã chỉ ra, việc xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây thiệt hại và thiệt hại xảy ra trong lĩnh vực BVMT được đánh giá là **tương đối phức tạp và khó khăn**. Một trong những lý do được chỉ ra là có nhiều tác nhân tác động vào quá trình biến đổi các yếu tố môi trường. Ví dụ, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi có thể vừa do môi trường bị ô nhiễm, vừa do thiên tai, dịch bệnh, hay sức khỏe của con người bị suy giảm có thể đồng thời do nhiều nguyên nhân. Bên cạnh đó, hậu quả do những hành vi vi phạm gây ra thường không xảy ra ngay lập tức cũng có thể khiến việc chứng minh mối quan hệ nhân quả càng khó khăn⁶³. Do đó, Luật BVMT 2020 đã **chuyển nghĩa vụ chứng minh mối quan hệ nhân quả sang cho người có hành vi gây ô nhiễm**. Như vậy, người có hành vi gây ô nhiễm luôn có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp người có hành vi gây ô nhiễm chứng minh được rằng hành vi gây ô nhiễm không phải là nguyên nhân gây ra thiệt hại. Định hướng này là **phù hợp với xu hướng của pháp luật quốc tế và pháp luật của một số quốc gia/khu vực** trong việc đảo ngược nghĩa vụ chứng minh từ người bị thiệt hại sang bên gây thiệt hại.

3.3. Phạm vi và bản chất của thiệt hại có thể được bồi thường

3.3.1. Hướng dẫn xác định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường và các phương án xử lý, phục hồi

a. Các hướng dẫn xác định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường

Trước đây, Luật BVMT 2005 và Luật BVMT 2014 đều xác định có 03 mức độ của sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường, đó là: có suy giảm, suy giảm nghiêm trọng, suy giảm đặc biệt nghiêm trọng⁶⁴. Tuy nhiên, việc lượng hóa được một cách đầy đủ 03 mức độ suy giảm để làm căn cứ xác định các mức độ thiệt hại được đánh giá là rất khó⁶⁵. Vì vậy, Luật BVMT 2020 đã bỏ quy định về xác định các mức độ thiệt hại như trên. Hiện nay, việc xác định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường chỉ còn tập trung vào **xác định mức độ thiệt hại của từng thành**

⁶³ Lê Hồng Hạnh - Lê Đình Vinh (2021), *Pháp luật về bồi thường thiệt hại môi trường ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Tư pháp, mục 3.1.4, trang 121; Vũ Thị Ngọc Dung, *Pháp luật về bồi thường thiệt hại môi trường ở Việt Nam hiện nay - Bất cập và một số kiến nghị*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, 06/04/2023. Xem thêm tại: <https://danchuphapluat.vn/phap-luat-ve-boi-thuong-thiet-hai-moi-truong-o-viet-nam-hien-nay-bat-cap-va-mot-so-kiem-nghi>.

⁶⁴ Luật BVMT 2005, Điều 131, khoản 1; Luật BVMT 2014, Điều 165, khoản 1.

⁶⁵ Hoàng Bích Hồng, *Điểm mới về xác định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường theo quy định của Luật BVMT năm 2020*, Tạp chí Môi trường, ngày 05/10/2022. Xem thêm tại: <https://tapchimoitruong.vn/phap-luat--chinh-sach-16/diem-moi-ve-xac-dinh-thiet-hai-do-suy-giam-chuc-nang-tinh-huu-ich-cua-moi-truong-theo-quy-dinh-cua-luat-bao-ve-moi-truong-nam-2020-27032>.

phần môi trường, hệ sinh thái, và loài⁶⁶. Nghị định 08/2022/NĐ-CP có các hướng dẫn rất chi tiết về phương thức xác định mức độ thiệt hại với từng yếu tố này, bao gồm cả công thức tính toán chi phí bồi thường thiệt hại (xem ví dụ tại **Hộp 12**).

Hộp 12: Ví dụ về công thức tính toán chi phí bồi thường thiệt hại tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP⁶⁷

Tổng thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường của một khu vực địa lý được tính theo công thức: $T = TN + TĐ + THST + TLBV$, trong đó:

T là thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường của một khu vực địa lý;

TN là thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường nước;

TĐ là thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường đất;

THST là thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với hệ sinh thái;

TLBV là thiệt hại gây ra đối với loài động vật, thực vật.

$TN = S \times CN$, trong đó:

TN: thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với môi trường nước;

S: thể tích nước bị ô nhiễm (m^3);

CN: định mức để xử lý 01 m^3 nước đạt quy chuẩn kỹ thuật.

Việc tính toán thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với một khu vực địa lý bao gồm thiệt hại đối với môi trường nước, môi trường đất, hệ sinh thái, và các loài động vật, thực vật của Nghị định 08/2022/NĐ-CP **chưa bao gồm trường hợp ô nhiễm không khí** – việc bồi thường do ô nhiễm không khí đã được pháp luật của Liên minh Châu Âu và Hoa Kỳ quy định (như đã phân tích ở **Phần II** của Báo cáo này). Pháp luật Việt Nam không quy định cụ thể các phương pháp khoa học có thể áp dụng để tính toán thiệt hại – vấn đề này phù hợp với thực tiễn do sự đa dạng cũng như sự phát triển nhanh chóng của các phương pháp khoa học. Tuy nhiên có thể **cần thiết có những án lệ về phương pháp tính toán** như vụ Deepwater Horizon (2010) của Hoa Kỳ (đã được nêu tại **Phần II** của Báo cáo này) để gợi ý về những phương pháp khoa học phù hợp như Phương pháp chi phí du hành (Travel Cost Method), Phương pháp Định giá hưởng thụ (Hedonic Pricing), Phân tích nơi cư trú tương đương (HEA), mô hình thủy động lực học...

b. Các phương án xử lý, phục hồi môi trường

⁶⁶ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 118.

⁶⁷ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 118, khoản 4.

Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định 04 phương án xử lý, phục hồi môi trường, hệ sinh thái và gây nuôi bảo tồn, phục hồi, tái thả động vật vào các môi trường sống tự nhiên, nuôi trồng thực vật đạt các quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc về bằng hoặc tương đương với trạng thái ban đầu của hệ sinh thái và các loài động vật, thực vật trước khi xảy ra ô nhiễm, suy thoái (gọi tắt là **“Xử lý, phục hồi môi trường”**), bao gồm⁶⁸:

- Phương án 1: Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, suy thoái hệ sinh thái và làm chết động vật, thực vật (gọi tắt là **“Tổ chức, cá nhân vi phạm”**) tự thực hiện hoặc thuê đơn vị có chức năng, năng lực phù hợp để thực hiện Xử lý, phục hồi môi trường. Tổ chức, cá nhân vi phạm tự chi trả chi phí thực hiện, và phải thực hiện trong thời hạn quy định, có sự giám sát, xác nhận kết quả thực hiện.
- Phương án 2: Nếu Tổ chức, cá nhân vi phạm không tự thực hiện được thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ xác định chi phí Xử lý, phục hồi môi trường (theo công thức được quy định – đã được nêu tại **điểm a** của mục 3.3.1 này). Tổ chức, cá nhân vi phạm phải chi trả chi phí Xử lý, phục hồi môi trường.
- Phương án 3: Trường hợp không xác định được chi phí Xử lý, phục hồi môi trường thì áp dụng kết quả tính toán thiệt hại của các vụ việc xảy ra trước đó có phạm vi và tính chất tương đương hoặc mô phỏng hiện trạng ban đầu khi chưa bị ô nhiễm, suy thoái.
- Phương án 4: Phương án khác.

04 phương án được quy định cho thấy sự **ưu tiên đối với phương án yêu cầu Tổ chức, cá nhân vi phạm tự thực hiện hoặc thuê đơn vị có chức năng, năng lực phù hợp để thực hiện** Xử lý, phục hồi môi trường (Phương án 1). Với Phương án 2, Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định *“Trường hợp tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường; suy thoái hệ sinh thái và làm chết các loài động vật, thực vật [...] không tự thực hiện được thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thực hiện việc xác định chi phí [...]”*⁶⁹. Cụm từ *“không tự thực hiện được”* ở đây cần được hiểu theo hướng Phương án 1 không thực hiện được – tức là không chỉ trường hợp Tổ chức, cá nhân vi phạm không tự thực hiện được mà còn bao gồm cả trường hợp Tổ chức, cá nhân vi phạm không thuê được đơn vị có chức năng, năng lực phù hợp để thực hiện. Trong Phương án 2 này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ phải làm thay Tổ chức, cá nhân vi phạm việc Xử lý, phục hồi môi trường, và Tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm chi trả chi phí Xử lý, phục hồi môi trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tính toán theo công thức được quy định. Thứ tự ưu tiên các phương án này **khá giống**

⁶⁸ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 118, khoản 2.

⁶⁹ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 118, khoản 2, điểm b.

với quy định của Hoa Kỳ liên quan tới thẩm quyền của Cơ quan BVMT Hoa Kỳ (EPA) trong việc yêu cầu các bên gây ô nhiễm lập kế hoạch khắc phục và thực hiện dưới sự giám sát của Cơ quan này; trường hợp các bên gây ô nhiễm không nộp hoặc không thực hiện kế hoạch thì Cơ quan BVMT Hoa Kỳ sẽ tự lập kế hoạch và yêu cầu các bên gây ô nhiễm thực hiện, nếu không thì Cơ quan này sẽ sử dụng tiền từ Quỹ chất độc hại để thực hiện kế hoạch và truy đòi từ các bên gây ô nhiễm.

Đáng lưu ý, Luật BVMT 2020 có quy định về **cơ chế kiểm tra, giám sát, nghiệm thu hoàn thành kế hoạch phục hồi môi trường đối với cả 02 Phương án** nêu trên. Cụ thể, trường hợp Tổ chức, cá nhân vi phạm tự Xử lý, phục hồi môi trường thì cơ quan có thẩm quyền (UBND cấp tỉnh/huyện hoặc Bộ NNMT) có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc phục hồi môi trường theo kế hoạch đã được phê duyệt; trường hợp cơ quan có thẩm quyền tự thực hiện kế hoạch Xử lý, phục hồi môi trường thì Tổ chức, cá nhân vi phạm có quyền tham gia giám sát, thẩm định, kiểm tra, nghiệm thu hoàn thành việc phục hồi môi trường⁷⁰. Điều này cho thấy **tính minh bạch trong cơ chế xác nhận việc hoàn thành công tác Xử lý, phục hồi môi trường**. Phương án 3 là quy định mới, đảm bảo việc xác định thiệt hại trong trường hợp không có dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại⁷¹. Ngoài ra, Nghị định 08/2022/NĐ-CP còn quy định “Phương án khác” – Phương án 4 để đảm bảo sự linh hoạt trong trường hợp 03 phương án đầu không khả thi.

3.3.2. Hướng dẫn xác định thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và cơ chế ủy quyền

a. Các hướng dẫn xác định thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân

Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định việc xác định thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự⁷². BLDS 2015 quy định bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường là một trường hợp cụ thể của bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng⁷³. Do đó, việc xác định thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu

⁷⁰ Luật BVMT 2020, Điều 126, khoản 4.

⁷¹ Hoàng Bích Hồng, *Điểm mới về xác định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường theo quy định của Luật BVMT năm 2020*, Tạp chí Môi trường, ngày 05/10/2022. Xem thêm tại: <https://tapchimoitruong.vn/phap-luat--chinh-sach-16/diem-moi-ve-xac-dinh-thiet-hai-do-suy-giam-chuc-nang-tinh-huu-ich-cua-moi-truong-theo-quy-dinh-cua-luat-bao-ve-moi-truong-nam-2020-27032>.

⁷² Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 115, khoản 2.

⁷³ BLDS 2015, Điều 602.

ích của môi trường gây ra sẽ áp dụng các quy định về **xác định thiệt hại trong cơ chế bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng** tại mục 2 Chương XX của BLDS 2015.

Mục 2 Chương XX của BLDS 2015 quy định 04 loại thiệt hại bao gồm⁷⁴: (i) Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm; (ii) Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm; (iii) Thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm; và (iv) Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP hướng dẫn cách thức xác định từng loại thiệt hại này rất chi tiết và về cơ bản có thể áp dụng được cho các vụ việc BTTHVMT, tuy nhiên có thể có một số hạn chế như sau:

Thứ nhất, việc các tổ chức, cá nhân xác định thiệt hại **phụ thuộc vào việc cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại chứng minh được thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường**, xuất phát từ mối liên hệ giữa 02 loại thiệt hại được quy định tại Luật BVMT như đã phân tích tại mục 3.1 nêu trên. Trong khi đó, tương tự như các kinh nghiệm quốc tế đã cho thấy, việc chứng minh thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường là rất thách thức do thiệt hại thường xảy ra trên diện rộng, bao gồm cả các thiệt hại tiềm ẩn, đồng thời đòi hỏi áp dụng tiêu chuẩn khoa học, kỹ thuật đặc thù⁷⁵. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại như UBND các cấp, Bộ NNMT không xác định được thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường thì các tổ chức, cá nhân cũng không có cơ sở để yêu cầu bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản... do hậu quả của suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra⁷⁶.

Thứ hai, với đặc thù ô nhiễm môi trường, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng thường **gặp khó khăn trong việc chứng minh thiệt hại**⁷⁷. Điều này xuất phát từ một phần nguyên nhân người dân thiếu hiểu biết chuyên môn cũng như không có điều kiện về tài chính⁷⁸. Đây cũng là một khó khăn phổ biến của nhiều quốc gia và đã được nêu trong các phần trên của Nghiên cứu. Tuy nhiên, khó khăn này cùng với hạn chế nêu tại điểm thứ nhất (liên quan tới mối liên hệ giữa việc xác định

⁷⁴ BLDS 2015, Điều 589 đến Điều 592.

⁷⁵ GS.TS. Lê Hồng Hạnh - TS. Lê Đình Vinh (2021), *Pháp luật về bồi thường thiệt hại môi trường ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Tư pháp, mục 5.2.2, trang 269 – 270.

⁷⁶ Vũ Thị Ngọc Dung, *Pháp luật về bồi thường thiệt hại môi trường ở Việt Nam hiện nay - Bất cập và một số kiến nghị*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, 06/04/2023. Xem thêm tại: <https://danchuphapluat.vn/phap-luat-ve-boi-thuong-thiet-hai-moi-truong-o-viet-nam-hien-nay-bat-cap-va-mot-so-kien-nghi>.

⁷⁷ Lê Hồng Hạnh - Lê Đình Vinh (2021), *Pháp luật về bồi thường thiệt hại môi trường ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Tư pháp, mục 5.2.2, trang 270.

⁷⁸ Đoàn Trung Kiên & Nguyễn Thanh Mai, *Trách nhiệm pháp lý đối với pháp nhân thương mại gây ô nhiễm môi trường*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, 26/08/2020. Xem thêm tại: <https://danchuphapluat.vn/trach-nhiem-phap-ly-doi-voi-phap-nhan-thuong-mai-gay-o-nhiem-moi-truong>

02 loại thiệt hại) **có thể được giải quyết phần nào thông qua cơ chế uỷ quyền xác định thiệt hại** giữa người dân, tổ chức với cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu bồi thường – xem chi tiết tại **điểm b** của mục 3.3.2 này.

Thứ ba, một số quy định của BLDS 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP có thể **chưa bao quát được hết các đặc thù của phương thức xác định thiệt hại về môi trường**. Với các vụ việc về ô nhiễm môi trường, các tác động xấu đối với sức khỏe có thể diễn ra trong một thời gian dài, có thể chưa phát hiện ngay vào thời điểm phát hiện ra hành vi vi phạm hay thời điểm giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật hiện hành về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (BLDS 2015 và Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP) **chỉ cho phép bồi thường thiệt hại thực tế/đã xảy ra**. Điều này đồng nghĩa với việc các cá nhân trong vùng bị ô nhiễm không được bồi thường các chi phí theo dõi sức khỏe thường xuyên trong tương lai để phát hiện kịp thời các bệnh có nguyên nhân từ hành vi gây ô nhiễm. Trong tương lai, khi phát hiện ra các bệnh này và phát sinh chi phí điều trị liên quan, người dân phải thực hiện một yêu cầu bồi thường thiệt hại mới. Khi đó, có thể có rủi ro về trường hợp doanh nghiệp vi phạm **đã ngừng hoạt động tại Việt Nam do giải thể hoặc phá sản**.

BLDS 2015 và Luật BVMT 2020 chưa có quy định về cơ chế giải quyết trường hợp kế thừa nghĩa vụ bồi thường thiệt hại khi doanh nghiệp vi phạm đã chấm dứt hoạt động này. Trong khi đó, như đã nêu ở phần pháp luật quốc tế về nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền, khung pháp luật của các quốc gia **nên quy định trách nhiệm trong trường hợp doanh nghiệp ngừng hoạt động**, trong đó đảm bảo các nghĩa vụ khắc phục môi trường vẫn tiếp tục ngay cả sau khi doanh nghiệp giải thể hoặc phá sản. Bên cạnh đó, các phân tích về nguyên tắc thận trọng tại phần pháp luật quốc tế của Nghiên cứu này cũng đã chỉ ra một trong các phương pháp mang tính đột phá mà các quốc gia nên áp dụng là nên **xây dựng các cơ chế bồi thường áp dụng với các thiệt hại trong quá khứ, hiện tại và tương lai**, đảm bảo phục hồi môi trường và giảm thiểu rủi ro. Vấn đề **pháp luật có hiệu lực hồi tố** – áp dụng chế định trách nhiệm đối với ô nhiễm xảy ra trước khi văn bản luật liên quan được ban hành và **xác định các chủ thể liên quan trong quá khứ**, ví dụ chủ sở hữu hoặc đơn vị vận hành vào thời điểm phát tán chất gây ô nhiễm bên cạnh các chủ thể hiện tại (như quy định của Hoa Kỳ) cũng là một vấn đề đáng lưu ý. Đây đều là những vấn đề rất phức tạp, đòi hỏi phải có thêm các nghiên cứu chuyên sâu để xác định mức độ phù hợp và khả thi đối với Việt Nam, đồng thời phải đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật Việt Nam (đặc biệt là trong mối quan hệ với pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về phá sản). Chế định chủ sở hữu hưởng lợi đang được dự kiến đưa vào Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp có thể là hướng giải quyết một phần trong số các vấn đề nêu trên, đặc biệt liên quan tới trách nhiệm trong trường hợp doanh nghiệp đã dừng hoạt

động, tuy nhiên cũng cần được đánh giá một cách chi tiết và cẩn trọng để xác định sự phù hợp.

Trên thực tế, có ý kiến cho rằng việc chỉ áp dụng quy định chung của pháp luật dân sự, thay vì có một cơ chế rõ ràng để xác định thiệt hại đối với loại thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra là một trong những nguyên nhân dẫn đến thực tế chưa có nhiều vụ việc dân sự kiện đòi bồi thường về thiệt hại này⁷⁹. Điều này đặt ra câu hỏi về **sự cần thiết có những quy định/hướng dẫn riêng** áp dụng với việc BTTHVMT đối với loại thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản... của các cá nhân và tổ chức.

b. Cơ chế ủy quyền trong xác định thiệt hại và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân

Luật BVMT 2020 quy định tổ chức, cá nhân bị thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường có thể ủy quyền cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác xác định thiệt hại và yêu cầu BTTHVMT theo quy định của Luật này và ủy quyền theo pháp luật dân sự⁸⁰. Luật BVMT 2020 không giới hạn phạm vi áp dụng cơ chế ủy quyền trong một hay một số phương thức giải quyết tranh chấp về BTTHVMT, do đó có thể hiểu **cơ chế ủy quyền được phép áp dụng trong tất cả các hình thức giải quyết tranh chấp BTTHVMT**.

Cơ chế ủy quyền xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại của Luật BVMT 2020 là một điểm mới so với Luật BVMT 2014. Như đã phân tích ở các phần trên, việc các tổ chức, cá nhân tự mình thực hiện việc chứng minh thiệt hại và yêu cầu bồi thường là hết sức khó khăn, do đó việc ghi nhận cơ chế ủy quyền để hỗ trợ tổ chức, cá nhân bị thiệt hại về môi trường là một nỗ lực đáng ghi nhận của Luật BVMT 2020. Quy định đột phá này **tiệm cận với xu hướng của pháp luật quốc tế** trong việc cố gắng giải quyết các khó khăn về năng lực chuyên môn và khó khăn tài chính đối với người dân trong các vụ việc BTTHVMT, từ đó giúp **tăng khả năng tiếp cận công lý về môi trường cho người dân**, như đã nêu ở phần pháp luật quốc tế của Nghiên cứu này.

⁷⁹ Đoàn Trung Kiên & Nguyễn Thanh Mai, *Trách nhiệm pháp lý đối với pháp nhân thương mại gây ô nhiễm môi trường*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, 26/08/2020. Xem thêm tại: <https://danchuphapluat.vn/trach-nhiem-phap-ly-doi-voi-phap-nhan-thuong-mai-gay-o-nhiem-moi-truong>

⁸⁰ Luật BVMT 2020, Điều 131, khoản 3; Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 113, khoản 5.

Theo quy định về cơ chế ủy quyền đã nêu của Luật BVMT 2020, trong trường hợp chủ thể được ủy quyền là cơ quan nhà nước, cơ quan được ủy quyền có thể thay mặt người dân khởi kiện để đòi bồi thường thiệt hại. Quy định này cũng phù hợp với quy định tại khoản 4, Điều 187 BLTTDS 2015: "*Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách hoặc theo quy định của pháp luật*". Tuy nhiên, quy định cho phép người dân, tổ chức ủy quyền cho cơ quan nhà nước là **một trường hợp khá đặc thù trong hệ thống pháp luật hiện hành** và có thể nên quy định về thể thức ủy quyền trong trường hợp này (như văn bản ủy quyền, thủ tục ủy quyền, quy trình xem xét và chấp thuận/từ chối việc ủy quyền...) cũng như quy định cụ thể về quy trình thực hiện công việc theo ủy quyền để đảm bảo công việc do các công chức thực hiện là thống nhất và phù hợp. Hiện nay Nghị định 08/2022/NĐ-CP mới chỉ có một quy định duy nhất hướng dẫn cơ chế ủy quyền của Luật BVMT 2020 như sau: *[Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại có trách nhiệm] “thực hiện xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường trong trường hợp được tổ chức, cá nhân ủy quyền theo quy định của pháp luật về dân sự”⁸¹.*

Một vấn đề khác cần lưu ý trong cơ chế ủy quyền là chủ thể được ủy quyền nếu là cơ quan nhà nước. Luật BVMT 2020 quy định cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại bao gồm **UBND xã, huyện, tỉnh và Bộ NNMT**⁸². Trong khi đó, **Thông tư 05/2021/TT-BTNMT** hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở TNMT thuộc UBND cấp tỉnh (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường hay Sở NNMT), Phòng TNMT thuộc UBND cấp huyện ghi nhận **Sở NNMT** có thẩm quyền “*yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn theo quy định của pháp luật*”⁸³. Như vậy, đang có sự **không thống nhất trong quy định về thẩm quyền** yêu cầu BTTHVMT giữa 02 văn bản nêu trên trong trường hợp thẩm quyền thuộc về cơ quan cấp tỉnh – là UBND tỉnh hay Sở NNMT? Nói cách khác, người dân sẽ thực hiện ủy quyền cho UBND tỉnh hay Sở NNMT để thực hiện việc yêu cầu bồi thường thiệt hại?

Bên cạnh đó, việc quy định người dân có thể ủy quyền cho cơ quan nhà nước “*xác định thiệt hại và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại*” có thể hiểu là người dân ủy quyền cho cơ quan nhà nước thực hiện **cả 02 công việc** là (i) xác định thiệt hại và (ii) yêu

⁸¹ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 113, khoản 5.

⁸² Luật BVMT 2020, Điều 131, khoản 2.

⁸³ Thông tư 05/2021/TT-BTNMT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Điều 2, khoản 8, điểm k.

cầu đòi bồi thường thiệt hại hay **có thể uỷ quyền 01 trong 02 công việc** này (với hạng mục công việc còn lại có thể uỷ quyền cho một tổ chức khác)? Vấn đề này **cần thêm hướng dẫn** để có thể thực hiện được hiệu quả trên thực tế.

Trong trường hợp thực hiện việc uỷ quyền, một vấn đề cần đặc biệt lưu ý là các chi phí hợp lý để thực hiện công việc theo uỷ quyền và thù lao trả cho bên được uỷ quyền⁸⁴ **có được chi trả bởi tổ chức, cá nhân gây thiệt hại về môi trường hay không?** Luật BVMT 2020 quy định nguyên tắc *“Tổ chức, cá nhân gây thiệt hại về môi trường phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra, đồng thời phải chi trả toàn bộ chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định”*⁸⁵. Theo đó, trong trường hợp người dân không thể tự thực hiện được việc xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại (do hạn chế về chuyên môn hay điều kiện tài chính), và thực hiện việc uỷ quyền cho cá nhân khác (ví dụ luật sư), tổ chức khác (ví dụ Hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng), hoặc cơ quan nhà nước (ví dụ UBND cấp tỉnh) thì về nguyên tắc, các chi phí để cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước được uỷ quyền thực hiện việc xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường có thể được chi trả bởi tổ chức, cá nhân gây thiệt hại (bao gồm cả các khoản thù lao, nếu có). Tuy nhiên, việc Luật BVMT 2020 đưa cụm từ *“theo quy định”* vào nguyên tắc trên **có thể dẫn tới cách hiểu về việc chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại phải được quy định cụ thể** - ví dụ dưới dạng định mức hoặc hướng dẫn công thức riêng... Thêm vào đó, BLTTDS 2015 còn quy định: *“Chi phí cho người phiên dịch, luật sư do người có yêu cầu chịu, trừ trường hợp các bên đương sự có thỏa thuận khác”*⁸⁶. Điều này đồng nghĩa với việc nếu không đạt được thỏa thuận với bên gây thiệt hại thì người bị thiệt hại – người có yêu cầu sẽ phải chi trả chi phí luật sư. Do đó, vấn đề chi phí uỷ quyền và chi phí luật sư là những vấn đề nên được làm rõ để đảm bảo tính khả thi trong việc yêu cầu BTTHVMT, đặc biệt khi tổ chức, cá nhân bị thiệt hại là các nhóm yếu thế. Như trường hợp của Indonesia, pháp luật của nước này cũng quy định một trong những thiệt hại có thể được bồi thường là **chi phí cho các thủ tục pháp lý**. Vấn đề về chi phí cũng là một khó khăn hạn chế quyền tiếp cận công lý theo như nghiên cứu ở phần kinh nghiệm quốc tế của Báo cáo này.

3.3.3. Vấn đề mức bồi thường, lỗi, và bồi thường khi có nhiều chủ thể cùng gây thiệt hại

a. Vấn đề mức bồi thường và lỗi trong BTTHVMT

⁸⁴ Khoản 2, Điều 566, BLDS 2015 quy định: Bên được uỷ quyền có quyền *“được thanh toán chi phí hợp lý mà mình đã bỏ ra để thực hiện công việc uỷ quyền; hưởng thù lao, nếu có thỏa thuận”*.

⁸⁵ Luật BVMT 2020, Điều 130, khoản 2.

⁸⁶ BLTTDS 2015, Điều 168, khoản 3.

Luật BVMT 2020 quy định 02 nguyên tắc⁸⁷:

- **Nguyên tắc về bồi thường toàn bộ thiệt hại:** Tổ chức, cá nhân gây thiệt hại về môi trường phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra, đồng thời phải chi trả toàn bộ chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định. Việc ghi nhận nguyên tắc này **phù hợp với nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền (PPP)** của pháp luật môi trường quốc tế và cũng là nền tảng của pháp luật về trách nhiệm đối với môi trường của Liên minh Châu Âu và Hoa Kỳ. Việc nêu rõ được phạm vi chịu trách nhiệm của những người gây ô nhiễm cũng **phù hợp với các khuyến nghị quốc tế đối với việc thực thi nguyên tắc PPP**.
- **Nguyên tắc về trường hợp ngoại lệ không phải bồi thường thiệt hại:** Tổ chức, cá nhân tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về BVMT, có hệ thống xử lý chất thải đạt yêu cầu và chứng minh được rằng không gây thiệt hại về môi trường thì không phải BTTHVMT, không phải chịu các chi phí liên quan đến xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại. Nguyên tắc này **giống với nguyên tắc thận trọng (“Precautionary Principle”)** được phân tích ở phần pháp luật quốc tế khi đề **chuyển nghĩa vụ chứng minh sang cho tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm**. Nguyên tắc này cũng **khá giống với cơ chế bác bỏ trách nhiệm dành cho doanh nghiệp theo pháp luật của Đức** cho phép doanh nghiệp có thể bác bỏ trách nhiệm nếu chứng minh được sự tuân thủ về mặt pháp luật và sự không tồn tại của mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi của doanh nghiệp.

Bên cạnh các nguyên tắc trên, Luật BVMT 2020 còn quy định: “Việc giải quyết tại Tòa án được thực hiện theo quy định về bồi thường thiệt hại dân sự ngoài hợp đồng và pháp luật về tố tụng dân sự [...]”⁸⁸. Quy định này áp dụng chung cho việc bồi thường cả 02 loại thiệt hại nêu tại mục 3.1. Theo đó, có thể hiểu rằng khi giải quyết tranh chấp tại Tòa án, bên cạnh 02 nguyên tắc cụ thể được quy định tại Luật BVMT 2020 được liệt kê phía trên, **các nguyên tắc chung về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cũng được áp dụng**. BLDS 2015 quy định **05 nguyên tắc về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng**, bao gồm⁸⁹:

- *Nguyên tắc 1:* Thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời. Các bên có thể thỏa thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền,

⁸⁷ Luật BVMT 2020, Điều 130, khoản 2, khoản 4.

⁸⁸ Luật BVMT 2020, Điều 133, khoản 2.

⁸⁹ BLDS 2015, Điều 585.

bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc, phương thức bồi thường một lần hoặc nhiều lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Nguyên tắc 2:* Người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại có thể được giảm mức bồi thường nếu không có lỗi hoặc có lỗi vô ý và thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế của mình.
- *Nguyên tắc 3:* Khi mức bồi thường không còn phù hợp với thực tế thì bên bị thiệt hại hoặc bên gây thiệt hại có quyền yêu cầu Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thay đổi mức bồi thường.
- *Nguyên tắc 4:* Khi bên bị thiệt hại có lỗi trong việc gây thiệt hại thì không được bồi thường phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra.
- *Nguyên tắc 5:* Bên có quyền, lợi ích bị xâm phạm không được bồi thường nếu thiệt hại xảy ra do không áp dụng các biện pháp cần thiết, hợp lý để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại cho chính mình.

Về mặt logic, các nguyên tắc nêu trên của BLDS 2015 nêu trên không xung đột với 02 nguyên tắc của Luật BVMT 2020 về bồi thường toàn bộ thiệt hại và trường hợp ngoại lệ không phải bồi thường thiệt hại.

Liên quan tới vai trò của yếu tố lỗi trong các vụ việc tranh chấp BTTHVMT, cần phân tích một cách thấu đáo hơn để xác định yếu tố lỗi có phải là điều kiện làm phát sinh trách nhiệm BTTHVMT hay không? Điều 602 BLDS 2015 quy định: “*Chủ thể làm ô nhiễm môi trường mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp chủ thể đó không có lỗi*”. Điều này cho thấy yếu tố lỗi **không phải là điều kiện làm phát sinh trách nhiệm BTTHVMT**. Nói cách khác, **pháp luật Việt Nam đang áp dụng Trách nhiệm nghiêm ngặt/không tính đến yếu tố lỗi (“Strict Liability”)** tương tự như CLC 1992 và Công ước Bunker 2001 như đã nêu ở phần pháp luật quốc tế. Các khu vực và quốc gia trong phạm vi nghiên cứu, bao gồm Liên minh Châu Âu, Đức, Hoa Kỳ, Indonesia, **cũng đều áp dụng cách tiếp cận trách nhiệm nghiêm ngặt này**. Tuy nhiên, như đã phân tích ở **Phần II**, Liên minh Châu Âu và Đức áp dụng song song cách tiếp cận trách nhiệm nghiêm ngặt và dựa trên lỗi. Theo đó, cách tiếp cận nghiêm ngặt chỉ áp dụng đối với các hoạt động nguy hại với môi trường. Đối với vấn đề yếu tố lỗi trong các vụ việc môi trường tại Việt Nam, có ý kiến cho rằng hành vi làm ô nhiễm, suy thoái môi trường thường gây ra những hậu quả lớn cho cộng đồng và người dân, vì vậy hành vi gây ô nhiễm, suy thoái môi trường đều bị suy đoán là có lỗi⁹⁰.

⁹⁰ Đào Nguyễn Hương Duyên, *Quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường nước của doanh nghiệp*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, ngày 29/11/2021. Xem thêm tại:

b. Vấn đề bồi thường khi có nhiều chủ thể cùng gây thiệt hại

Theo **Bản án số 84/2017/DS-PT** ngày 01/08/2017 của TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc “Bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường”⁹¹, vụ việc này có 33 nguyên đơn là các hộ dân nuôi thủy sản trên sông Chà Và, và 11 bị đơn là các doanh nghiệp bị nguyên đơn cho rằng đã có hành vi xả nước thải độc hại ra sông Chà Và gây chết cá nuôi lồng bè trên sông. Trong vụ việc này, các nguyên đơn yêu cầu các bị đơn bồi thường cho mình theo tỷ lệ % gây ô nhiễm mà các nguyên đơn xác định với từng bị đơn, trong đó có 04 bị đơn có tỷ lệ % gây ô nhiễm cao hơn 10% (22,85%, 18,45%, 17,91%, và 13,35%), các bị đơn còn lại đều có tỷ lệ gây ô nhiễm dưới 10%. Vụ việc này cho thấy việc có nhiều chủ thể cùng gây thiệt hại về môi trường trong cùng một vụ việc là một thực tế đã xảy ra tại Việt Nam.

Luật BVMT 2020 quy định **nguyên tắc bồi thường thiệt hại trong trường hợp có từ 02 tổ chức, cá nhân trở lên gây thiệt hại về môi trường** như sau: Trách nhiệm BTTHVMT, chi trả chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với từng đối tượng được xác định tương ứng với tỷ lệ gây thiệt hại trong tổng thiệt hại về môi trường; trường hợp các bên liên quan hoặc cơ quan quản lý nhà nước về môi trường không xác định được tỷ lệ chịu trách nhiệm thì cơ quan trọng tài hoặc Tòa án quyết định theo thẩm quyền⁹². Mặt khác, như đã nêu phần trên, Luật BVMT 2020 còn có quy định: “Việc giải quyết tại Tòa án được thực hiện theo quy định về bồi thường thiệt hại dân sự ngoài hợp đồng và pháp luật về tố tụng dân sự [...]”⁹³. Điều 587 BLDS 2015 quy định về bồi thường thiệt hại do nhiều người cùng gây ra như sau:

Điều 587. Bồi thường thiệt hại do nhiều người cùng gây ra

Trường hợp nhiều người cùng gây thiệt hại thì những người đó phải liên đới bồi thường⁹⁴ cho người bị thiệt hại. Trách nhiệm bồi thường của từng người cùng gây thiệt hại được xác định tương ứng với mức độ lỗi của mỗi người; nếu không xác định được mức độ lỗi thì họ phải bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau.

Khác với pháp luật của Liên minh Châu Âu, Hoa Kỳ đều áp dụng nghĩa vụ liên đới, Luật BVMT 2020 **không quy định nguyên tắc liên đới bồi thường**. Tuy nhiên, việc tham chiếu tới quy định của BLDS đồng nghĩa với việc Điều 587 của BLDS 2015

<https://danchuphapluat.vn/quyen-khoi-kien-yeu-cau-boi-thuong-thiet-hai-doi-voi-hanh-vi-gay-o-nhiem-moi-truong-nuoc-cua-doanh-nghiep>.

⁹¹ Xem thêm tại: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta6176t1cvn/chi-tiet-ban-an>.

⁹² Luật BVMT 2020, Điều 130, khoản 3.

⁹³ Luật BVMT 2020, Điều 133, khoản 2.

⁹⁴ Khoản 1, Điều 288, BLDS 2015 định nghĩa nghĩa vụ liên đới là “*nghĩa vụ do nhiều người cùng phải thực hiện và bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người có nghĩa vụ phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ*”.

được áp dụng trong trường hợp giải quyết tranh chấp BTTHVMT tại Tòa án. Khi đó, trong trường hợp có nhiều bên gây thiệt hại về môi trường thì **các chủ thể này sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới**. Nói cách khác, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu bồi thường và các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người gây thiệt hại phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bồi thường.

Liên quan tới việc phân bổ trách nhiệm bồi thường trong trường hợp không xác định được tỷ lệ gây thiệt hại, Luật BVMT 2020 **không quy định việc bồi thường theo phần bằng nhau nếu không xác định được mức độ lỗi/tỷ lệ gây thiệt hại** như cách mà BLDS 2015 đang quy định, thay vào đó giao các cơ quan giải quyết tranh chấp (Tòa án, trọng tài) quyết định tỷ lệ chịu trách nhiệm của từng đối tượng. Về mặt thực tế áp dụng pháp luật, các quy định của luật chuyên ngành như Luật BVMT 2020 sẽ được ưu tiên áp dụng khi giải quyết tranh chấp, khi đó nếu không xác định được tỷ lệ gây thiệt hại thì tỷ lệ chịu trách nhiệm bồi thường sẽ được xác định theo quyết định của cơ quan giải quyết tranh chấp. Việc giao trọng tài hoặc Tòa án quyết định tỷ lệ chịu trách nhiệm trong trường hợp các bên liên quan hoặc cơ quan quản lý nhà nước về môi trường không xác định được tỷ lệ như quy định hiện hành có thể giúp bảo đảm tính **công bằng trong việc xác định trách nhiệm của các bên liên quan**, tuy nhiên cũng **đặt ra thách thức đối với các cơ quan giải quyết tranh chấp** trong các vụ việc phức tạp có nhiều nguồn gây ô nhiễm.

3.4. Ý kiến chuyên gia

Kinh nghiệm của 04 quốc gia/khu vực nêu trong **Phần II** của Báo cáo này cho thấy sự tham gia của chuyên gia thường diễn ra dưới 03 hình thức sau:

- Chuyên gia tham gia cùng cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong việc tiến hành đánh giá ban đầu về thiệt hại và xác định các biện pháp khắc phục.
- Chuyên gia do nguyên đơn hoặc bị đơn thuê với mục tiêu hỗ trợ cho các lập luận của mỗi bên.
- Chuyên gia do tòa án chỉ định trong trường hợp có bất đồng quan điểm đáng kể về mặt khoa học nhằm đưa ra các kết quả đánh giá độc lập.

Tại Việt Nam, cả 03 hình thức tham gia trên đều được quy định trong hệ thống pháp luật hiện hành như các phân tích dưới đây, **thể hiện sự tương đồng với kinh nghiệm quốc tế**.

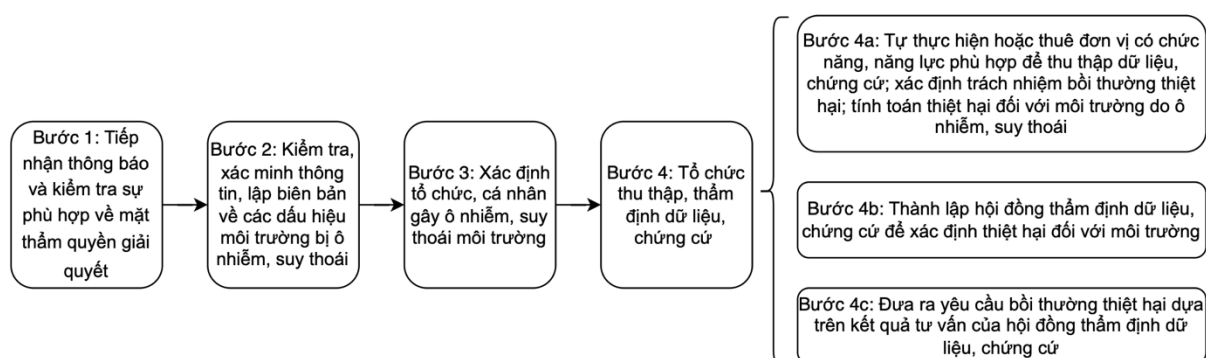
3.4.1. Chuyên gia tham gia cùng cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong giai đoạn đánh giá ban đầu

Trong hệ thống pháp luật hiện hành, việc chuyên gia tham gia cùng cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong việc tiến hành đánh giá ban đầu được quy định trong **cơ chế thông báo khi phát hiện môi trường có dấu hiệu bị ô nhiễm, suy thoái và**

cơ chế tiếp nhận, xử lý thông báo. Luật BVMT 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP thiết lập rõ cơ chế thông báo khi phát hiện môi trường có dấu hiệu bị ô nhiễm, suy thoái và tiếp nhận, xử lý thông báo. Theo đó, khi phát hiện môi trường có dấu hiệu bị ô nhiễm, suy thoái, UBND các cấp, tổ chức, cá nhân thực hiện thông báo cho **cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại** (thuật ngữ chính xác là “*cơ quan có trách nhiệm yêu cầu bồi thường và tổ chức thu thập, thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái*”), bao gồm UBND các cấp và Bộ TNMT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường hay Bộ NNMT) - tùy thuộc vào địa bàn xảy ra ô nhiễm, suy thoái⁹⁵. Thông báo **phải được thực hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung** như thông tin của tổ chức, cá nhân phát hiện môi trường có dấu hiệu bị ô nhiễm, suy thoái; dấu hiệu, địa điểm về môi trường bị ô nhiễm, suy thoái; nguồn nghi gây ô nhiễm, suy thoái; các thiệt hại ban đầu xảy ra (nếu có); chứng cứ khác có liên quan (nếu có)⁹⁶... Nghị định 08/2022/NĐ-CP có hướng dẫn chi tiết về trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại kể từ khi nhận được thông báo về môi trường có dấu hiệu bị ô nhiễm, suy thoái⁹⁷, được thể hiện như sơ đồ tại **Hình 2**

dưới đây:

Hình 2: Quy trình tiếp nhận và xử lý thông báo về ô nhiễm, suy thoái môi trường



Bước 4b của quy trình tại **Hình 2** có đề cập tới Hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ. Hội đồng này có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét, thẩm định, đánh giá các dữ liệu, chứng cứ đã được thu thập để xác định, tính toán thiệt hại đối với môi trường; chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại về kết quả thẩm định dữ liệu, chứng cứ⁹⁸. Cơ chế hoạt động của Hội đồng này có một số điểm đáng lưu ý. Thứ nhất, cơ cấu, thành phần của Hội đồng bao gồm cả **các chuyên gia**

⁹⁵ Luật BVMT 2020, Điều 131, khoản 1.

⁹⁶ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 112, khoản 1.

⁹⁷ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 113.

⁹⁸ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 114, khoản 1.

có chuyên môn về lĩnh vực môi trường và các lĩnh vực có liên quan⁹⁹ - điều này giúp đảm bảo tính chính xác và khách quan của các kết quả thẩm định dữ liệu, chứng cứ, đồng thời **phù hợp với xu hướng của pháp luật quốc tế và các quốc gia/khu vực trong phạm vi nghiên cứu trong việc trọng dụng ý kiến chuyên gia trong xác định thiệt hại và trách nhiệm** trong các vụ việc BTTHVMT như đã nêu ở các phần trên của Báo cáo này. Thứ hai, một trong các điều kiện tiến hành phiên họp chính thức của Hội đồng là phải có **sự tham gia của tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường** (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường vắng mặt đến lần thứ ba)¹⁰⁰ - điều này nhằm đảm bảo sự minh bạch và công bằng của các phiên họp Hội đồng.

3.4.2. Chuyên gia do nguyên đơn hoặc bị đơn thuê

BLTTDS 2015 quy định: “*Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp*”¹⁰¹. Về phía nguyên đơn, BLTTDS 2015 quy định kèm theo đơn khởi kiện phải có tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm¹⁰². Về phía bị đơn, Bộ luật này quy định sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, bị đơn phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo¹⁰³. Nguồn chứng cứ được BLTTDS 2015 quy định rõ, trong đó có bao gồm tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được, dữ liệu điện tử.

Mặc dù số vụ việc tranh chấp BTTHVMT tại Tòa án không nhiều, kết quả nghiên cứu một số bản án giải quyết tranh chấp BTTHVMT giai đoạn trước khi Luật BVMT 2020 có hiệu lực cho thấy thực tế **báo cáo của các tổ chức có chuyên môn về môi trường đã được sử dụng** trong một số vụ việc tranh chấp BTTHVMT tại Việt Nam, ví dụ:

- **Bản án số 84/2017/DS-PT** ngày 01/08/2017 của TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc “Bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường”¹⁰⁴: Các nguyên đơn đã căn cứ vào Bản báo cáo 119/BD-VTNMT-KHCN ngày 30/09/2015 của **Viện Môi trường và Tài nguyên** thuộc Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh để kết luận các bị đơn xả thải gây ô nhiễm nguồn nước là nguyên nhân chính, chiếm 76,64%, dẫn tới việc gây chết cá nuôi lồng bè trên sông Chà Và.

⁹⁹ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 114, khoản 2, điểm a.

¹⁰⁰ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 114, khoản 4, điểm b.

¹⁰¹ BLTTDS 2015, Điều 6, khoản 1.

¹⁰² BLTTDS 2015, Điều 189, khoản 5.

¹⁰³ BLTTDS 2015, Điều 199, khoản 1.

¹⁰⁴ Xem thêm tại: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta6176t1cvn/chi-tiet-ban-an>.

- **Bản án số 11/2019/DS – PT** ngày 17/02/2020 của TAND tỉnh Đồng Nai về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường¹⁰⁵: Bản án này có đề cập tới Báo cáo số 73/VMT-TN/KHCN của **Viện Môi trường và Tài nguyên** về kết quả đánh giá thiệt hại về kinh tế (nuôi trồng, đánh bắt thủy sản) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trên thực tế, bị đơn cũng đã thuê chuyên gia kiểm tra lại mức độ ô nhiễm, sau đó đã chấp nhận giải quyết bồi thường thiệt hại.

Trong quá trình tranh tụng tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn (có thể thông qua người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nếu có) trình bày về yêu cầu, đề nghị của mình và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị đó là có căn cứ và hợp pháp¹⁰⁶. Thực tế cho thấy có trường hợp các bên có quan điểm khác nhau về báo cáo được sử dụng làm chứng cứ – xem thêm vụ việc được nêu tại mục 3.4.3 dưới đây.

3.4.3. Chuyên gia do Tòa án chỉ định

Tương tự như các quốc gia trong phạm vi nghiên cứu, việc bất đồng quan điểm về các báo cáo khoa học được sử dụng trong quá trình giải quyết tranh chấp BTTHVMT cũng đã xảy ra tại Việt Nam. Cụ thể, theo **Bản án số 84/2017/DS-PT** ngày 01/08/2017 của TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc “Bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường”¹⁰⁷, Báo cáo 119/BD-VTNMT-KHCN ngày 30/09/2015 của Viện Môi trường và Tài nguyên thuộc Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh bị các bị đơn cho rằng không phù hợp vì một số lý do như chưa làm rõ về độ mặn của nước, sử dụng một số chỉ số không khách quan, áp dụng văn bản quy phạm pháp luật không chính xác, lấy mẫu không đúng, bỏ sót nhiều dữ liệu đầu vào trong mô hình tính toán... Một số bị đơn đã yêu cầu Tòa án cho một cơ quan chuyên môn khác/cơ quan chức năng tiến hành khảo sát, đánh giá lại để xác định nguyên nhân gây chết cá. Tuy nhiên, trong vụ việc này, do các bên trong phiên toà đã tự nguyện thương lượng và thống nhất được cách giải quyết nên Tòa án không phải thực hiện việc đánh giá lại theo yêu cầu.

Luật BVMT 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP có quy định về việc **giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường** với một số nội dung đáng lưu ý như sau:

- *Trường hợp thực hiện giám định*: Khi tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc cơ quan giải quyết việc bồi thường thiệt hại về môi trường không đồng ý với kết quả xác định thiệt hại thì có thể yêu cầu giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường¹⁰⁸.

¹⁰⁵ Xem thêm tại: https://congbobanan.toaan.gov.vn/5ta475548t1cvn/BAN_An_DSPT_D_VD.pdf.

¹⁰⁶ BLTTDS 2015, Điều 248, khoản 1, điểm a, điểm b; khoản 2.

¹⁰⁷ Xem thêm tại: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta6176t1cvn/chi-tiet-ban-an>.

¹⁰⁸ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 120, khoản 1.

- *Trình tự, thủ tục giám định:* Áp dụng theo quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan¹⁰⁹.
- *Phương thức lựa chọn tổ chức giám định:* Theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc cơ quan giải quyết việc bồi thường thiệt hại về môi trường¹¹⁰.
- *Điều kiện đối với tổ chức giám định:* Là tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực môi trường được công bố theo quy định hoặc tổ chức khác có đủ điều kiện sau: (i) Có tư cách pháp nhân; (ii) Có hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung được yêu cầu giám định; (iii) Có điều kiện về cán bộ chuyên môn, cơ sở vật chất bảo đảm cho việc thực hiện giám định¹¹¹.

Lưu ý rằng quy định về giám định thiệt hại tại Luật BVMT 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP là giám định thiệt hại *do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường* – tức là Loại thiệt hại về môi trường được nêu tại mục 3.1 của Báo cáo này. Với Loại thiệt hại đối với con người thì Luật BVMT 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP không có quy định riêng, do đó sẽ thực hiện theo quy định chung của BLTTDS 2015.

BLTTDS 2015 có quy định về **trưng cầu giám định và yêu cầu giám định**. Theo đó, Thẩm phán ra quyết định trưng cầu giám định khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của đương sự¹¹². Trường hợp đương sự đã đề nghị Tòa án trưng cầu giám định nhưng Tòa án từ chối yêu cầu của đương sự thì đương sự có quyền tự mình yêu cầu giám định¹¹³. Người giám định được BLTTDS 2015 định nghĩa là người có kiến thức, kinh nghiệm cần thiết theo quy định của pháp luật về lĩnh vực có đối tượng cần giám định mà Tòa án trưng cầu giám định hoặc được đương sự yêu cầu giám định¹¹⁴. Nội dung này khá **tương đồng với nội hàm chuyên gia theo kinh nghiệm quốc tế**. Kết luận giám định được quy định là một trong các nguồn chứng cứ¹¹⁵. Quá trình tranh tụng tại phiên toà có phần hỏi người giám định, đương sự có quyền nhận xét về kết luận giám định, hỏi những vấn đề còn chưa rõ hoặc có mâu thuẫn trong kết luận giám định hoặc có mâu thuẫn với những tình tiết khác của vụ việc¹¹⁶.

¹⁰⁹ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 120, khoản 2.

¹¹⁰ Luật BVMT 2020, Điều 135, khoản 1.

¹¹¹ Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Điều 119, khoản 2.

¹¹² BLTTDS 2015, Điều 102, khoản 2.

¹¹³ BLTTDS 2015, Điều 102, khoản 1.

¹¹⁴ BLTTDS 2015, Điều 79.

¹¹⁵ BLTTDS 2015, Điều 94, khoản 5.

¹¹⁶ BLTTDS 2015, Điều 257, khoản 2.

3.5. Các cơ chế giải quyết tranh chấp về môi trường

Tương tự như những quốc gia được nghiên cứu tại phần kinh nghiệm quốc tế, Luật BVMT 2020 cho phép nhiều cơ chế giải quyết tranh chấp môi trường. Trước hết, Luật BVMT 2020 yêu cầu việc giải quyết BTTHVMT **bắt buộc phải thông qua thương lượng**, nếu thương lượng không thành thì các bên có thể lựa chọn 01 trong 03 phương thức là: (i) **Hòa giải**; (ii) Giải quyết tranh chấp bằng **trọng tài**; (iii) Giải quyết tranh chấp bằng **Toà án**¹¹⁷. Việc ghi nhận các phương thức thương lượng, hoà giải, trọng tài **là phù hợp với xu hướng của pháp luật quốc tế và các quốc gia/khu vực trong việc ưu tiên các phương pháp giải quyết tranh chấp thay thế (ADR)**. Các phân tích dưới đây sẽ phân tích cụ thể hơn theo 02 nội dung là (i) Giải quyết tranh chấp bằng các phương thức ngoài Toà án, bao gồm thương lượng, hoà giải, trọng tài, và (ii) Giải quyết tranh chấp bằng Toà án.

3.5.1. Giải quyết tranh chấp bằng các phương thức ngoài Toà án

a. Thương lượng

Giải quyết tranh chấp bằng thương lượng là việc các bên chủ động cùng nhau bàn bạc, thoả thuận, không có sự tham gia, can thiệp của bên thứ ba, hoàn toàn dựa trên ý chí của các bên. Một số quốc gia trong phạm vi nghiên cứu như Đức và Indonesia khuyến khích việc giải quyết tranh chấp BTTHVMT bằng các phương thức thay thế, trong đó có thương lượng. **Đề cao sự tự do thoả thuận giữa các bên**, Luật BVMT 2020 không có quy định cụ thể về nội dung, trình tự thực hiện việc thương lượng cũng như phạm vi nội dung thương lượng. Việc giải quyết BTTHVMT thông qua thương lượng có một số **ưu điểm** như ít tốn kém về tiền bạc, hình thức giải quyết đơn giản, nhanh chóng, linh hoạt, hoàn toàn dựa trên ý chí, nguyện vọng của các bên. Tuy nhiên, việc không có quy định cụ thể về nội dung, trình tự thực hiện việc thương lượng cũng dẫn đến một số **hạn chế** nhất định cho phương thức này, ví dụ như một bên kéo dài thời gian tổ chức thương lượng khiến việc giải quyết bồi thường bị kéo dài, thậm chí không thể thực hiện được; đồng thời cũng không có cơ chế đảm bảo việc thực thi các thoả thuận giữa các bên¹¹⁸.

Mặc dù tồn tại nhiều bất cập, vướng mắc đối với phương thức giải quyết này, đặc biệt là việc không có cơ chế đảm bảo việc thực thi các thoả thuận giữa các bên, tuy nhiên, trên thực tế, **hầu hết các tranh chấp giải quyết BTTHVMT được giải quyết thông**

¹¹⁷ Luật BVMT 2020, Điều 133, khoản 1.

¹¹⁸ Lý Khánh Hòa, *Lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại*, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam, 02/03/2023. Xem thêm tại: <https://lsvn.vn/lua-chon-phuong-thuc-giai-quyet-tranh-chap-kinh-doanh-thuong-mai-1677656725-a128284.html>

qua thương lượng vì rất khó xác định được thiệt hại cụ thể; các thiệt hại được bồi thường chủ yếu là thiệt hại về sức khỏe, tài sản vật chất.¹¹⁹

b. Hoà giải

Khác với phương thức thương lượng chỉ có sự tham gia của các bên trong tranh chấp, phương thức hoà giải có sự tham gia của bên thứ ba là hoà giải viên đóng vai trò trung gian để hỗ trợ hoặc thuyết phục các bên tranh chấp tìm kiếm các giải pháp, đi đến thoả thuận chung để giải quyết tranh chấp. Như đã phân tích, các quốc gia/khu vực thuộc phạm vi nghiên cứu đều cho thấy xu hướng giải quyết tranh chấp BTTHVMT theo các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế, trong đó có hoà giải. Tại Đức, một số tiểu bang đã thành lập các **trung tâm hòa giải môi trường chuyên biệt**, cung cấp nền tảng để giải quyết các tranh chấp giữa những người gây ô nhiễm, cơ quan quản lý và cộng đồng bị ảnh hưởng. Tại Việt Nam, Luật BVMT 2020 **không có quy định cụ thể về nội dung, trình tự thực hiện phương thức hoà giải** mà chỉ quy định chung về việc thực hiện theo quy định pháp luật liên quan¹²⁰. Hiện nay, trong hệ thống pháp luật Việt Nam có 05 hình thức hoà giải kèm theo quy định cụ thể về nội dung, trình tự hoà giải là: (i) Hoà giải cơ sở; (ii) Hoà giải thương mại; (iii) Hoà giải tranh chấp đất đai; (iv) Hoà giải tranh chấp liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (BVQLNTD); và (v) Hoà giải tại Tòa án theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020. Những hình thức hoà giải này có một số đặc điểm có thể nghiên cứu áp dụng để xây dựng mô hình hoà giải tranh chấp BTTHVMT tại Việt Nam.

(i) Hoà giải cơ sở

Hoà giải cơ sở được thực hiện theo **Luật Hoà giải cơ sở 2013** và các văn bản hướng dẫn. Hình thức này do các hoà giải viên là công dân Việt Nam cư trú tại cơ sở thực hiện tại thôn, làng, bản, tổ dân phố, khu phố...¹²¹. Phạm vi hoà giải ở cơ sở bao gồm mâu thuẫn giữa các bên liên quan đến khác biệt lối sống, gây mất vệ sinh chung, tranh chấp từ quan hệ dân sự (thừa kế, hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự,...), vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính,...¹²², *trừ các mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích*

¹¹⁹ Quỹ Châu Á – Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường, *Tài liệu hướng dẫn giải quyết tranh chấp môi trường thông qua hoà giải*, 2015, <https://isponre.gov.vn/vi/xuat-ban-pham/Bao-cao-va-Sach/Tai-lieu-huong-dan-giai-quyet-tranh-chap-moi-truong-thong-qua-hoa-giai-191.html>; Trần Tiến Dũng, *Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường, Tòa án nhân dân điện tử*, 01/12/2023. Xem thêm tại: <https://tapchitoaan.vn/phap-luat-ve-trach-nhiem-boi-thuong-thiet-hai-cua-doanh-nghiep-gay-o-nhiem-moi-truong9813.html>

¹²⁰ Luật BVMT 2020, Điều 133, Điều 162.

¹²¹ Luật Hoà giải cơ sở 2013, Điều 2, khoản 1, khoản 2, Điều 7.

¹²² Nghị định 15/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật hòa giải ở cơ sở, Điều 5, khoản 1.

*công cộng, vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc xử lý vi phạm hành chính,...*¹²³.

Quy định loại trừ về phạm vi hoà giải cơ sở nêu trên đặt ra câu hỏi việc giải quyết BTTHVMT có thuộc phạm vi hoà giải cơ sở hay không? BTTHVMT thường liên quan đến ô nhiễm môi trường diện rộng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nhiều người, liên quan đến tài nguyên thiên nhiên, chức năng của môi trường là tài sản chung do nhà nước quản lý. Bên cạnh đó, các hành vi gây ô nhiễm môi trường mà dẫn tới yêu cầu phải BTTHVMT thường sẽ thuộc trường hợp bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự¹²⁴. Luật BVMT 2014 trước đây còn có quy định về vai trò của UBND cấp xã trong việc “hòa giải tranh chấp về môi trường phát sinh trên địa bàn theo quy định của pháp luật về hòa giải”¹²⁵. Những đặc điểm này cho thấy **giải quyết BTTHVMT không thuộc phạm vi của hoà giải cơ sở**.

(ii) Hoà giải thương mại

Theo **Nghị định 22/2017/NĐ-CP** về hòa giải thương mại, hoà giải thương mại là phương thức *giải quyết tranh chấp thương mại* mà các bên thoả thuận lựa chọn, được hòa giải viên thương mại làm trung gian hòa giải hỗ trợ giải quyết tranh chấp¹²⁶. Hoà giải thương mại áp dụng với tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; *giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại* hoặc tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng hòa giải thương mại¹²⁷. Bên cạnh đó, Nghị định 22/2017/NĐ-CP quy định thỏa thuận hòa giải có thể được xác lập dưới hình thức điều khoản hòa giải trong hợp đồng *hoặc dưới hình thức thỏa thuận riêng*¹²⁸. Trong BTTHVMT, thông thường bên gây thiệt hại về môi trường là các doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Do đó về mặt lý thuyết, việc giải quyết BTTHVMT có thể phù hợp với phạm vi hoà giải thương mại - vì có một bên có hoạt động thương mại, với điều kiện các bên có văn bản thoả thuận về việc lựa chọn giải quyết tranh chấp BTTHVMT theo phương thức hoà giải thương mại sau khi tranh chấp phát sinh. Tuy nhiên, trong bối cảnh Luật BVMT 2020 và các văn bản hướng dẫn không quy định rõ về việc có được áp dụng các quy định về hoà giải thương mại để giải quyết BTTHVMT hay không, và thông tin được công khai trên Internet về các vụ việc giải quyết BTTHVMT theo Luật BVMT 2020 chưa cho thấy trường hợp nào được giải quyết thông qua hoà giải, cho nên chưa đủ thông tin **để có thể xác định việc giải quyết**

¹²³ Nghị định 15/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật hòa giải ở cơ sở, Điều 5, khoản 2.

¹²⁴ Nghị định 45/2022/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Chương XIX.

¹²⁵ Luật BVMT 2014, Điều 143, khoản 3, điểm d.

¹²⁶ Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại, Điều 3, khoản 1.

¹²⁷ Nghị định 22/2017/NĐ-CP, Điều 2.

¹²⁸ Nghị định 22/2017/NĐ-CP, Điều 11, khoản 1.

BTTHVMT theo Luật BVMT 2020 có thể được áp dụng các quy định về hoà giải thương mại.

(iii) Hoà giải tranh chấp đất đai

Phạm vi của hoà giải tranh chấp đất đai không bao gồm hoà giải tranh chấp BTTHVMT. Như đã nêu ở trên, Luật BVMT 2014 quy định UBND cấp xã có thẩm quyền thực hiện việc hoà giải tranh chấp về môi trường có điểm tương tự với quy định của Luật Đất đai 2013 về hoà giải tranh chấp đất đai tại cơ quan hành chính¹²⁹. Luật Đất đai 2013 và Luật Đất đai 2024 đều có quy định về vai trò của UBND các cấp và Bộ TNMT (nay là Bộ NNMT) như một đơn vị trung gian hoà giải trong giải quyết tranh chấp đất đai¹³⁰. Năm 2015, Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường thuộc Bộ TNMT (nay là Bộ NNMT) đã xây dựng “*Tài liệu hướng dẫn giải quyết tranh chấp môi trường thông qua hoà giải*”. Tài liệu này hướng dẫn việc thành lập Tổ công tác giải quyết tranh chấp môi trường (như Tổ hoà giải)¹³¹ và hướng dẫn thủ tục hoà giải tranh chấp môi trường khá giống với thủ tục hoà giải tranh chấp đất đai giai đoạn đó. Trên thực tế, một số trường hợp tranh chấp BTTHVMT đã áp dụng mô hình này¹³². Tuy nhiên, không có một văn bản quy phạm pháp luật nào quy định cụ thể phương pháp, chủ thể thực hiện hoà giải tranh chấp BTTHVMT theo Luật BVMT 2014 và Luật BVMT 2020. Vấn đề đặt ra là **có nên áp dụng mô hình hoà giải tranh chấp BTTHVMT theo Luật BVMT 2020 tương tự như Luật Đất đai 2024 hay không**.

(iv) Hoà giải tranh chấp liên quan đến BVQLNTD

¹²⁹ Luật Đất đai 2013, Điều 195; Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, Điều 88; Nghị định 148/2020/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai, Điều 27.

¹³⁰ Luật Đất đai 2013, Điều 195; Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, Điều 88; Nghị định 148/2020/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai, Điều 27; Luật Đất đai 2024, Điều 235 - Điều 236; Nghị định 102/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đất đai, Điều 106 - Điều 108.

¹³¹ Quỹ Châu Á – Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường, *Tài liệu hướng dẫn giải quyết tranh chấp môi trường thông qua hoà giải*, 2015, trang 21; Dương Thị Phương Anh, Nguyễn Trung Thắng, Hoàng Hồng Hạnh, Hoàng Thị Hiền, *Giải quyết tranh chấp môi trường thông qua hoà giải: Áp dụng thử nghiệm ở Đà Nẵng*, Tạp chí Môi trường, 03/07/2017. Xem thêm tại: <https://tapchimoitruong.vn/Gi/dien-dan--trao-doi-21/Gi%E1%BA%A3i-quy%E1%BA%Bft-tranh-ch%E1%BA%A5p-m%C3%B4i-tr%C6%B0%E1%BB%9Dng-th%C3%B4ng-qua-h%C3%B2a-gi%E1%BA%A3i--%C3%81p-d%E1%BB%A5ng-th%E1%BB%AD-nghi%E1%BB%87m-%E1%BB%9F-%C3%90%C3%A0-N%E1%BA%B5ng-14927>.

¹³² Quỹ Châu Á – Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường, *Tài liệu hướng dẫn giải quyết tranh chấp môi trường thông qua hoà giải*, 2015; Dương Thị Phương Anh, Nguyễn Trung Thắng, Hoàng Hồng Hạnh, Hoàng Thị Hiền, *Giải quyết tranh chấp môi trường thông qua hoà giải: Áp dụng thử nghiệm ở Đà Nẵng*, Tạp chí Môi trường, 03/07/2017. Xem thêm tại: <https://tapchimoitruong.vn/Gi/dien-dan--trao-doi-21/Gi%E1%BA%A3i-quy%E1%BA%Bft-tranh-ch%E1%BA%A5p-m%C3%B4i-tr%C6%B0%E1%BB%9Dng-th%C3%B4ng-qua-h%C3%B2a-gi%E1%BA%A3i--%C3%81p-d%E1%BB%A5ng-th%E1%BB%AD-nghi%E1%BB%87m-%E1%BB%9F-%C3%90%C3%A0-N%E1%BA%B5ng-14927>.

Tương tự như hoà giải tranh chấp đất đai, hoà giải tranh chấp liên quan đến BVQLNTD không liên quan nhiều đến BTTHVMT. Tuy nhiên, **đặc điểm chủ thể của tranh chấp về BTTHVMT giống với BVQLNTD**, một bên là doanh nghiệp và bên còn lại một cá nhân, tổ chức hoặc một cộng đồng bị ảnh hưởng. Khác với Luật BVMT 2020, Luật BVQLNTD 2023 đã quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, chủ thể thực hiện, xử lý kết quả hoà giải. Luật BVQLNTD 2023 xác định **chủ thể thực hiện hoà giải BVQLNTD bao gồm: Tổ chức hòa giải theo quy định của pháp luật về hòa giải thương mại, pháp luật về hòa giải tại cơ sở, pháp luật về hòa giải tại tòa án**¹³³.

(v) Hoà giải tại Tòa án theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020

Phương thức hoà giải tại Tòa án theo **Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020** (gọi tắt là hoà giải tại Tòa án) được diễn ra trước khi Tòa án thụ lý vụ việc dân sự, do các Hoà giải viên tại Tòa án tiến hành thực hiện¹³⁴. Hoà giải tại Tòa án không áp dụng với các trường hợp như: Yêu cầu đòi bồi thường do **gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước**; vụ việc phát sinh từ giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của luật hoặc trái đạo đức xã hội; một trong các bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của BLTTDS 2015¹³⁵. Theo Luật BVMT 2020, các tranh chấp giải quyết BTTHVMT về bản chất là dạng tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và thuộc phạm vi vụ việc dân sự mà Tòa án có thẩm quyền thụ lý và giải quyết tranh chấp¹³⁶. Lưu ý thêm rằng Tòa án không phải là cơ quan duy nhất có thẩm quyền giải quyết tranh chấp BTTHVMT theo quy định tại Điều 133 của Luật BVMT 2020 như đã phân tích. Các tranh chấp BTTHVMT nếu thuộc Loại thiệt hại về môi trường nêu tại mục 3.1 thì **có thể không được hoà giải nếu có thiệt hại liên quan đến tài sản của Nhà nước**¹³⁷. Loại thiệt hại đối với con người do không thuộc các trường hợp loại trừ của phương thức hoà giải tại Tòa án được liệt kê phía trên nên **có thể được thực hiện bằng phương thức hoà giải tại Tòa án**.

¹³³ Luật BVQLNTD 2023, Điều 61- Điều 66.

¹³⁴ Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020, Điều 2, khoản 2.

¹³⁵ Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020, Điều 19.

¹³⁶ Luật BVMT 2020, Điều 133, Điều 162.

¹³⁷ Theo Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 2013, *Tài sản nhà nước* là tài sản hình thành từ ngân sách nhà nước hoặc do pháp luật quy định thuộc sở hữu, quản lý của Nhà nước, bao gồm: trụ sở làm việc, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; máy móc, phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc; tài sản từ nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cho Nhà nước và các tài sản khác do pháp luật quy định (Điều 3, khoản 5). Luật này cũng quy định tài nguyên và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý; trong đó “tài nguyên” được định nghĩa bao gồm đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, thềm lục địa, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác (Điều 3, khoản 6). Do đó, các tranh chấp BTTHVMT liên quan tới loại thiệt hại (i) - Suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường thường nếu có thiệt hại về tài nguyên thì sẽ được xác định là có thiệt hại liên quan đến tài sản của Nhà nước.

Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 **không có quy định rõ ràng về việc tổ chức cùng một phiên hoà giải tại Tòa án hoặc góp phiên hoà giải** nếu có cùng một bị đơn hoặc nội dung, tính chất của các đơn khởi kiện giống nhau. Như vậy, về lý thuyết, Tòa án sẽ phải nhận đơn khởi kiện của từng người dân, và tổ chức từng phiên hoà giải tương ứng. Thực tế cho thấy, số lượng người dân bị ảnh hưởng, thiệt hại do ô nhiễm môi trường thường rất lớn, nếu tổ chức phiên hoà giải với từng đơn khởi kiện thì sẽ tốn nhiều thời gian, chi phí, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại. Lưu ý BLTTDS 2015 quy định việc nhập vụ việc được tiến hành sau giai đoạn thụ lý vụ việc¹³⁸ – do đó không phù hợp để áp dụng quy định này với trường hợp hoà giải tại Tòa án. Bên cạnh đó, cũng **chưa có thông tin công khai về thực tiễn** giải quyết BTTHVMT thông qua hoà giải tại Tòa án để có thể đánh giá tính hiệu quả của phương thức này.

c. Trọng tài

Trọng tài cũng là một phương thức giải quyết tranh chấp có sự tham gia của một bên thứ ba để điều hành, hướng dẫn việc giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, khác với hoà giải viên chỉ có vai trò hỗ trợ các bên cùng thoả thuận giải quyết tranh chấp, trọng tài viên, hội đồng trọng tài có thẩm quyền đưa ra phán quyết trọng tài có giá trị pháp lý bắt buộc đối với các bên. Tương tự như các phương thức giải quyết BTTHVMT nêu trên, Luật BVMT 2020 cũng không có quy định cụ thể về nội dung, trình tự thực hiện giải quyết BTTHVMT thông qua trọng tài mà chỉ quy định chung về việc thực hiện theo quy định pháp luật¹³⁹. Rà soát các văn bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam liên quan đến trọng tài cho thấy có 02 hình thức trọng tài là trọng tài lao động¹⁴⁰, và trọng tài thương mại. Trọng tài lao động chỉ giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực lao động nên không thể áp dụng trong việc giải quyết BTTHVMT. Đối với trọng tài thương mại, theo **Luật Trọng tài thương mại 2010**, phạm vi của trọng tài thương mại bao gồm: (i) Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; (ii) Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; (iii) Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài¹⁴¹. Phương thức xác định phạm vi tranh chấp này khá giống với phần về hoà giải thương mại phía trên, và đều **không rõ ràng về việc có được áp dụng với trường hợp giải quyết tranh chấp BTTHVMT hay không**. **Báo cáo số 272/BC-HLGVN** ngày 10/08/2023 của Hội Luật gia Việt Nam tổng kết thực tiễn thi hành Luật Trọng tài thương mại năm 2010 đặt ra vấn đề có nên hay không mở rộng thẩm quyền của trọng tài

¹³⁸ BLTTDS 2015, Điều 42, khoản 1.

¹³⁹ Luật BVMT 2020, Điều 133; Điều 162.

¹⁴⁰ Nghị định 145/2020/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Chương XI, mục 2.

¹⁴¹ Luật Trọng tài thương mại 2010, Điều 2.

thương mại đối với các tranh chấp lĩnh vực khác như môi trường nếu các bên thỏa thuận lựa chọn trọng tài để giải quyết tranh chấp¹⁴². Theo thông tin này, **trọng tài thương mại dường như chưa giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực môi trường**. Trong khi đó, các quốc gia/khu vực thuộc phạm vi nghiên cứu đều cho thấy xu hướng giải quyết tranh chấp BTTHVMT theo các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế, trong đó có trọng tài. Tương tự như Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hoà giải thương mại, Luật Trọng tài thương mại quy định tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài nếu các bên có thỏa thuận trọng tài, và thỏa thuận trọng tài có thể được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp¹⁴³. Điều này đồng nghĩa với việc về mặt logic, các tranh chấp BTTHVMT có thể được giải quyết bằng phương thức trọng tài thương mại nếu các bên có thỏa thuận trọng tài sau khi tranh chấp phát sinh.

3.5.2. Giải quyết tranh chấp tại Tòa án

Trong các phương thức giải quyết BTTHVMT được quy định tại Luật BVMT 2020, phương thức giải quyết tranh chấp tại Tòa án là **phương thức được quy định cụ thể, chi tiết nhất**. Theo **Luật BVMT 2020**, tranh chấp về BTTHVMT được ghi nhận là một trong những tranh chấp về môi trường và được giải quyết theo quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại dân sự ngoài hợp đồng và pháp luật về tố tụng dân sự¹⁴⁴. Quy định của Luật BVMT cũng phù hợp với quy định về quyền khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước của BLTTDS 2015. Cụ thể, khoản 4, Điều 187 BLTTDS 2015 quy định: “Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách hoặc theo quy định của pháp luật”. Theo đó, BLTTDS 2015 đã quy định quyền khởi kiện của cơ quan nhà nước trong cả 02 trường hợp: (i) Khởi kiện để bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích Nhà nước (tương ứng với việc khởi kiện đòi bồi thường Loại thiệt hại về môi trường được nêu tại mục 3.1 của Nghiên cứu này); và (ii) Khởi kiện trong trường hợp pháp luật có quy định (tương ứng với việc khởi kiện đòi bồi thường Loại thiệt hại đối với con người trên cơ sở được uỷ quyền từ các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại).

Gần đây, Dự thảo Nghị quyết Thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự công ích¹⁴⁵ đang được xây dựng và có quy định cho phép Viện kiểm sát nhân dân có quyền khởi kiện vụ án dân sự công ích để bảo vệ lợi ích công (bao gồm tài nguyên,

¹⁴² Báo cáo số 272/BC-HLGVN, trang 9.

¹⁴³ Luật Trọng tài thương mại 2010, Điều 5, khoản 1.

¹⁴⁴ Luật BVMT 2020, Điều 133, Điều 162.

¹⁴⁵ Xem toàn văn Dự thảo tại: <https://vksquangngai.gov.vn/du-thao-ho-so-nghi-quyet-cua-quoc-hoi-ve-viec-thi-diem-vksnd-khoi-kien-vu-an-dan-su-cong-ich-1768.html>.

môi trường sinh thái) trong trường hợp đã chuyển thông tin/kiến nghị đến cơ quan có trách nhiệm khởi kiện mà chủ thể đó không khởi kiện. Đặt quy định này trong bối cảnh nghiên cứu, có thể hiểu nếu UBND các cấp hoặc Bộ NNMT không thực hiện việc khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường (Loại thiệt hại về môi trường) thì Viện kiểm sát sẽ có quyền khởi kiện. Bên cạnh đó, Dự thảo Nghị quyết Thí điểm này cũng quy định cho phép Viện kiểm sát nhân dân có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương trong trường hợp đã chuyển thông tin/kiến nghị đến các tổ chức, cá nhân có quyền khởi kiện mà không có chủ thể nào khởi kiện. Trong bối cảnh nghiên cứu, quy định này mở ra thêm một khả năng cho phép các cá nhân bị thiệt hại với Loại thiệt hại đối với con người có thể được bảo vệ thông qua việc khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại do Viện kiểm sát nhân dân thực hiện. Tuy nhiên lưu ý không phải cá nhân nào cũng được xác định là nhóm dễ bị tổn thương. Dự thảo hiện nay quy định bao gồm các chủ thể như trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số..., và không bao gồm các cá nhân bị tổn thương do ô nhiễm, suy thoái môi trường. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân chỉ có thể khởi kiện theo Nghị quyết Thí điểm nếu Luật BVMT có quy định rõ các cá nhân bị thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường (cụ thể là theo Loại thiệt hại đối với con người) là nhóm dễ bị tổn thương.

Về mặt thời hiệu, thời hiệu khởi kiện về BTTHVMT là 03 năm, tính từ ngày tổ chức, cá nhân bị thiệt hại có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về môi trường của tổ chức, cá nhân khác¹⁴⁶. **Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP** có giải thích thêm về việc xác định thời hiệu. Cụ thể, thời điểm người có quyền yêu cầu biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm là khi họ nhận ra được hoặc có thể khẳng định được về việc quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Nghị quyết có đưa ra 01 ví dụ về thời hiệu khởi kiện¹⁴⁷. Trên thực tế, có quan điểm cho rằng thời hiệu 03 năm là khá ngắn vì những ảnh hưởng do ô nhiễm, suy thoái môi trường có thể diễn ra trong một thời gian dài và khó nhận biết, đặc biệt trong các trường hợp thiệt hại về sức khỏe, tính mạng¹⁴⁸. Tuy nhiên, cần lưu ý thời hiệu 03 năm được tính từ ngày tổ chức, cá nhân biết hoặc phải biết thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân khác, mà không phải là thời điểm hành vi vi phạm pháp luật

¹⁴⁶ BLDS 2015, Điều 588; Luật BVMT 2020, Điều 162, khoản 3.

¹⁴⁷ Ví dụ tại Nghị quyết: Ngày 02/07/2022, A phát hiện cá trong ao nhà mình bị chết hàng loạt. A nghi ngờ nguyên nhân là do nguồn nước thải từ nhà B nên A yêu cầu cơ quan giám định về môi trường tiến hành giám định nguyên nhân. Ngày 15 tháng 8 năm 2022, A nhận được kết quả giám định về nguyên nhân gây ra thiệt hại chính là do nguồn nước thải từ nhà B. Trường hợp này, thời điểm A biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm là ngày 15 tháng 8 năm 2022.

¹⁴⁸ Vũ Thị Ngọc Dung, *Pháp luật về bồi thường thiệt hại môi trường ở Việt Nam hiện nay - Bất cập và một số kiến nghị*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, 09/05/2024. Xem thêm tại: <https://tapchitoaan.vn/phap-luat-ve-boi-thuong-thiet-hai-moi-truong-o-viet-nam-hien-nay-bat-cap-va-mot-so-kien-nghi10865.html>

xảy ra, và dường như đủ để người bị thiệt hại thu thập các bằng chứng liên quan và thực hiện việc khởi kiện.

Mặt khác, cũng cần nhìn nhận là quy trình thu thập bằng chứng liên quan tới BTTHVMT có rất nhiều thách thức, đòi hỏi cả về thời gian, chi phí, nhân lực... Trong khi đó, Điều 155 BLDS 2015 hiện nay đã có quy định về **các trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện** – trong đó cho phép các luật quy định trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Luật BVMT, do đó, có thể cân nhắc việc sửa đổi quy định về thời hiệu theo hướng không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Đây cũng là một trong hai phương án quy định về Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự công ích tại Dự thảo Nghị quyết Thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự công ích. Hiện nay, Dự thảo này đang dự kiến quy định về vấn đề thời hiệu khởi kiện như sau:

Điều 21. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự công ích

Phương án 1: Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự công ích là 01 năm kể từ ngày Viện kiểm sát tiếp nhận thông tin về hành vi vi phạm xâm hại quyền dân sự của chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công.

Phương án 2: Không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp Viện kiểm sát khởi kiện vụ án dân sự công ích.

Trong bối cảnh BLTTDS 2015 và Luật BVMT 2020 hiện không có quy định riêng về thời hiệu khởi kiện với các vụ việc dân sự công ích hay vụ việc BTTHVMT, cần cân nhắc thêm về sự tương thích giữa quy định dự kiến tại Điều 21 của Dự thảo Nghị quyết với các quy định hiện hành về thời hiệu như đã nêu ở đoạn trên (03 năm).

Mặc dù phương thức giải quyết tranh chấp BTTHVMT tại Tòa án được quy định cụ thể nhưng tính đến cuối năm 2023, có **rất ít vụ tranh chấp dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do ô nhiễm môi trường được giải quyết tại Tòa án**¹⁴⁹. Có một số giả thuyết dẫn tới tình trạng này, như các bên thường ưu tiên việc thương lượng do bên bị thiệt hại khó chứng minh thiệt hại, hoặc có thể do kiến thức, chuyên môn về môi trường của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân chưa đồng đều dẫn đến những khó khăn trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến môi trường¹⁵⁰. Một

¹⁴⁹ Trần Tiến Dũng, *Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, 01/12/2023. Xem thêm tại: <https://tapchitoaan.vn/phap-luat-ve-trach-nhiem-boi-thuong-thiet-hai-cua-doanh-nghiep-gay-o-nhiem-moi-truong9813.html>

¹⁵⁰ Trần Tiến Dũng, *Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, 01/12/2023. Xem thêm tại: <https://tapchitoaan.vn/phap-luat-ve-trach-nhiem-boi-thuong-thiet-hai-cua-doanh-nghiep-gay-o-nhiem-moi-truong9813.html>

Phạm Văn Lợi, *Những vướng mắc, bất cập trong việc giải quyết bồi thường thiệt hại do vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường*, Tạp chí Môi trường, 05/10/2017. Xem thêm tại:

số vụ việc BTTHVMT được giải quyết tại Tòa án cũng phản ánh phần nào những khó khăn về chứng minh thiệt hại. Ví dụ như trong vụ việc tranh chấp BTTHVMT theo **Bản án số 84/2017/DS-PT** ngày 01/08/2017 của TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu¹⁵¹, liên quan tới việc nguyên đơn chứng minh thiệt hại, có bị đơn cho rằng việc xác định thiệt hại của các nguyên đơn là “*thiếu khách quan, không cụ thể, vì: Các loại cá chết, kích thước mỗi loại cá, thời gian nuôi được liệt kê trong bảng thiệt hại phần lớn là do nguyên đơn tự làm; Ngoài ra không có biên bản kiểm kê tính trọng lượng, số lượng, chất lượng; Biên bản thống kê thiệt hại lập không có mặt Doanh nghiệp; Về áp giá cá giống, thức ăn, hệ số thức ăn, chi phí đi lại cho số lượng cá bị chết do nguyên đơn liệt kê không có cơ sở*”.

Như đã nêu ở phần pháp luật quốc tế liên quan tới nguyên tắc thận trọng, một trong các giải pháp mà các quốc gia nên lưu ý là nâng cao chất lượng thực thi tư pháp và hành chính, **đảm bảo Tòa án và các cơ quan quản lý có đủ chuyên môn và công cụ cần thiết** để thực thi nguyên tắc thận trọng một cách nhất quán, đồng thời khuyến nghị các quốc gia **cần nhắc thành lập tòa chuyên trách về môi trường**. Trong Liên minh Châu Âu, một số quốc gia thành viên cũng đã thành lập các **tòa án hoặc hội đồng xét xử chuyên trách** về môi trường. Tại Việt Nam, cũng có nhiều ý kiến đề xuất về việc thành lập Tòa chuyên trách về môi trường để có thể giải quyết các tranh chấp BTTHVMT hiệu quả hơn¹⁵². Theo **Luật Tổ chức Tòa án 2024**, hiện nay Việt Nam **vẫn chưa có Tòa chuyên trách về môi trường**.

<https://tapchimoitruong.vn/phap-luat--chinh-sach-16/Những-vướng-mắc%2C-bắt-cập-trong-việc--giải-quyết-bồi-thường-thiệt-hại-do-vi-phạm-pháp-luật-về-bảo-vệ-môi-trường-18773>

Đào Nguyễn Hương Duyên, *Quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường nước của doanh nghiệp*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, 29/11/2021. Xem thêm tại: <https://danchuphapluat.vn/quyen-khoi-kien-yeu-cau-boi-thuong-thiet-hai-doi-voi-hanh-vi-gay-o-nhiem-moi-truong-nuoc-cua-doanh-nghiep>

¹⁵¹ Xem thêm tại: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta6176t1cvn/chi-tiet-ban-an>.

¹⁵² Nguyễn Thị Thu Hiền, Phùng Thắng, *Thực trạng xét xử tội phạm về môi trường và sự cần thiết thành lập Tòa chuyên trách về môi trường*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, 05/07/2021. Xem thêm tại: <https://tapchitoaan.vn/thuc-trang-xet-xu-toi-pham-ve-moi-truong-va-su-can-thiet-thanh-lap-toa-chuyen-trach-ve-moi-truong>

Sự cần thiết thành lập tòa môi trường tại Việt Nam, Trang thông tin của Tổ chức WCS, 16/10/2020. Xem thêm tại: <https://programs.wcs.org/vietnam/vi-vn/News/Activities-VN/ID/15056/Su-can-thiet-thanh-lap-toa-moi-truong-tai-Viet-Nam.aspx>

Nhật Anh, *Lập tòa án môi trường để bảo vệ sức khỏe con người*, Báo Đại biểu Nhân dân, 07/06/2015. Xem thêm tại: <https://daibieunhandan.vn/lap-toa-an-moi-truong-de-bao-ve-suc-khoe-con-nguoi-post187106.html>.

PHẦN IV – KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Các kết quả phân tích tại các phần trên của Nghiên cứu này dẫn đến một số kết luận như sau:

Thứ nhất, nguyên tắc phòng ngừa ("Principle of Prevention"), nguyên tắc thận trọng ("Precautionary Principle") và nguyên tắc "Người gây ô nhiễm phải trả tiền" ("Polluter Pays" Principle) là ba trong số **những nguyên tắc cốt lõi của pháp luật quốc tế trong lĩnh vực môi trường**. Nguyên tắc phòng ngừa đặt ra nghĩa vụ cần trọng đối với các quốc gia, yêu cầu các quốc gia phải kiểm soát các hoạt động trong phạm vi lãnh thổ của mình để ngăn ngừa thiệt hại xuyên biên giới. Nguyên tắc thận trọng thì hướng tới điều chỉnh các tình huống mà khoa học không chắc chắn về thiệt hại tiềm tàng của một hoạt động, yêu cầu can thiệp về mặt pháp lý ngay cả khi không có chứng cứ khoa học kết luận, với điều kiện là rủi ro gây hại là hợp lý và có hậu quả tiềm tàng nghiêm trọng. Còn nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền nhằm đảm bảo các cá nhân và pháp nhân chịu trách nhiệm về sự suy thoái môi trường phải chịu hậu quả tài chính và pháp lý cho hành động của họ. Các nguyên tắc này **gợi ý một số hướng ứng dụng trong hệ thống pháp luật các quốc gia**, ví dụ như việc đảo ngược nghĩa vụ chứng minh truyền thống trong các tranh chấp về môi trường, khả năng xây dựng các cơ chế bồi thường áp dụng với các thiệt hại trong quá khứ, hiện tại và tương lai, hay việc đảm bảo các nghĩa vụ khắc phục môi trường vẫn tiếp tục ngay cả sau khi doanh nghiệp gây ô nhiễm giải thể hoặc phá sản.

Thứ hai, Việt Nam đã tham gia **một số công ước quốc tế quan trọng về thiết lập các tiêu chuẩn trách nhiệm về môi trường**, đặc biệt trong các lĩnh vực ô nhiễm dầu, quản lý chất thải nguy hại và thiệt hại môi trường xuyên biên giới, bao gồm Công ước quốc tế năm 1992 về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất do ô nhiễm dầu (CLC 1992), Công ước quốc tế năm 2001 về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất do ô nhiễm dầu nhiên liệu (Công ước Bunker 2001), Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS), và Công ước Basel năm 1989 về Kiểm soát việc vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại và việc xử lý chất thải nguy hại (Công ước Basel 1989). Các công ước này tạo ra các nghĩa vụ ràng buộc đối với Việt Nam, đòi hỏi phải thực hiện hiệu quả trên phạm vi quốc gia để tăng cường cơ chế trách nhiệm, đảm bảo tuân thủ và ngăn ngừa thiệt hại về môi trường. Liên quan tới BTTHVMT, các công ước trên có một số quy định liên quan tới cơ chế xác định trách nhiệm và mối quan hệ nhân quả, nghĩa vụ chứng minh và cơ chế bồi thường, vai trò của ý kiến chuyên gia, cơ chế giải quyết tranh chấp bằng tòa án và các phương pháp giải quyết tranh chấp ngoài tòa án. Cần nhắc những quy định này, **các quốc gia tham gia các công ước trên (như Việt Nam) nên lưu ý**:

- i. Đảm bảo quy định rõ các nguyên tắc về trách nhiệm, đặc biệt liên quan đến giả định về mối quan hệ nhân quả, giới hạn trách nhiệm và phạm vi BTTHVMT;
- ii. Đánh giá liệu hệ thống pháp luật quốc gia có quy định cơ chế bồi thường thỏa đáng cho các nạn nhân ô nhiễm hay không và có cần cải cách pháp luật để nâng cao việc thực thi trách nhiệm và các điều khoản bảo đảm tài chính hay không;
- iii. Tăng cường vai trò của giám định môi trường và đánh giá khoa học trong các vụ kiện BTTHVMT bằng cách tích hợp ý kiến chuyên gia vào khung pháp luật tố tụng;
- iv. Cân nhắc việc sử dụng đa dạng các biện pháp giải quyết tranh chấp và phương thức để nâng cao hiệu quả của các biện pháp giải quyết tranh chấp.

Thứ ba, các phân tích về **trách nhiệm dân sự** áp dụng cho các cá nhân và pháp nhân theo hệ thống pháp luật của các quốc gia liên quan tới BTTHVMT cho thấy một số vấn đề đáng lưu ý cả về luật nội dung và luật hình thức. Trước hết, cần nhìn nhận việc BVMT như **một giá trị pháp lý độc lập**, bên cạnh việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân bị thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm. **Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng** là một cơ chế bảo vệ phổ biến để ràng buộc trách nhiệm đối với các cá nhân, tổ chức gây ô nhiễm. **Việc áp dụng Trách nhiệm nghiêm ngặt/không tính đến yếu tố lỗi (“Strict Liability”) đặc biệt quan trọng** trong bối cảnh BTTHVMT vì nó chuyển trọng tâm từ việc chứng minh lỗi sang đảm bảo những người tham gia vào các hoạt động rủi ro cao phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hậu quả của hành động của họ. Các quốc gia cũng nên lưu ý về cơ chế *actio popularis* – cơ chế cho phép các bên bị ảnh hưởng hoặc các nhóm hoạt động vì lợi ích công tìm kiếm sự can thiệp của tòa án để giải quyết các hoạt động gây ra mối đe dọa nghiêm trọng đến môi trường, và một số vấn đề tố tụng khác như việc sử dụng ý kiến chuyên gia trong xác định thiệt hại... **Một số thách thức** mà các quốc gia thường gặp phải trong việc quy định trách nhiệm dân sự đối với các tổ chức, cá nhân liên quan tới BTTHVMT có thể kể tới như:

- i. Phân biệt giữa các thủ tục pháp lý dựa trên quyền sở hữu tài sản (liên quan tới thiệt hại của cá nhân, tổ chức) và các thủ tục về trách nhiệm đối với môi trường (liên quan tới thiệt hại đối với môi trường);
- ii. Vấn đề về tư cách pháp lý và khả năng tài chính của những người có quyền khởi kiện;
- iii. Việc thiết lập các biện pháp khắc phục rõ ràng và đảm bảo tính tương xứng; và

- iv. Thiết lập các tiêu chuẩn chứng cứ và mối quan hệ nhân quả trong các vụ việc môi trường.

Thứ tư, Liên minh Châu Âu, Đức và Hoa Kỳ có thể coi là **những thực tiễn tốt** về quy định pháp luật và thực thi quy định về BTTHVMT. Trong khi đó, Indonesia đang cho thấy **một số thách thức nhất định** trong việc hoàn thiện khung pháp lý và cả thực thi quy định về BTTHVMT. Những đặc điểm nổi bật về cơ sở pháp lý của trách nhiệm BTTHVMT, nghĩa vụ chứng minh, phạm vi thiệt hại có thể được bồi thường, ý kiến chuyên gia, và các cơ chế giải quyết tranh chấp của các quốc gia/khu vực này được tóm tắt ở **Bảng 1** dưới đây. Một số điểm nổi bật tích cực đáng lưu ý của các quốc gia/khu vực này có thể kể tới như:

- Liên minh Châu Âu đưa ra cơ chế bồi thường mang tính bước ngoặt cho những cá nhân bị tổn hại sức khỏe do vi phạm **ô nhiễm không khí** tại Chỉ thị về chất lượng không khí xung quanh (AAQD).
- Đức đưa ra **các tiêu chuẩn đối với ý kiến chuyên gia** - với các trường hợp liên quan đến ô nhiễm đất, đánh giá của chuyên gia phải tuân thủ các tiêu chuẩn do Đạo luật bảo vệ đất liên bang và các sắc lệnh liên quan đặt ra.
- Hoa Kỳ thiết lập **trách nhiệm pháp lý hồi tố** - những người gây ô nhiễm trong quá khứ vẫn phải chịu trách nhiệm pháp lý về thiệt hại môi trường, đồng thời áp dụng các **mô hình khoa học và kỹ thuật định giá tiên tiến** để xác định mức chịu trách nhiệm của doanh nghiệp.
- Indonesia quy định thiệt hại có thể được bồi thường bao gồm cả **chi phí cho các thủ tục pháp lý**.

Bảng 1: Tổng hợp các nội dung chính về BTTHVMT tại các quốc gia/khu vực thuộc phạm vi nghiên cứu

	Liên minh Châu Âu	Đức	Hoa Kỳ	Indonesia
Cơ sở pháp lý của trách nhiệm BTTHVMT	- Chỉ thị 2004/35/EC về Trách nhiệm môi trường – tập trung vào vấn đề phục hồi môi trường. - Phân biệt giữa hai hình thức trách nhiệm chính: trách nhiệm nghiêm ngặt và trách nhiệm dựa trên lỗi. - Yêu cầu phải chứng minh được mối liên hệ nhân quả (thực tế thường dựa vào ý kiến chuyên gia và mô hình mang tính khoa học). - Áp dụng nghĩa vụ liên đới.	- Đạo luật về thiệt hại môi trường chuyển đổi Chỉ thị 2004/35/EC vào pháp luật của Đức. Đạo luật trách nhiệm môi trường tồn tại song song – tập trung vào thiệt hại con người và tài sản. - Trách nhiệm đối với môi trường ở Đức trước đó đã được điều chỉnh bởi các luật chuyên ngành. - Trách nhiệm đối với môi trường vừa nghiêm ngặt vừa dựa trên lỗi (tương tự Chỉ thị 2004/35/EC).	- Đạo luật không khí sạch (CAA), Đạo luật nước sạch (CWA), Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường (CERCLA)... - Cơ quan BVMT Hoa Kỳ (EPA) được phép xác định trách nhiệm đối với các thiệt hại đã xảy ra hoặc có thể xảy ra do việc xả các chất độc hại có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe con người và môi trường. - Thiết lập trách nhiệm pháp lý hồi tố, những người gây ô nhiễm trong quá khứ vẫn phải chịu trách nhiệm pháp lý về thiệt hại môi trường. - Trách nhiệm nghiêm ngặt và trách nhiệm liên đới.	- Luật số 32 năm 2009 về Bảo vệ và quản lý môi trường (UUPPLH), Bộ luật Dân sự (KUHPPerdata). - Áp dụng trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt. - Việc khái quát hóa định giá tổn thất dựa trên diện tích đất bị ảnh hưởng, ước tính ở mức 400 triệu IDR (<i>khoảng 620 triệu VND</i>) cho mỗi ha bị chỉ trích vì tính máy móc. - Không định nghĩa rõ ràng cách định lượng các tổn thất môi trường phi vật chất. - Áp dụng nguyên tắc thận trọng nhưng không có hướng dẫn pháp lý rõ ràng về thời điểm và cách thức áp dụng.

	Liên minh Châu Âu	Đức	Hoa Kỳ	Indonesia
Nghĩa vụ chứng minh	- Được quy định bởi các quy tắc tố tụng quốc gia. - Nhìn chung, nghĩa vụ thuộc về người yêu cầu bồi thường; riêng với các trường hợp liên quan đến trách nhiệm nghiêm ngặt thì chuyển nghĩa vụ chứng minh sự không hợp lý về mặt nhân quả sang bị đơn.	- Giả định có mối liên hệ nhân quả giữa hoạt động của cơ sở đó và thiệt hại về môi trường, tuy nhiên có cơ chế bác bỏ trách nhiệm dành cho doanh nghiệp. - Trong các vụ việc yêu cầu chứng minh lỗi, người đưa ra yêu cầu bồi thường, thường là cơ quan nhà nước hoặc bên bị ảnh hưởng, có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ về hành vi vi phạm.	- Theo Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường, nguyên đơn (thường là chính phủ) chỉ cần chứng minh ô nhiễm đã xảy ra và bị đơn phải chịu trách nhiệm. - Với các vụ việc đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo thông luật như gây phiền toái ("nuisance"), xâm phạm ("trespass") hoặc sơ suất ("negligence") yêu cầu nguyên đơn phải chứng minh cả mối quan hệ nhân quả.	- Chuyển nghĩa vụ chứng minh từ nguyên đơn (thường là cộng đồng bị ảnh hưởng hoặc cơ quan môi trường) sang bị đơn. - Không có định nghĩa về tiêu chuẩn chứng cứ cho sự chắc chắn về mặt khoa học trong các vụ việc về môi trường.
Phạm vi và bản chất của thiệt hại có thể được bồi thường	- Tập trung vào bồi thường phục hồi. - Thiệt hại về môi trường bao gồm: Thiệt hại đối với các loài và môi trường sống được bảo vệ; Thiệt hại về nước; Thiệt hại về đất.	- Thiệt hại về môi trường bao gồm thiệt hại với các nguồn nước (bao gồm nước mặt, nước ngầm và vùng nước ven biển); các loài được bảo vệ và môi trường sống tự nhiên; và đất đai.	- Thiệt hại có thể được bồi thường bao gồm: Chi phí khắc phục, tổn thất kinh tế, thiệt hại về tài nguyên thiên nhiên, thiệt hại về sức khỏe con người. - Có phương pháp tính toán bồi thường mang tính trừng phạt - nhân thiệt hại được bồi thường	03 loại thiệt hại chính có thể được bồi thường bao gồm: - Tổn thất kinh tế trực tiếp (thiệt hại về tài sản, mất kế sinh nhai và chi phí y tế); - Chi phí phục hồi môi trường (chi phí tái trồng rừng và chi phí phục hồi hệ sinh thái);

	Liên minh Châu Âu	Đức	Hoa Kỳ	Indonesia
	- Chỉ thị về chất lượng không khí xung quanh (AAQD) đưa ra cơ chế bồi thường cho những cá nhân bị tổn hại sức khỏe do vi phạm ô nhiễm không khí. - Về mặt tính toán thiệt hại, Chỉ thị 2004/35/EC yêu cầu một khuôn khổ khắc phục ba cấp độ - khôi phục về tình trạng cơ bản trước ô nhiễm, nếu không thể thì cải thiện bổ sung ở nơi khác, và bồi thường đến khi khôi phục hoàn toàn.	- Đạo luật bảo vệ đất liên bang quy định trách nhiệm đối với nhiều đối tượng gây ô nhiễm, bao gồm cả chủ đất cũ và người kế nhiệm. - Các biện pháp khắc phục theo luật pháp Đức tuân theo khuôn khổ khắc phục ba cấp độ tương tự như Chỉ thị 2004/35/EC. Trong trường hợp việc khắc phục là không khả thi hoặc quá tốn kém, có thể cần phải bồi thường tài chính. - Các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm BVMT có thể thực hiện các biện pháp khắc phục và yêu cầu hoàn trả từ bên gây ô nhiễm có trách nhiệm.	thực tế với một hệ số (thường nằm trong khoảng từ 1,5 đến 5), tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của thiệt hại; và phương pháp tính theo ngày (Per Diem) – tính toán thiệt hại dựa trên tỷ lệ mỗi ngày của các ảnh hưởng hay tác động đối với môi trường. - Áp dụng các phương pháp tiên tiến trong việc xác định mức chịu trách nhiệm của doanh nghiệp và hướng dẫn các nỗ lực phục hồi sinh thái (ví dụ các kỹ thuật định giá kinh tế như Phương pháp chi phí du hành (Travel Cost Method), Phương pháp Định giá hưởng thụ (Hedonic Pricing), và mô hình thủy động lực học để định lượng thiệt hại đối với môi trường).	- Thiệt hại phi vật chất (thiệt hại về đa dạng sinh học, thiệt hại sinh thái và thiệt hại về văn hóa).
Ý kiến chuyên gia	- Đóng vai trò chính trong việc đánh giá thiệt hại đối với	- Tương tự như Liên minh Châu Âu.	- Tòa án xem xét kỹ ý kiến của chuyên gia theo tiêu chuẩn	- Sự mâu thuẫn giữa các báo cáo chuyên gia đã dẫn tới việc

	Liên minh Châu Âu	Đức	Hoa Kỳ	Indonesia
	môi trường, xác định mối quan hệ nhân quả và xác định các biện pháp khắc phục phù hợp. - 03 hình thức tham gia của chuyên gia – khi các cơ quan môi trường đánh giá ban đầu, chuyên gia của nguyên đơn và bị đơn, và chuyên gia do toà án chỉ định.	- Khi ý kiến chuyên gia chỉ ra khả năng gây hại cho môi trường cao, tòa án và cơ quan quản lý có thể áp dụng các nghĩa vụ phòng ngừa hoặc khắc phục ngay cả khi không có chứng cứ xác đáng. - Trong các trường hợp liên quan đến ô nhiễm đất, đánh giá của chuyên gia phải tuân thủ các tiêu chuẩn do Đạo luật bảo vệ đất liên bang và các sắc lệnh liên quan đặt ra.	Daubert - tiêu chuẩn này yêu cầu chứng cứ khoa học phải đáng tin cậy, phù hợp và có phương pháp luận hợp lý.	toà án bác đơn kiện của nguyên đơn, thể hiện nhu cầu có các chuyên gia độc lập do tòa án chỉ định. - Tòa án yêu cầu giám định môi trường chi tiết, nhưng các cơ quan chính phủ thường không có đủ năng lực để cung cấp các phân tích khoa học chắc chắn.
Các cơ chế giải quyết tranh chấp về môi trường	- Cơ chế thực thi chính theo Chỉ thị 2004/35/EC là hành chính - các cơ quan quản lý của các quốc gia chịu trách nhiệm xác định thiệt hại về môi trường, áp dụng các nghĩa vụ khắc phục, và giám sát việc tuân thủ. - Tổ tụng tư pháp vẫn là một lựa chọn trong trường hợp doanh nghiệp khiếu nại các	- Cơ chế thực thi chính là cơ chế hành chính, với các cơ quan môi trường ở cấp liên bang và cấp tiểu bang chịu trách nhiệm xác định thiệt hại về môi trường, đưa ra các biện pháp khắc phục, và giám sát việc tuân thủ các quy định về môi trường. - Khuyến khích các cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế	- Áp dụng nhiều cơ chế như khởi kiện tại tòa án, thực thi hành chính, và giải quyết tranh chấp thay thế (hoà giải và trọng tài).	- Áp dụng nhiều cơ chế như khởi kiện tại tòa án, các biện pháp xử lý hành chính và giải quyết tranh chấp thay thế (thương lượng, hòa giải và trọng tài).



Liên minh Châu Âu		Đức	Hoa Kỳ	Indonesia
	quyết định hành chính hay các bên ở khu vực tư nhân yêu cầu bồi thường theo quy định về trách nhiệm dân sự. - Các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế như hòa giải và trọng tài ngày càng được thúc đẩy. - Một số quốc gia thành viên đã thành lập các tòa án hoặc hội đồng xét xử chuyên trách về môi trường.	như hòa giải và giải quyết thông qua thương lượng. - Một số tiểu bang đã thành lập các trung tâm hòa giải môi trường chuyên biệt, cung cấp nền tảng để giải quyết các tranh chấp giữa những người gây ô nhiễm, cơ quan quản lý và cộng đồng bị ảnh hưởng.		

Thứ năm, khung pháp luật hiện hành của Việt Nam, đặc biệt là các quy định của Luật BVMT 2020, cho thấy **hiều điểm tương đồng với pháp luật quốc tế và pháp luật của các quốc gia/khu vực trong phạm vi nghiên cứu**, thể hiện qua những điểm sau:

- i. **Phân loại rõ 02 loại thiệt hại** do ô nhiễm, suy thoái môi trường gây ra, bao gồm (i) Suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; và (ii) Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra, với sự khác biệt về mặt quy trình bồi thường thiệt hại: Tương đồng với xu hướng coi việc BVMT là một giá trị pháp lý riêng, phù hợp với pháp luật của Đức khi có 02 đạo luật tồn tại song song - một văn bản quy định về phục hồi môi trường, một văn bản tập trung vào thiệt hại con người và tài sản.
- ii. **Áp dụng các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với các thiệt hại của cá nhân và tổ chức**: Tương đồng với xu hướng pháp luật của các quốc gia như Hoa Kỳ và Indonesia về lựa chọn cơ chế pháp lý để ràng buộc trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm.
- iii. **Ghi nhận nguyên tắc về bồi thường toàn bộ thiệt hại**, trong đó làm rõ phạm vi chịu trách nhiệm của người gây ô nhiễm: Tương đồng với nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền của pháp luật môi trường quốc tế – là nền tảng của pháp luật về trách nhiệm đối với môi trường của Liên minh Châu Âu và Hoa Kỳ.
- iv. **Không xác định yếu tố lỗi là điều kiện làm phát sinh trách nhiệm BTTHVMT**: Phù hợp với cách tiếp cận trách nhiệm nghiêm ngặt/không tính đến yếu tố lỗi (“Strict Liability”) của pháp luật quốc tế. Các khu vực và quốc gia trong phạm vi nghiên cứu, bao gồm Liên minh Châu Âu, Đức, Hoa Kỳ, Indonesia, cũng đều áp dụng cách tiếp cận trách nhiệm nghiêm ngặt này. Lưu ý thêm là Liên minh Châu Âu và Đức áp dụng song song cách tiếp cận trách nhiệm nghiêm ngặt và dựa trên lỗi, theo đó cách tiếp cận nghiêm ngặt chỉ áp dụng đối với các hoạt động nguy hại với môi trường.
- v. **Chuyển nghĩa vụ chứng minh sang cho tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm (thể hiện qua quy định về trường hợp ngoại lệ không phải bồi thường thiệt hại)**: Phù hợp với nguyên tắc thận trọng của pháp luật quốc tế và khá giống với cơ chế bác bỏ trách nhiệm dành cho doanh nghiệp theo pháp luật của Đức. Việc đảo ngược nghĩa vụ chứng minh sang cho bị đơn cũng được áp dụng trong pháp luật của Liên minh Châu Âu, Đức (với các vụ việc áp dụng trách nhiệm nghiêm ngặt), Hoa Kỳ (với các vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường), và Indonesia.

- vi. *Quy định cơ cấu, thành phần của Hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ **bao gồm cả các chuyên gia** có chuyên môn về lĩnh vực môi trường và các lĩnh vực có liên quan:* Phù hợp với xu hướng của pháp luật quốc tế và các quốc gia/khu vực trong phạm vi nghiên cứu trong việc trọng dụng ý kiến chuyên gia trong xác định thiệt hại và trách nhiệm trong các vụ việc BTTHVMT.
- vii. *Thứ tự ưu tiên các **phương án xử lý, phục hồi môi trường**:* Thứ tự các phương án theo quy định của pháp luật Việt Nam khá giống với quy định của Hoa Kỳ liên quan tới thẩm quyền của Cơ quan BVMT Hoa Kỳ (EPA) trong việc yêu cầu các bên gây ô nhiễm lập kế hoạch khắc phục và thực hiện dưới sự giám sát của Cơ quan này; trường hợp các bên gây ô nhiễm không nộp hoặc không thực hiện kế hoạch thì Cơ quan BVMT Hoa Kỳ sẽ tự lập kế hoạch và yêu cầu các bên gây ô nhiễm thực hiện, nếu không thì Cơ quan này sẽ sử dụng tiền từ Quỹ chất độc hại để thực hiện kế hoạch và truy đòi từ các bên gây ô nhiễm.
- viii. *Quy định **cơ chế uỷ quyền** xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại giữa cá nhân, tổ chức với cơ quan nhà nước:* Phù hợp với xu hướng hỗ trợ tăng khả năng tiếp cận công lý về môi trường cho người dân.
- ix. *Ghi nhận các **phương thức giải quyết tranh chấp** bao gồm thương lượng, hoà giải, trọng tài bên cạnh phương thức giải quyết tranh chấp tại Tòa án:* Phù hợp với xu hướng của pháp luật quốc tế và các quốc gia/khu vực trong phạm vi nghiên cứu trong việc ưu tiên các phương pháp giải quyết tranh chấp thay thế (ADR).

Thứ sáu, bên cạnh những điểm tương đồng nêu trên, Nghiên cứu còn cho thấy **một số nội dung quy định liên quan tới BTTHVMT trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành chưa thực sự rõ ràng hoặc có sự khác biệt với pháp luật của các quốc gia/khu vực** thuộc phạm vi nghiên cứu. Các điểm khác biệt này không đồng nghĩa với việc pháp luật Việt Nam còn nhiều hạn chế mà thay vào đó thể hiện sự khác nhau trong cách tiếp cận về cùng một vấn đề giữa các quốc gia, khu vực. Những điểm khác biệt này có thể là gợi ý để các nhà lập pháp Việt Nam cân nhắc và lựa chọn cách tiếp cận phù hợp nhất với bối cảnh Việt Nam trong tương lai khi sửa đổi các văn bản pháp luật liên quan.

- i. Pháp luật Việt Nam **không quy định cụ thể các phương pháp khoa học có thể áp dụng để tính toán thiệt hại** – vấn đề này là phù hợp với thực tế do tính đa dạng và sự phát triển nhanh chóng của các phương pháp khoa học. Ngoài ra, hiện nay tại Việt Nam **cũng chưa có án lệ nào liên quan tới BTTHVMT để gợi ý về những phương pháp khoa học phù hợp**. Vụ Deepwater Horizon (2010) của Hoa Kỳ cho thấy tầm quan trọng của việc áp dụng các phương pháp

khoa học như Phương pháp chi phí du hành (Travel Cost Method), Phương pháp Định giá hưởng thụ (Hedonic Pricing), Phân tích nơi cư trú tương đương (HEA), mô hình thủy động lực học... Việc tính toán thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái gây ra đối với một khu vực địa lý bao gồm thiệt hại đối với môi trường nước, môi trường đất, hệ sinh thái, và các loài động vật, thực vật của Nghị định 08/2022/NĐ-CP **chưa bao gồm thiệt hại do ô nhiễm không khí** – việc bồi thường do ô nhiễm không khí đã được pháp luật của Liên minh Châu Âu và Hoa Kỳ quy định.

- ii. Quy định cho phép người dân, tổ chức uỷ quyền cho cơ quan nhà nước là một trường hợp khá đặc thù trong hệ thống pháp luật hiện hành. Hiện nay **chưa có hướng dẫn cụ thể về việc cơ quan nhà nước thực hiện công việc theo uỷ quyền** của cá nhân, tổ chức để xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Các quy định hiện nay cũng chưa thống nhất về việc xác định cơ quan có thẩm quyền được uỷ quyền từ cá nhân, tổ chức để thực hiện việc xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại **là UBND tỉnh hay Sở NNMT**. Việc quy định người dân có thể uỷ quyền cho cơ quan nhà nước “*xác định thiệt hại và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại*” chưa rõ ràng về việc người dân có thể uỷ quyền từng công việc hay phải uỷ quyền cả 02 công việc. Cơ chế uỷ quyền giữa tổ chức, cá nhân bị thiệt hại với cá nhân, tổ chức khác hoặc với cơ quan có thẩm quyền trong việc xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại **chưa có quy định cụ thể** để xác định trách nhiệm chi trả của tổ chức, cá nhân gây thiệt hại về môi trường (ví dụ chi phí thuê luật sư). Tại Indonesia, pháp luật của nước này quy định một trong những thiệt hại có thể được bồi thường là chi phí cho các thủ tục pháp lý.
- iii. Một số quy định của BLDS 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP **có thể chưa bao quát được hết các đặc thù của phương thức xác định thiệt hại về môi trường** khi chỉ cho phép bồi thường thiệt hại thực tế và đã xảy ra. Theo đó, các cá nhân trong vùng bị ô nhiễm không được bồi thường các chi phí theo dõi sức khỏe thường xuyên trong tương lai để phát hiện kịp thời các bệnh có nguyên nhân từ hành vi gây ô nhiễm. BLDS 2015 và Luật BVMT 2020 cũng chưa có quy định về cơ chế giải quyết trường hợp kế thừa nghĩa vụ bồi thường thiệt hại khi doanh nghiệp vi phạm đã chấm dứt hoạt động (giải thể hoặc phá sản). Việt Nam hiện nay **chưa có các quy định liên quan tới áp dụng pháp luật hồi tố trong các vụ việc BTTHVMT**. Hoa Kỳ áp dụng chế định trách nhiệm đối với ô nhiễm xảy ra trước khi văn bản luật liên quan được ban hành và xác định các chủ thể liên quan trong quá khứ, ví dụ chủ sở hữu hoặc đơn vị vận hành vào thời điểm phát tán chất gây ô nhiễm bên cạnh các chủ thể hiện tại.

- iv. Luật Trọng tài thương mại 2010 và Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hoà giải thương mại đều xác định phạm vi tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài thương mại và hoà giải bao gồm tranh chấp giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; đồng thời đều cho phép các bên có thể thoả thuận lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp bằng một thoả thuận giải quyết tranh chấp độc lập – thoả thuận này có thể được lập sau khi tranh chấp đã xảy ra. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy trọng tài thương mại dường như chưa giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực môi trường. Do đó, các quy định hiện hành cần phải hoàn thiện hơn để có thể giải quyết BTTHVMT theo Luật BVMT 2020 **bằng phương thức hoà giải thương mại và phương thức trọng tài thương mại**.
- v. Theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020, các tranh chấp BTTHVMT nếu liên quan tới thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường thì **có thể không được hoà giải** nếu có thiệt hại liên quan đến tài sản của Nhà nước. Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra thì có thể được thực hiện bằng phương thức hoà giải tại Tòa án. Tuy nhiên Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 **không có quy định rõ ràng về việc tổ chức cùng một phiên hoà giải tại Tòa án hoặc gộp phiên hoà giải** nếu có cùng một bị đơn hoặc nội dung, tính chất của các đơn khởi kiện giống nhau, do đó có thể chưa phù hợp với số lượng lớn người bị thiệt hại trong các vụ kiện BTTHVMT.
- vi. Mặc dù **thời hiệu 03 năm** của các vụ việc BTTHVMT được tính từ ngày tổ chức, cá nhân biết hoặc phải biết thiệt hại do hành vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân khác, mà không phải là thời điểm hành vi vi phạm pháp luật xảy ra, và dường như đủ để người bị thiệt hại thu thập các bằng chứng liên quan và thực hiện việc khởi kiện, vẫn có quan điểm cho rằng thời hiệu 03 năm là quá ngắn. Bên cạnh đó, cũng có quan điểm lo ngại về **kiến thức, chuyên môn về môi trường** của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân chưa đồng đều dẫn đến những khó khăn trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến môi trường. Tại Đức, một số tiểu bang đã thành lập các trung tâm hòa giải môi trường chuyên biệt, cung cấp nền tảng để giải quyết các tranh chấp giữa những người gây ô nhiễm, cơ quan quản lý và cộng đồng bị ảnh hưởng. Trong Liên minh Châu Âu, một số quốc gia thành viên cũng đã thành lập các tòa án hoặc hội đồng xét xử chuyên trách về môi trường. Còn tại Việt Nam, theo Luật Tổ chức Tòa án 2024, hiện nay Việt Nam **chưa có Tòa chuyên trách về môi trường**.

Học hỏi từ pháp luật quốc tế và kinh nghiệm của các quốc gia/khu vực được phân tích trong phạm vi nghiên cứu, Nghiên cứu này đưa ra một số đề xuất như sau để hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về BTTHVMT và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp BTTHVMT:

Thứ nhất, quy định chi tiết hơn về **cơ chế uỷ quyền** giữa tổ chức, cá nhân bị thiệt hại với cá nhân, tổ chức khác hoặc với cơ quan có thẩm quyền trong việc (i) xác định thiệt hại và (ii) yêu cầu bồi thường thiệt hại, bao gồm cả việc làm rõ có thể uỷ quyền một trong hai công việc cho một hoặc nhiều chủ thể khác, và làm rõ quy trình thực hiện công việc theo uỷ quyền trong trường hợp người được uỷ quyền là cơ quan nhà nước. Cần quy định rõ vấn đề **chi phí** hợp lý để thực hiện công việc theo uỷ quyền và thù lao trả cho bên được uỷ quyền (ví dụ chi phí thuê luật sư) **phải do tổ chức, cá nhân gây thiệt hại về môi trường chi trả**. Thống nhất quy định về cơ quan có thẩm quyền được uỷ quyền từ cá nhân, tổ chức để thực hiện việc xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại là UBND tỉnh hay Sở NNMT.

Thứ hai, nghiên cứu quy định một số **nội dung đặc thù về bồi thường thiệt hại** so với BLDS 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP để phù hợp với đặc thù của các vụ việc BTTHVMT, ví dụ như mở rộng ranh giới không chỉ bồi thường thiệt hại thực tế/đã xảy ra mà còn **bồi thường cả các chi phí hợp lý trong tương lai** như chi phí theo dõi sức khoẻ thường xuyên đối với các cá nhân trong vùng bị ô nhiễm để phát hiện kịp thời các bệnh có nguyên nhân từ hành vi gây ô nhiễm. Cần nhắc khả năng bổ sung quy định về trường hợp **kế thừa nghĩa vụ bồi thường thiệt hại khi doanh nghiệp vi phạm đã chấm dứt hoạt động** (giải thể hoặc phá sản). Cần nhắc về việc áp dụng **trách nhiệm hồi tố** đối với các vụ việc BTTHVMT và **mở rộng phạm vi xác định các chủ thể có khả năng liên quan** (bao gồm chủ sở hữu và đơn vị vận hành trong quá khứ vào thời điểm xả thải, đơn vị vận chuyển, xử lý, tiêu huỷ chất thải...) như quy định của Hoa Kỳ.

Thứ ba, cần nhắc khả năng **bổ sung thiệt hại do ô nhiễm không khí** bên cạnh các thiệt hại đối với môi trường đất, nước như quy định hiện hành khi tính toán thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường. Kinh nghiệm của Liên minh Châu Âu và Hoa Kỳ trong vấn đề này là những ví dụ tốt. Bên cạnh đó, có thể cần nhắc bổ sung các **tiêu chuẩn cụ thể đối với ý kiến chuyên gia** trong các vụ việc về BTTHVMT. Có thể tham khảo tiêu chuẩn Daubert của Hoa Kỳ - tiêu chuẩn này yêu cầu chứng cứ khoa học phải đáng tin cậy, phù hợp và có phương pháp luận hợp lý.

Thứ tư, nên **lựa chọn, phát triển các án lệ liên quan tới BTTHVMT** đối với cả 02 loại thiệt hại - (i) Suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; và (ii) Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra. Các án

lệ này nên nêu rõ cách tiếp cận trách nhiệm nghiêm ngặt của pháp luật Việt Nam và việc chuyển nghĩa vụ chứng minh sang cho bị đơn, đặc biệt nên **làm rõ các phương pháp khoa học được áp dụng để tính toán thiệt hại và xác định trách nhiệm của bên gây ô nhiễm**, ví dụ như Phương pháp chi phí du hành (Travel Cost Method), Phương pháp Định giá hưởng thụ (Hedonic Pricing), Phân tích nơi cư trú tương đương (HEA), mô hình thủy động lực học... như trong vụ việc Deepwater Horizon (2010) của Hoa Kỳ.

Thứ năm, làm rõ **việc giải quyết tranh chấp** BTTHVMT theo Luật BVMT 2020 có thể được áp dụng các quy định về **hoà giải thương mại và trọng tài thương mại** để tận dụng đội ngũ hoà giải viên, trọng tài viên và tổ chức hoà giải, trọng tài thương mại như trường hợp của Luật BVQLNTD. Nên quy định cụ thể về thủ tục, cơ chế hoà giải tranh chấp BTTHVMT để các trung tâm hoà giải, trọng tài thương mại hoặc tổ chức hoà giải khác có thể áp dụng. Việt Nam cần nghiên cứu thành lập các **trung tâm hoà giải chuyên biệt về môi trường** như ở Đức. Tương tự như quy định về hoà giải tranh chấp đất đai, mô hình hoà giải cần có sự tham gia của cơ quan hành chính nhà nước và các chủ thể khác cùng thực hiện hoà giải tranh chấp BTTHVMT tương tự như giải quyết tranh chấp đất đai theo pháp luật đất đai. Đối với trường hợp áp dụng cơ chế hoà giải tại Tòa án, Tòa án nhân dân tối cao cần có hướng dẫn rõ ràng về trường hợp các tranh chấp BTTHVMT về thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường thì có thể không được hoà giải nếu có thiệt hại liên quan đến tài sản của Nhà nước theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020. Với trường hợp thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra, nếu hoà giải tại Tòa án thì pháp luật Việt Nam cần nghiên cứu cho phép gộp phiên hoà giải để đảm bảo tất cả những người bị thiệt hại trong các vụ kiện BTTHVMT có liên quan đều có thể tham gia cùng phiên hoà giải.

Thứ sáu, nghiên cứu về **sự phù hợp của thời hiệu** 03 năm với các vụ việc tranh chấp BTTHVMT, đặc biệt đặt trong bối cảnh Điều 155 BLDS 2015 đã có quy định về **các trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện** – trong đó cho phép các luật quy định trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện; đồng thời đảm bảo sự tương thích về cách xác định thời hiệu đối với các tranh chấp BTTHVMT giữa Dự thảo Nghị quyết Thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự công ích đang được soạn thảo với BLTTDS và Luật BVMT. Nghiên cứu bổ sung quy định của Luật BVMT về việc xác định các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra (cá nhân bị thiệt hại về tính mạng, sức khỏe; cá nhân, tổ chức bị thiệt hại về tài sản và lợi ích hợp pháp) là một nhóm dễ bị tổn thương (về môi trường) để thiết lập căn cứ pháp lý cho việc Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện bảo vệ quyền của các chủ thể này theo Dự thảo Nghị quyết Thí điểm Viện

kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự công ích. Bên cạnh đó, có các biện pháp **nâng cao kiến thức, chuyên môn** về môi trường của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến môi trường. Cần nhắc thêm về **cơ chế Tòa chuyên trách hoặc hội đồng xét xử chuyên trách** về môi trường trong tương lai như một số quốc gia trong Liên minh Châu Âu đã thực hiện.

Cuối cùng, Nghiên cứu này chủ yếu mang tính gợi mở, nhiều vấn đề cần được nghiên cứu cụ thể hơn nếu dự kiến chuyển hoá thành quy định pháp luật, đặc biệt là nghiên cứu về các quy định pháp luật cụ thể điều chỉnh từng chế định tương ứng của các quốc gia/khu vực và việc thực thi các quy định đó trên thực tế, sau đó mới có thể thực hiện việc so sánh và đánh giá tác động để tìm ra hướng quy định phù hợp nhất với bối cảnh Việt Nam./.

PHỤ LỤC I – DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Các công ước

1. Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982;
2. Công ước Basel năm 1989 về Kiểm soát việc vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại và việc xử lý chất thải nguy hại;
3. Công ước quốc tế năm 1992 về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất do ô nhiễm dầu;
4. Công ước quốc tế năm 2001 về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất do ô nhiễm dầu nhiên liệu;

Văn bản pháp luật của Việt Nam

1. Hiến pháp 2013;
2. BLDS 2015;
3. Bộ luật TTDS 2015;
4. Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;
5. Luật BVMT 2005;
6. Luật Trọng tài thương mại 2010;
7. Luật Hòa giải cơ sở 2013;
8. Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 2013;
9. Luật Đất đai 2013;
10. Luật BVMT 2014;
11. Luật BVMT 2020;
12. Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020;
13. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023;
14. Luật Đất đai 2024;
15. Nghị định 15/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hòa giải ở cơ sở;
16. Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
17. Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại;
18. Nghị định 145/2020/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;
19. Nghị định 148/2020/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai;
20. Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật BVMT;
21. Nghị định 45/2022/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
22. Nghị định 102/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đất đai;
23. Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng quy định của BLDS 2015 về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

24. Thông tư 05/2021/TT-BTNMT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở TNMT thuộc UBND cấp tỉnh, Phòng TNMT thuộc UBND cấp huyện.

Văn bản pháp luật của các quốc gia/khu vực khác

1. Chỉ thị 2004/35/CE của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 21/4/2004 về trách nhiệm môi trường liên quan đến việc phòng ngừa và khắc phục thiệt hại về môi trường;
2. Chỉ thị (EU) 2024/2881 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 23/10/2024 về chất lượng không khí xung quanh và không khí sạch hơn cho Châu Âu (sửa đổi);
3. Đạo luật về thiệt hại môi trường (Umweltschadensgesetz) của Đức;
4. Đạo luật thủ tục hành chính liên bang (Verwaltungsverfahrensgesetz - VwVfG) của Đức;
5. Đạo luật trách nhiệm môi trường (Umwelthaftungsgesetz - UmweltHG) 1990, sửa đổi năm 2017 của Đức;
6. Đạo luật bảo vệ đất liên bang (Bundesbodenschutzgesetz - BBodSchG) 1998 của Đức;
7. Đạo luật về nước liên bang (Wasserhaushaltsgesetz - WHG) 2002 của Đức;
8. Đạo luật bảo tồn thiên nhiên liên bang (Bundesnaturschutzgesetz - BNatSchG) 2002 của Đức;
9. Đạo luật thực hiện Công ước Aarhus 2006 của Đức;
10. Đạo luật không khí sạch (CAA) của Hoa Kỳ;
11. Đạo luật nước sạch (CWA) của Hoa Kỳ;
12. Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường (CERCLA) 1980 của Hoa Kỳ;
13. Bộ luật Dân sự (KUHPerdata) của Indonesia;
14. Luật số 41/1999 về Lâm nghiệp của Indonesia;
15. Luật số 32/2009 về Bảo vệ và quản lý môi trường (UUPPLH) của Indonesia;
16. Quy định số 7/2014 của Indonesia.

PHỤ LỤC II – DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Al Fikri, M. A. (2022). *Thực hiện trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt của các công ty trong trường hợp gây thiệt hại môi trường ở Indonesia: Tổng quan về luật hành chính nhà nước ở Indonesia [Implementation of strict liability by companies in cases of environmental damage in Indonesia: An overview of state administrative law in Indonesia]*. Tạp chí Luật Nhà nước Indonesia [Indonesian State Law Review] (ISLRev)), 5(2);
2. Báo cáo số 272/BC-HLGVN ngày 10/08/2023 của Hội Luật gia Việt Nam tổng kết thực tiễn thi hành Luật Trọng tài thương mại năm 2010.
3. Bostic v. Georgia-Pacific Corp. – *Chứng cứ về mối quan hệ nhân quả phải đầy đủ trong phiên tòa liên quan tới bệnh u trung biểu mô [Evidence of Causation Must be Sufficient in Mesothelioma Trial]*, <https://ferrarolaw.com/blog/2014/july/bostic-v-georgia-pacific-corp-8211-evidence-of-c/>;
4. Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022). Xem thêm tại: <https://pilot.dcc.gov.vn/Ảnh-hưởng-của-biến-đổi-khí-hậu-ở-Việt-Nam>;
5. Đào Nguyễn Hương Duyên, *Quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường nước của doanh nghiệp*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, ngày 29/11/2021. Xem thêm tại: <https://danchuphapluat.vn/quyen-khoi-kien-yeu-cau-boi-thuong-thiet-hai-doi-voi-hanh-vi-gay-o-nhiem-moi-truong-nuoc-cua-doanh-nghiep>;
6. Đoàn Trung Kiên & Nguyễn Thanh Mai, *Trách nhiệm pháp lý đối với pháp nhân thương mại gây ô nhiễm môi trường*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, 26/08/2020. Xem thêm tại: <https://danchuphapluat.vn/trach-nhiem-phap-ly-doi-voi-phap-nhan-thuong-mai-gay-o-nhiem-moi-truong>;
7. Dương Thị Phương Anh, Nguyễn Trung Thắng, Hoàng Hồng Hạnh, Hoàng Thị Hiền, *Giải quyết tranh chấp môi trường thông qua hoà giải: Áp dụng thử nghiệm ở Đà Nẵng*, Tạp chí Môi trường, 03/07/2017. Xem thêm tại: <https://tapchimoitruong.vn/Gi/dien-dan--trao-doi-21/Gi%E1%BA%A3i-quy%E1%BA%Bf-tranh-ch%E1%BA%A5p-m%C3%B4i-tr%C6%B0%E1%BB%9Dng-th%C3%B4ng-qua-h%C3%B2a-gi%E1%BA%A3i--%C3%81p-d%E1%BB%A5ng-th%E1%BB%AD-nghi%E1%BB%87m-%E1%BB%9F-%C3%90%C3%A0-N%E1%BA%B5ng-14927>
8. García-Castrillón, CO (2011). Xu hướng tranh tụng quốc tế về trách nhiệm môi trường: góc nhìn so sánh Liên minh Châu Âu–Hoa Kỳ (*International litigation trends in environmental liability: a European Union–United States comparative perspective*), Journal of Private International Law, 7 (3);
9. Hoàng Bích Hồng, *Điểm mới về xác định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường theo quy định của Luật BVMT năm 2020*, Tạp chí Môi trường, ngày 05/10/2022. Xem thêm tại: <https://tapchimoitruong.vn/phap-luat--chinh-sach-16/diem-moi-ve-xac-dinh-thiet-hai-do-suy-giam-chuc-nang-tinh-huu-ich-cua-moi-truong-theo-quy-dinh-cua-luat-bao-ve-moi-truong-nam-2020-27032>;

10. Hồ Quân - Đinh Thắng, *Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo BLDS năm 2015*, Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp, ngày 05/04/2018. Xem thêm tại: <https://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/ngghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2291>;
11. Kerr, J. (2009), *Exxon Shipping Co. kiện Baker: những nguy cơ của cải cách bồi thường thiệt hại mang tính trừng phạt tư pháp* [*Exxon Shipping Co. v. Baker: the perils of judicial punitive damages reform*]. Emory LJ, 59, 727;
12. Kharlie, A. T. (2020), *Áp dụng nguyên tắc trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt trong luật bồi thường cho sinh kế ở Indonesia: Phân tích quyết định của tòa án tối cao số 1794K/PDT/G/2004* [*The Application of the strict liability principle in the indemnity laws for livelihoods in Indonesia: Analysis of the supreme court's decision Number 1794K/PDT/G/2004*];
13. Lê Hồng Hạnh - Lê Đình Vinh (2021), *Pháp luật về bồi thường thiệt hại môi trường ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Tư pháp;
14. Line, Emily N. và cộng sự, “Ý kiến chuyên gia” [*Expert witness testimony*], PsyArXiv. September 20 (2022);
15. Lý Khánh Hòa, *Lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại*, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam, 02/03/2023. Xem thêm tại: <https://lsvn.vn/luu-chon-phuong-thuc-giai-quyet-tranh-chap-kinh-doanh-thuong-mai-1677656725-a128284.html>;
16. M. Drenovak-Ivanović, *Luật Môi trường* [*Environmental Law*], Belgrade 2021;
17. M. Drenovak-Ivanović, *Luật Môi trường EU* [*EU Environmental Law*], Belgrade 2017;
18. M. Drenovak-Ivanović, *Trách nhiệm đối với thiệt hại môi trường: Các mô hình so sánh và hướng dẫn sửa đổi luật pháp Serbia* [*Liability for Environmental Damage: Comparative Models and Directions for Amending Serbian Legislation*], Legal Life 2014;
19. Mohan, M. P. (2021), *Bồi thường thiệt hại về môi trường: Dần dần mở rộng phạm vi, nhưng kết quả là gì?* [*Compensation for Environmental Damage: Progressively Casting a Wider Net, but What's the Catch?*], Vand. J. Transnat'l L., 54, 611;
20. N. De Sadeleer, *Nguyên tắc luật môi trường - Từ khẩu hiệu chính trị đến quy tắc pháp lý* [*Environmental Law Principles – From Political Slogans to Legal Rules*], Nhà xuất bản Đại học Oxford 2020;
21. Nguyễn Thị Phương Châm và Nguyễn Thị Minh Châu, *Bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường - từ góc nhìn lý thuyết đến luật thực định của Việt Nam*, Trang thông tin điện tử Vụ Pháp chế, Bộ Tài nguyên và Môi trường, ngày 07/04/2022. Xem thêm tại: <https://vupc.monre.gov.vn/linh-vuc-moi-truong/4206/boi-thuong-thiet-hai-do-o-nhiem-moi-truong-tu-goc-nhin-ly-thuyet-den-luat-thuc-dinh-cua-viet-nam>;
22. Nguyễn Thị Thu Hiền, Phùng Thắng, *Thực trạng xét xử tội phạm về môi trường và sự cần thiết thành lập Tòa chuyên trách về môi trường*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, 05/07/2021. Xem thêm tại: <https://tapchitoaan.vn/thuc-trang-xet-xu-toi-pham-ve-moi-truong-va-su-can-thiet-thanh-lap-toa-chuyen-trach-ve-moi-truong>;

23. Nhật Anh, *Lập tòa án môi trường để bảo vệ sức khỏe con người*, Báo Đại biểu Nhân dân, 07/06/2015. Xem thêm tại: <https://daibieunhandan.vn/lap-toa-an-moi-truong-de-bao-ve-suc-khoe-con-nguoi-post187106.html>;
24. P. Sands và cộng sự, *Nguyên tắc của Luật Môi trường Quốc tế [Principles of International Environmental Law]*, Nhà xuất bản Đại học Cambridge 2018;
25. Phạm Văn Lợi, *Những vướng mắc, bất cập trong việc giải quyết bồi thường thiệt hại do vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường*, Tạp chí Môi trường, 05/10/2017. Xem thêm tại: <https://tapchimoitruong.vn/phap-luat--chinh-sach-16/Những-vướng-mắc%2C-bất-cập-trong-việc--giải-quyết-bồi-thường-thiệt-hại-do-vi-phạm-pháp-luật-về-bảo-vệ-môi-trường-18773>;
26. Quỹ Châu Á – Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường, *Tài liệu hướng dẫn giải quyết tranh chấp môi trường thông qua hoà giải*, 2015, <https://isponre.gov.vn/vi/xuat-ban-pham/Bao-cao-va-Sach/Tai-lieu-huong-dan-giai-quet-tranh-chap-moi-truong-thong-qua-hoa-giai-191.html>;
27. Rezkina, M., & Bintang, S. (2021), *Việc áp dụng nguyên tắc trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt trong các vụ cháy rừng ở tỉnh Aceh [The application of strict liability principle in Aceh province's forest fire cases]*, Tạp chí sinh viên Luật quốc tế [Student Journal of International Law], 1(2);
28. Sadino, S. H., Hotman Sitorus, S. H., & SH, M. Z. A. (2020), *Phân tích pháp lý về tính toán giá trị tổn thất trong trường hợp cháy rừng công nghiệp (Phán quyết nghiên cứu trường hợp số 24/Pdt. G/2015/PN. Plgjo Số 51/PDT/2016/PT. PLG) [Legal analysis on the calculation of loss value for the case of industrial forest fire (Case study verdict No. 24/Pdt. G/2015/PN. PlgjoNo. 51/PDT/2016/PT. PLG)]*, Trong Chuỗi Hội nghị IOP: Khoa học Trái đất và Môi trường [IOP Conference Series: Earth and Environmental Science] (Tập 504, số. 1), Nhà xuất bản IOP;
29. Sarmilah, M., Mustafidah, L., & George, H. (2022), *Trách nhiệm dân sự đối với các công ty khai thác mỏ về ô nhiễm môi trường dựa trên luật pháp Indonesia [Civil Liability for Mining Companies for Environmental Pollution Based on Indonesian Laws]*, Tạp chí Luật môi trường và phát triển bền vững [Indonesian Journal of Environmental Law and Sustainable Development], 1(2);
30. Schnapf, L. (2021), *Trách nhiệm chung của Đạo luật về phản ứng, bồi thường và trách nhiệm toàn diện đối với môi trường có còn phù hợp trong Kỷ nguyên của lần sửa đổi thứ ba không? (Is CERCLA Joint Liability Still Appropriate in the Era of the Third Restatement?)*, Nat. Resources & Env't;
31. *Sự cần thiết thành lập tòa môi trường tại Việt Nam*, Trang thông tin của Tổ chức WCS, 16/10/2020. Xem thêm tại: <https://programs.wcs.org/vietnam/vi-vn/News/Activities-VN/ID/15056/Su-can-thiet-thanh-lap-toa-moi-truong-tai-Viet-Nam.aspx>;
32. Teguh, P. P., & Rumadan, I. (2022), *Thi hành các quyết định của tòa án dân sự về môi trường ở Indonesia [Execution of environmental civil court decisions in Indonesia]*, Tạp chí Phát triển Nam Florida [South Florida Journal of Development], 3(3);

33. Trần Tiến Dũng, *Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường*, Tòa án nhân dân điện tử, 01/12/2023. Xem thêm tại: <https://tapchitoaan.vn/phap-luat-ve-trach-nhiem-boi-thuong-thiet-hai-cua-doanh-nghiep-gay-o-nhiem-moi-truong9813.html>;
34. Viện Luật quốc tế và so sánh Anh, *Nghiên cứu so sánh về việc thực hiện nghĩa vụ chứng minh được điều chỉnh trong bối cảnh Chỉ thị phát thải công nghiệp theo luật pháp quốc gia của một số quốc gia thành viên EU [Comparative study on the implementation into the national legislation of certain EU Member States of an adapted burden of proof in the context of the Industrial Emissions Directive]*, Báo cáo so sánh, tháng 2 năm 2023;
35. Võ Trung Tín, *Đánh giá pháp luật môi trường Việt Nam và định hướng hoàn thiện*, Tạp chí khoa học pháp lý Việt Nam, Tập 01, Số 01, 2019;
36. Vũ Thị Ngọc Dung, *Pháp luật về bồi thường thiệt hại môi trường ở Việt Nam hiện nay - Bất cập và một số kiến nghị*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, 06/04/2023. Xem thêm tại: <https://danchuphapluat.vn/phap-luat-ve-boi-thuong-thiet-hai-moi-truong-o-viet-nam-hien-nay-bat-cap-va-mot-so-kien-nghi>;
37. Warlia, M., Munaf, Y., Susilo, E. I., & Huda, N. M. (2023), *Thực hiện nguyên tắc trách nhiệm nghiêm ngặt trong thi hành luật dân sự về môi trường và giải quyết việc thi hành luật tại Indonesia [Implementation of the Strictliability Principle in Enforcement of Environmental Civil Case Laws and Settlement of Their Execution in Indonesia]*, Tạp chí Luật và Nhân văn Quý (Law and Humanities Quarterly Reviews), 2(3).